



Trần Đức Thảo - Những Lời Trăng Trối

Tri Vũ - Phan Ngọc Khuê

Chương 10: Hai chuyến di chuyển “đổi đời”

Đang trong tình trạng mắc kẹt trong vòng cương toả của các cục “bảo vệ”, “tuyên huấn”, các ban “văn hoá, tư tưởng, khoa giáo Trung ương” như vậy, thì Trần Văn Giàu, rồi Trần Bạch Đằng từ trong Nam ra thăm Hà Nội. Cả hai người miền Nam này đã kinh ngạc khi khám phá ra những ý hướng mới mẻ của Thảo. Và nhất là họ thấy những điều kiện sống và làm việc quá tồi tệ như thế. Họ tính đề cập với các cấp lãnh đạo về vấn đề nên đổi xử nhân đạo với Thảo... Nhưng sau khi giải phóng miền Nam, nay hầu hết các giới chức cách mạng cấp cao ở Hà Nội đều đổ vào Nam, nói là để

“công tác”, thực ra là vào sống ở đó để được hưởng chiến lợi phẩm của chiến thắng: Hà Nội lúc đó chỉ còn lại những trụ sở và chức vụ tượng trưng không có thực quyền hành động. Cảnh trí thức Nam bộ này khuyên Thảo nên tìm cách vào Sài Gòn sinh sống, vì trong đó khí hậu ấm áp hơn, đời sống cũng sung túc hơn, nên để có điều kiện cho phép làm việc, thoải mái, cởi mở hơn. Nhưng Thảo hỏi lại:

- Các đồng chí tưởng tôi là kẻ được tự do chọn lựa, muốn đi đâu thì đi, muốn sống ở đâu cũng được sao? Tôi đã nhiều lần xin đi dạy học trở lại, họ không cho, viện dẫn lý do là đã có lệnh cấm tôi dạy học từ thời “bác” Hồ còn sống, từ đó tới nay, tôi sống như bị giam lỏng ở Hà Nội này. Thỉnh thoảng họ chỉ bố trí cho tôi được tham dự những sinh hoạt có tính tuyên truyền, cũng có lần tham gia phái đoàn đi tham quan nước ngoài. Sự có mặt của tôi trong các sinh hoạt ấy đều bị kiểm soát chặt chẽ và chỉ để đánh bóng chế độ!

Sau đó bác Thảo nhìn nhận rằng sự kiện được vào thăm Sài Gòn đã thay đổi hẳn phương hướng trong đầu óc và trong cuộc đời bác từ lúc ấy. Tâm sự ấy đã làm chúng tôi quá đỗi ngạc nhiên. Bác nói:

- Mới đặt chân xuống cái thủ đô của miền Nam này, mọi sự đã làm tôi kinh ngạc. Qua bao nhiêu năm chiến tranh gian khổ mà sao Sài Gòn nó lại khang trang hiện đại như vậy? Tôi cứ ngỡ cả miền Nam đói khổ vì bị Mỹ - Ngụy bóc lột đến nỗi miền Bắc đã phải “cán hạt gạo làm tư” để cứu giúp miền Nam cơ mà... Và mọi người ở đây sao mà nói năng cởi mở thoải mái quá vậy? Ngay những cán bộ của “đảng” ở đây cũng có thái độ tự do quá. Họ đãi đảng tôi, họ giấu cột tôi, coi tôi cứ như anh mán, anh mường ở làng mới được về thành phố. Phải nói thẳng ra là có một điều của Sài Gòn đã làm tôi bàng hoàng đến cùng cực. Đó là những bài hát của một anh chàng nhạc sĩ trẻ của miền Nam, nói đúng ra là của “Mỹ-Ngụy” chứ không phải của “đảng”. Tên anh ta là Trịnh Công Sơn. Các bài hát của anh ta mang nỗi niềm day dứt, oán trách chiến tranh. Cứ như anh ta khóc than thay cho cả dân tộc ở cả hai miền Nam Bắc. Giữa những năm tháng chiến tranh một mất một còn ác liệt như thế mà sao anh ta dám cất lên tiếng kêu than như vậy. Những lời ca của các bản nhạc đã làm tôi xúc động bồi hồi không cầm được nước mắt. Những lời của những bài hát ấy đã lay động tâm hồn tôi. Phải thú nhận là trong đời tôi, có hai lần bị thúc đẩy phải thoát khỏi thái độ sợ hãi đến hèn nhát đã ngự trị trong đầu óc bao trí thức, văn nghệ sĩ... của Hà Nội. Lần thứ nhất là do nhà thơ trẻ Trần Dần, khi anh ta tới mời tôi tham gia vào nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm! Lần thứ nhì là khi được nghe mấy bài hát phẩm thía của Trịnh Công Sơn! Đây là thứ âm nhạc phát ra từ trái tim của dân tộc. Những lời ca đau đớn trước cuộc chiến tranh của “một lũ điên”, của câu hỏi bão lòng: “tại sao một đất nước đói nghèo mà vẫn còn chiến tranh”... Những lời ca như thế đã lôi kéo tôi ra khỏi mặc cảm sợ hãi vì đang bị kim kẹp, đang bị coi như “kẻ có vấn đề”. Dám cất lên tiếng hát phản chiến, giữa lúc cả hai phía đang đăm đăm “thè phanh thây, uống máu quân thù” như thế, chứng tỏ Trịnh Công Sơn là một con người dũng cảm, không sợ ngục tù... Không hiểu sao chính quyền miền Nam lại để cho anh ta tự do sáng tác những bài ca làm mất tinh thần chiến đấu như thế? Điều này khiến phải suy nghĩ tới trình độ dân chủ rất khác nhau giữa hai miền Nam, Bắc. Một chế độ để cho người nghệ sĩ được tự do cất tiếng hát lên những nỗi niềm như thế, không phải là một chế độ tồi tệ. Xét chung thì miền Nam đã có một mức độ dân chủ rõ rệt. Cả giới trí thức lẫn dân chúng của miền Nam đều bàn chuyện chính trị cởi mở, phê phán lãnh đạo và đảng rất tự nhiên. Ở miền Bắc thì không thể. Miền Bắc là cái lò của giáo điều, của chiến tranh. Không có chỗ cho một Trịnh Công Sơn, điều đó dễ hiểu. Vì thế tôi không ngạc nhiên khi nghe tin Dương Văn Minh đã ra lệnh buông súng... và đã được nghe theo. Vì có lẽ dân đã thấm mệt với bao nỗi đau khổ, chết chóc. Tôi cảm ơn miền Nam vì đã sinh sản được một Dương Văn Minh, một Trịnh Công Sơn. Người nhạc sĩ trẻ ấy đã góp phần vào giờ phút thiêng liêng buông súng, thôi bắn giết nhau... Đây thật sự là một anh hùng của hoà bình, chính anh ta đã nêu gương can đảm cho Trần Đức Thảo này! Chi tiếc rằng người cán bộ sĩ quan của “bộ đội cụ Hồ”, khi tiến vào dinh Độc Lập gặp Dương Văn Minh, thì đã có thái độ thô bạo rất đáng tiếc... Riêng tôi thì thú thật là tôi rất cảm ơn cái lệnh buông súng ấy. Vì nó đã giải thoát được hàng vạn thanh niên miền Bắc ra khỏi rừng núi đầy bom đạn và muỗi, mòng... Vì nó đã cứu hàng vạn thanh niên với số phận

“sinh bắc, tử nam”! Vậy mà cách mạng đã có chính sách miệt thị, người sĩ quan bộ đội ấy đã có cách hành xử thô bỉ quá kém cỏi với một lãnh đạo chính quyền miền Nam như thế!

- Bác nói kém cỏi là như thế nào?

- Tại vì cách mạng đã hứa với nhân dân, hứa với anh em kháng chiến miền Nam, hứa với quốc tế là sẽ giải quyết chiến tranh bằng chính sách dân chủ hoà bình, hoà giải, hoà hợp dân tộc... sau khi có ngưng bắn. Sự tôn trọng những cam kết, tiếp theo việc chính quyền Việt Nam Cộng Hoà ra lệnh buông súng, thì sau đó đáng lẽ phải có nghi lễ ký kết hạ quốc kỳ VNCH, kéo quốc kỳ Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam lên, rồi là bàn giao chính quyền cho người của chính phủ lâm thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam đúng theo những cam kết có ghi trong hiệp định hoà bình Paris... Như vậy thì nước ta đã tránh được cái cảnh tiếp thu thô bạo, tránh được mười năm cải tạo tàn nhẫn xã hội miền Nam, tránh được sự đánh lừa anh em kháng chiến miền Nam... Với chính sách ngay thẳng, không trả thù theo tinh thần hoà giải, hoà hợp dân tộc... thì nước ta đã tránh được thảm cảnh thuyền nhân, tránh được mười năm cải tạo quá tàn nhẫn ở miền Nam, đã làm đất nước kiệt quệ, để rồi cuối cùng sau này đã phải lạy van Mỹ bỏ cấm vận, phải bãi bỏ hoàn toàn nền kinh tế xã hội phủ nghĩa, để chấp nhận nền kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản, như đang thấy! Tiếc thay trong giây phút phút lịch sử vô cùng thiêng liêng trọng đại, chính thức chấm dứt cuộc chiến tranh huynh đệ này, thì người sĩ quan “bộ đội cụ Hồ” ấy đã có ứng xử kém cỏi hung hăng quát nạt, nhục mạ cả ban lãnh đạo chính quyền miền nam, gọi Dương Văn Minh là “mày” và bắt cả nhóm phải đứng cúi đầu, chứ không cho ngồi... để nhận cái lệnh nhục nhã là “phải đầu hàng vô điều kiện”. Sự nhục mạ này, với chính sách tù cải tạo... đã làm cho nhiều công viên chức sĩ quan và binh lính miền Nam đến nay vẫn chưa nguôi hận, thề không đội trời chung với “Việt cộng”, với cờ đỏ sao vàng! Và họ còn thù cả Dương Văn Minh vì đã chịu cúi đầu lãnh nhục. Có lẽ biết trước như vậy, nên một số tướng tá quân đội miền Nam đã tự sát chứ không chịu đầu hàng cách mạng! Việc kẻ thắng trận nhục mạ kẻ bại trận là việc làm tầm thường quá dễ, nhưng kẻ thắng trận mà biết chinh phục lòng tôn kính của kẻ bại trận bằng tấm lòng quảng đại, bằng trình độ trí tuệ đậm nét văn minh văn hoá... thì đó là một việc làm rất khó. Trường hợp nước Đức thống nhất sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Đức sụp đổ, mà đã không có cảnh nhục mạ, trả thù, cải tạo như ở ta... mà rồi còn cho phép nhiều nhà chính trị cộng sản của Đông Đức cũ được trọng dụng, có người đã trở thành lãnh đạo của nước Đức tự do thống nhất... Hiện tượng sáng ngời này đã xảy ra là do dân tộc Đức có trình độ dân chủ, có vốn trí tuệ và văn minh văn hoá cao chứ không kém cỏi như ở ta. Trong trường hợp nước ta, việc ứng xử thô bỉ như vậy đúng vào giây phút chiến tranh chấm dứt như thế, đã làm cho sự tuyên truyền chính sách đại nhân, đại nghĩa “hoà giải, hoà hợp dân tộc” bỗng nhiên tự nó tố cáo nó là một quỷ kế để đánh lừa kẻ thù buông súng, chứ không phải là một sự dàn xếp nhân bản cao thượng giữa anh em trong một nhà. Máy anh em cách mạng miền Nam còn than phiền với tôi về việc có những bộ đội miền Bắc, khi tiếp quản Sài Gòn, đã nhục mạ dân chúng về tội “ăn mặc lố lăng, bắt họ phải cạo sơn móng tay, bắt cất quần ống loa” ... Rồi lại còn cảnh trả thù cả người đã chết bằng cách đập phá nghĩa trang của chế độ “ngụy” nữa! Thái độ ấy thật là thô lỗ quá trớn. Thú thật, khi nghe tin Dương Văn Minh ra lệnh buông súng thì tôi vô cùng vui mừng và biết ơn. Nếu ông ta quyết tâm tử thủ như một số tướng lãnh “ngụy” chủ trương, thì chiến tranh còn kéo dài và ác liệt hơn nữa. Trận đánh Sài Gòn sẽ tạo thêm cảnh đổ nát với sông máu, núi xương... chứ không có cảnh êm thấm mà vào dinh Độc Lập dễ dàng đẹp đẽ như vậy. Chính vì những hành động thô bạo của kẻ chiến thắng như thế mà “đại thắng mùa xuân” mới chỉ thống nhất được lãnh thổ chứ nó không thống nhất được dân tộc... Trong cái đại thắng kết thúc chiến tranh mà giảm được phần hao tổn xương máu, thì cũng phải kể công của kẻ đã ra lệnh và cả những kẻ đã chịu buông súng chứ. Tại sao lại trả thù thô bạo như thế? Tôi nói cái sự kém cỏi là như thế. Sau này, các nhà sử học phải phân tích cho công bằng cái ý nghĩa tốt đẹp của cái lệnh buông súng ấy. Chẳng lẽ phải lên án, sỉ nhục sự buông súng để dân tộc bớt đổ máu?

- Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy một người cộng sản như bác mà lại có nhận định lạ đời như vậy. Không ít người miền Nam đã kết tội Trịnh Công Sơn là kẻ đã “đâm sau lưng chiến sĩ”, và đã lên án Dương Văn Minh là kẻ hèn nhát vì đã ra lệnh buông súng để tạo ra sự đầu hàng nhục nhã như thế...

- Cung dễ hiểu tại sao lại có thái độ kết tội như vậy. Bởi mỗi người chiến sĩ khi cầm súng ra trận là với niềm tin vào chính nghĩa của mình. Nhưng phải suy nghĩ cho thật thấu đáo để thấy tầm mức lợi hại. Như trường hợp Nhật hoàng Hirohito, khi ra lệnh cho binh lính Nhật buông súng... Lệnh đó là do thương dân. Tình thần võ sĩ đạo bất khuất của dân Nhật cao là thế, vậy mà vua nước Nhật đã chấp nhận sự nhục nhã đầu hàng. Và dân Nhật đã không lên án Nhật hoàng. Họ còn tiếp tục biết ơn và kính trọng vua Nhật cho tới ngày nay. Còn Mỹ là kẻ chiến thắng, cũng không hề lên án Nhật hoàng là kẻ đã chủ trương chiến tranh bành trướng đế quốc, Mỹ cũng vẫn kính trọng Nhật hoàng vì cái lệnh buông súng ấy, vẫn kính trọng dân tộc Nhật vì đã chịu buông súng... Đáng buồn là trong giai đoạn lịch sử chiến tranh và hoà bình, cả hai miền của một đất nước từng hãnh diện với ngàn năm văn hiến, mà đã để xảy ra quá nhiều hành động độc ác, côn đồ bất xứng, nên đã không thể có được sự kính trọng lẫn nhau... Bi kịch của đất nước và dân tộc ta hiện nay là do trong chính trị, trong xã

hội vẫn có quá nhiều điều bất xứng.

- Trường hợp nước ta thì rất khác. Đây thật sự là một cuộc chiến tranh huynh đệ, vì cuồng tín ý thức hệ giữa hai phe quốc cộng, một mất, một còn... Mà sau lưng mỗi bên lại là sự chi phối, của hai khối thế lực quốc tế. Bác nghĩ thế có lẽ là chưa thấy hết sự di hại về phân biệt ý thức hệ...

- Đây không phải là những ý nghĩ của tôi. Mà đây chính là những nhận định của một số anh em cách mạng miền Nam. Họ đã phê phán chính sách cải tạo xã hội, họ cho tôi biết đã xảy nhiều điều như thế, khi quân cách mạng, giải phóng vào tiếp thu Sài Gòn và miền Nam. Đến nỗi sau đó đã làm cho miền Nam lâm vào cảnh đói khổ kéo dài cả chục năm... Mấy anh em kháng chiến ấy thì sau này đều bị gạt ra bên lề chính trị. Thật là đáng buồn. Họ đã chất vấn tôi, họ chê trách trí thức miền Bắc, cứ y như chúng tôi phải chịu trách nhiệm về tất cả những sai trái đã xảy ra trong chế độ. Biết tôi là nhà triết học, nên họ trách móc tôi, họ bắt bẻ:

- Bảo rằng “đảng” không bao giờ sai lầm là nói biện chứng duy tâm. Nói tư tưởng cách mạng là duy nhất đúng là nguy hiểm, là gian dối trong lý luận. Tại sao một người có trình độ lý luận như đồng chí mà lại chấp nhận, tình trạng phổ biến nguy hiểm lý luận tôi tệ như thế!

- Tôi đã phải giải thích cho họ hiểu sự thật rằng tôi đã chấp nhận tình trạng sai trái ấy là vì tôi sợ, là vì chúng tôi hèn. Trước những nỗi đau của dân, đám trí thức chúng tôi ở Hà Nội đã im lặng, đã có những ứng xử đồng lõa với sai lầm và tội ác như thế đấy! Tôi hứa sẽ có ngày phải thẳng thắn đề cập tới những khúc mắc vô cùng tai hại như vậy. Tôi đồng ý là nếu không tháo gỡ hết những khoảng tối, những khúc mắc của lịch sử đương đại, thì không thể nào nâng cao được dân trí, không thể nào hoá giải được tình trạng ngu tín đang tiếp tục nhấn chìm chế độ này vào vũng lầy thối nát, xã hội ngày càng hỗn loạn, con người ngày càng suy đồi về tinh thần, càng sa đoạ về mặt luân thường, đạo đức, trật tự kỷ cương...

- Nhưng làm sao mà giải quyết được những vấn đề phức tạp ấy?

- Tất cả những vấn đề ấy phát xuất từ tình trạng vẫn có bất công trong đời sống, mà lại phải gánh vác chiến tranh kéo dài, trong khi chính sách thì đầy ấp mưu mô, lý luận thì gian xảo nguy hiểm. Từ những ứng xử lật lọng của chính quyền, của guồng máy tuyên truyền nặng tính giáo điều, vừa ngu tín, vừa cuồng tín... Tất cả đều bắt nguồn từ cái ý thức hệ hung hăng “đấu tranh giai cấp”: nhu cầu đấu tranh đã sinh ra muôn vàn tội ác, đã gieo rắc hận thù, đã phát triển bạo lực, đã chia rẽ dân tộc rất là nặng nề và tai hại. Không đưa ra ánh sáng những sai trái ấy để phân tích, để lý giải, để thanh toán chúng thì dân tộc còn bị chia rẽ lâu dài, xã hội sẽ ngày càng bế tắc, chính quyền ngày càng ung thối.

Sau đó bác Thảo còn giải thích thêm rằng chính những trăn trở, những ảnh hưởng tích cực của những ngày đầu được vào sống ở Sài Gòn, đã đưa bác tới sự chọn lựa một thái độ dứt khoát, phải có một phương hướng nghiên cứu mới thật sự cởi mở và khách quan, xuyên suốt bác Thảo nhìn nhận cuộc sống mới ở Sài Gòn đã giúp cho công cuộc nghiên cứu sau này của bác có một mục tiêu phản biện rõ rệt, một hướng nhân bản, tiến bộ vững chắc. Nhờ vậy mà tâm hồn thấy hứng khởi, đầu óc thêm minh mẫn! Rồi bác Thảo giải thích tiếp:

- Sự tiếp cận thực tại đầy mâu thuẫn trong xã hội mới đã làm cho đầu óc tôi thức tỉnh. Trạng thái tinh thần hưng phấn như thế là nhờ sự thôi thúc của mấy anh em kháng chiến và trí thức miền Nam. Vì tôi được mời vào tham quan lúc Sài Gòn đã được hoàn toàn “giải phóng” và đang hăm hở tiến hành cải tạo mang tính xã hội chủ nghĩa, qua những bước chập chững của thời kỳ “đổi mới”. Việc ấy tuy phức tạp nhưng phong phú, đầy những hiện tượng có ý nghĩa sâu sắc, với những hệ quả lâu dài...

- Mà việc tôi được phép vào Sài Gòn cũng là do mấy đồng chí miền Nam thu xếp. Câu chuyện là như thế này: một hôm, rất bất ngờ, Trần Văn Giàu lại từ miền Nam ra, tới gặp tôi và tha thiết đề nghị:

- Anh nên vào Nam mà sống, trong ấy không khí ấm áp dễ thở hơn và có sẵn mọi thứ có lợi cho sức khỏe và công việc làm nghiên cứu cũng dễ hơn. Chứ ở ngoài bắc này, không khí canh chừng ngột ngạt khó thở quá. Làm nghiên cứu chính trị và triết học sao được!

- Nhưng tôi không được tự do chọn nơi ở. Tôi thấy bây giờ ở Hà Nội, ai cũng tỏ ra háo hức muốn vô Nam để được hưởng thành quả chiến thắng. Nghe nói trong ấy con người và xã hội có vẻ phóng khoáng hơn, tôi cũng muốn đi theo họ. Nhưng bị kiểm soát, canh chừng như thế này thì tôi làm sao vô trong ấy được!

- Tôi sẽ vận động để mời anh vào tham quan và ở chơi với chúng tôi một vài tháng. Một khi vào rồi thì muốn ở lại cũng dễ thôi. Ở trong Nam anh có quen ai không?

- Có lẽ tôi chỉ quen biết có một người là Sông Trường, hình như đang làm việc gì đó ở Sài Gòn. Đồng chí ấy từ trước đây vẫn là người đã được “Trung ương” trao nhiệm vụ trực tiếp “cai quản” tôi.

- Thế thì thì tốt quá. Tay ấy đang ở Sài Gòn, vừa trông chờ Tập Chỉ Cộng Sản, vừa chỉ đạo toàn bộ công tác tư tưởng ở trong Nam... Đồng chí ấy có thể viết thư mời anh vào trong ấy tham quan. Nếu không thì tội tôi sẽ gửi thư mời anh để anh xin giấy di chuyển. Nhất là lúc này, đang có những sức ép của các gia đình cán bộ đòi phải nói rộng việc đi lại giữa hai miền Nam - Bắc cho dễ dàng hơn.

Nhận được thư mời của thành uỷ Sài Gòn, Thảo làm đơn xin giấy di chuyển vào thăm Sài Gòn trong ba tháng. Đơn này được gửi cho thành uỷ Hà Nội, rồi nó được chuyển qua cục bảo vệ. Cục bảo vệ chuyển qua Trung ương “đảng” với lời ghi kèm: “Đồng chí Thảo từ lâu vẫn do Uỷ ban Trung ương quản lý”. Tại đây, lá đơn lại được gửi vào Sài Gòn cho đồng chí Sông Trường là người đã được lãnh đạo uỷ thác nhiệm vụ quản lý “đồng chí Thảo” ngay từ lúc đầu. Nhận được lá đơn, Sông Trường tự viết tay vào một tờ giấy, rồi ký tên và đóng con dấu vuông đỏ của “Trung ương Đảng”. Lời lẽ ghi trong tờ giấy nhỏ đính kèm là đơn ấy, như sau: “Nên chấp thuận cho đi, vì hiện nay đối tượng này ở Hà Nội đang trở thành nơi thu hút và tập trung nhiều thành phần phức tạp rất quậy phá”. Dưới mấy chữ “phức tạp rất quậy phá” được gạch dưới bằng bút đỏ!

Tháng ba, 1987, Thảo được phép vào thăm Sài Gòn và được thành uỷ cho trụ ngụ tại khách sạn Bến Nghé, là một khách sạn thuộc loại bình dân dành cho cán bộ cấp thấp. Tuy vậy, giới trí thức cũng như thành uỷ Sài Gòn đã dành cho Thảo một sự tiếp đón thân tình:

- Đồng chí cứ sinh hoạt thoải mái, ở đây không có sự kiểm soát gắt gao như ở Hà Nội đâu. Còn về mặt vật chất thì Thành uỷ sẽ cấp dưỡng chu đáo! Mong rằng rồi đây, đồng chí sẽ có cống hiến đóng góp vào sinh hoạt tư tưởng với anh em trí thức trong này.

Sự khuyến khích và giúp đỡ ấy là một thúc bách đối với Thảo; phải làm một cái gì mới mẻ đáp lại lòng tốt của anh em miền Nam, phải đáp ứng khát vọng của trí thức Sài Gòn, phải đề ra một phương hướng lý luận mới, không giáo điều, không nguy biện! Được gợi hứng bởi môi trường phóng khoáng của miền Nam, Thảo viết một hơi, chỉ trong mười ngày một tập sách nhỏ. Đây là một thứ trích đoạn từ những phác thảo của cuốn sách lớn đã sẵn có trong đầu. Đoạn này phù hợp với như cầu của tình hình. Vì nó nêu ra sai lầm cơ bản của cách mạng là lối sùng bái lãnh đạo và lối lý luận nguy biện xơ cứng, không chịu nhìn nhận những giá trị sẵn có trong bản sắc, bản năng của con người nói chung, không chịu coi con người là trọng tâm, là cứu cánh của mọi lý luận, mọi chính sách. Chính lối lý luận xơ cứng giáo điều, coi con người chỉ là dụng cụ này, đã đưa tới bế tắc tư tưởng. Vì đã bỏ quên con người là cứu cánh. Đây là nguyên nhân sâu xa, khiến từ khối Liên Xô cho tới chế độ Khmer Đỏ đã bị phê phán nặng nề, đến phải lung lay, và đã sụp đổ...

Kết quả của sự ra mắt tập sách nhỏ với nhan đề “Con người và chủ nghĩa lý luận không có con người” thật là bất ngờ. Đây là một mốc sinh hoạt tư tưởng có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời nghiên cứu triết học của Thảo từ khi về nước. Đây là lần đầu tiên một tập sách mang tính lý luận, triết học không chịu sự chi phối của “đảng”, đã được phép công khai xuất bản tại Việt Nam. Mà tác giả của nó lại là Trần Đức Thảo, một nạn nhân, một tội nhân trong vụ “Nhân Văn - Giai Phẩm”! Tập sách nhỏ này ra đời đúng vào lúc mọi người đang náo nức bàn luận về một xu hướng đòi hỏi phải thay đổi cả về tư duy lẫn đường lối chính sách. Đó là đòi hỏi phải có chính sách thật sự là mới và cởi mở cho hợp với thời đại, do chính Việt Nam chủ động! Cuốn sách được trí thức miền Nam đánh giá là một văn bản phản bác giáo điều, chống tệ nạn sùng bái cá nhân của thời “đảng” bao cấp, “đảng” thống trị!

Bác Thảo, khi nói về tình trạng “lúng túng trong lý luận siêu hình” một cách vô ý thức mà chính bác cũng đã phạm phải, và bác nhấn mạnh rằng điều này đã được nêu ra rất rõ trong cuốn sách ấy. Rồi bác giải thích:

- Tuy nhiên trong đó tôi chỉ mới xét vấn đề ở một khía cạnh hạn chế, chưa đầy sự phân tích lý luận tới tận cùng. Khi nêu ra những mâu thuẫn trong lý luận của Althusser của Mao và rồi cả của Pol Pot thì tôi chỉ kết luận là những lý luận ấy đều có mâu thuẫn, đều là sai lệch. Thực ra thì ngày nay tôi đã có thể đẩy sự phân tích đi xa hơn nữa, để thấy những mâu thuẫn, sai lệch ấy đều xuất phát từ cùng một gốc gác là tư tưởng Mác-Lenin! Bàn về tính lỗi thời của tư tưởng ấy thì đã cũ. Nhưng phân tích, chứng minh bằng lý luận biện chứng rằng tư tưởng ấy đã gợi ra, đã làm nảy sinh những chính sách đầy mâu thuẫn và độc ác... thì đây là một điều mới mẻ và táo bạo. Trong tiểu luận nêu trên, tôi đã đề cập tới vấn đề con người bị bỏ quên, cốt chỉ muốn bảo vệ một số giá trị sẵn có trong con người nói chung, nên đã bị quy oan là có xu hướng thù địch “chống đảng”, phá cách mạng! Và rồi bị đẩy ra khỏi hàng ngũ “nhân dân”! Sự sai lệch ấy phát xuất từ lý luận hình thức một chiều, không biện chứng. Đây là một vấn đề thường xảy ra khi đảng cộng sản ở trong vị thế cầm quyền. Đây là thái độ cửa quyền về mặt tư tưởng. Và vấn đề này luôn luôn là một vấn đề rất thời sự cần phải giải quyết để một đảng cộng sản cầm quyền không bị giam hãm, thụ động dậm chân tại chỗ trong tình trạng giáo điều, bảo thủ và bế tắc. Và cách giải quyết để thoát ra khỏi bế tắc, thụ động ấy là phải vận dụng lý luận đặt nặng cả hai mặt vừa biện chứng, vừa hình thức. Với một “lô- gích” vừa hình thức, vừa biện chứng mới mẻ như vậy, thì sẽ có thể thống nhất được lý luận với hành động, lý thuyết với thực tại, chính sách với sự thật. Làm cách mạng là phải tôn trọng cả hai mặt của sự thật, vừa biện chứng, vừa hình thức. Như vậy mới không còn sợ sự phản biện của sự thật.

Tuy với một sự phân tích còn hạn chế, mà không ngờ một tập biên khảo nhỏ, được viết ra từ một gọi hứng của mấy người bạn mời, mà nó đã được đón nhận như một bông hoa lạ mà những trí thức đang bị ức chế về mặt tư duy, đã mong đợi từ lâu. Cuốn sách được xuất bản dễ dàng và đạt kết quả tốt. Chỉ trong ba tháng, người ta đã phải cho tái bản vì độc giả tìm mua quá đông, mà sách không còn để bán.

Vì có những lời bình bòn vui mừng quá trớn, coi tập sách này như là một sự bùng phát của một tâm thức bị dồn nén đang muốn vùng dậy. Dự luận coi đó là lời tố cáo, gần như công khai, nguồn gốc của một chế độ đã có quá nhiều thủ đoạn kim kẹp, bắt ép con người phải sùng bái học thuyết, sùng bái lãnh đạo... và cứ phải bùng bít sự thật, phải dối trá nguy hiểm trong lý luận để củng cố địa vị và để chạy tội! Trước những lời bình bòn bốc đồng như thế, Thảo lo ngại vì thấy có thể gặp phản ứng nguy hiểm, nên đã cố ý sửa lại cuốn sách trước khi cho tái bản, bằng cách đưa chương mở đầu, nói về tệ nạn quy oan, tệ nạn sùng bái, vào bên trong, thành chương tám ở cuối cuốn sách, cho nó bót va chạm vào sự kiên cường, tự ái của mấy ông “bảo hoàng hơn vua”, của mấy ông “quan cách mạng” trong các ban cục “tuyên giáo”, “bảo vệ” và “tuyên huấn”, “tư tưởng Trung ương”... Rồi ở phần cuối thì tăng thêm vài trang nói về hiện tượng giáo điều cực đoan của chế độ Pol Pot. Nhưng kẹt cho thành uỷ Sài Gòn là có lệnh từ Hà Nội, yêu cầu thu hồi cuốn sách và từ nay cấm phổ biến nó. Chờ cho vài tuần qua đi, thành uỷ báo cáo ra Hà Nội rằng “Rất tiếc không thi hành lệnh thu hồi được, vì cuốn sách, cả ở lần tái bản, nay đã bán hết ra ngoài”!

Nhờ lần tái bản này với số lượng in ra nhiều hơn nên dễ mua hơn. Hậu quả là số trí thức tới lui khách sạn Bến Nghé tiếp xúc với Thảo trở nên tấp nập. Công an khu vực khách sạn được lệnh phải nhập cuộc bằng cách lập danh sách những ai hay tới thăm tác giả cuốn sách ấy. Nhưng số người tới thăm Thảo cứ tăng vọt lên khi có tin cuốn sách đã bị cấm. Để chấm dứt sự chiếu cố quá lộ liễu của giới trí thức và giới cựu kháng chiến của miền Nam, thành uỷ ra lệnh thay đổi chỗ ở của Thảo.

Những người bạn mới thường ưa tới bàn chuyện chính trị với Thảo đã bị cụt hứng khi tới khách sạn Bến Nghé thì được nhân viên khách sạn trả lời:

- Đồng chí ấy đã trở về Hà Nội rồi!

Sự thật là Thảo đã được cấp cho một căn nhà nhỏ ở đường Đề Thám chứ không phải là đã bị đưa về lại Hà Nội. Nhưng rồi người ta cũng khám phá ra địa chỉ mới của Thảo. Lần này thì có nhiều trí thức của chế độ cũ tới làm quen với Thảo. Trong cơn sốt chạy theo xu thế “đổi mới” ấy là cả một phong trào bùng ra làm kinh tế “chui” của các đảng viên. Và một hôm, Thảo bỗng phải chứng kiến một sự thật tàn nhẫn vô cùng đau đớn. Đang lúc rảo bước trên một hẻm gần đường Cô Bắc, cách nơi ở của Thảo chừng năm chục mét, thì thấy mấy người qua đường cản lại và nói:

- Đùng đi quá đấy, có thằng thương binh nó đang xin đều đấy! Quay lại đi! Nó hung dữ lắm đấy!

Thảo chột dạ, tính quay lại vì chưa hiểu có chuyện gì nguy hiểm ở phía trước. Nhưng nhìn kỹ phía trước mặt, tuy hơi xa, là một hình dáng khá quen: ai như là Long! Đúng là Long, người bộ đội trẻ lái xe quân sự, đã đưa Thảo từ Nam Ninh về Việt Nam. Và sau đã trở nên thân thiết ở ATK, Long thường gọi Thảo bằng “bọ Thảo”! Nay thì Long ăn mặc lôi thôi, vóc dáng tiêu tụy, tay cầm một cái ống tiêm (chích), đang đi tới với nét mặt hung dữ.

Thảo gọi lớn:

- Long! Long! Thảo đây!

Long giật mình ngưng lại, tính quay đầu chạy, nhưng Thảo đã chạy lại quá gần! Long vừa vớt vại cái ống chích xuống đất thì Thảo đã tới ôm chầm lấy Long:

- Làm sao mà xanh xao, vàng vọt thế này, hả Long? Làm sao mà ra nông nỗi này?

Long ôm lấy Thảo và oà khóc:

- Bô Thảo ơi! Đời con tàn rồi! Con bị sốt rét mẫn tính quá nặng, nên đã bị cho rã ngũ ở trong này! Sống túng quẫn quá nên tụi lính rã ngũ như con phải đi ăn xin! Hu! Hu! Hu!

Thảo cũng không cầm được nước mắt, kéo Long về nhà ngay gần đó, Thảo nói:

- Thôi bây giờ gặp nhau đây thì ở lại đây. Tôi cũng chỉ sống có một mình, nhưng được thành uỷ Sài Gòn chu cấp nên cũng đủ sống. Bây giờ Long cứ coi tôi như chú Đa của Long, cứ coi căn nhà bé nhỏ này là của Long, của chúng ta nhé!

Long lấy lại bình tĩnh, vừa kể lể vừa khóc sụt sịt, về cảnh khổ của đám thương bệnh binh bị rã ngũ... Rồi lấy tay áo rách lau mặt, ngồi im lặng hồi lâu, bỗng đứng dậy, lại gần Thảo. Thảo lục lọi trong túi quần có mấy chục

đồng đưa cả cho Long:

- Đây có chút này biểu Long cầm lấy mà tiêu...

Long cảm thấy tủ thân, xấu hổ quá nên gạt đi và nói:

- Bọ Thảo ơi, ốm đau như thế này thì cứ giữ lấy mà sống, con xoay sở được mà! Thôi bây giờ biết nhà rồi lúc khác con sẽ trở lại thăm bọ!

Nói rồi bước vội ra ngoài, chạy thẳng một mạch như sợ bị Thảo đuổi theo!

Thảo bước ra ngoài, nhìn theo, thì Long đã chạy quá xa. Bước trở vào, Thảo cũng ôm mặt ngồi khóc, miệng lẩm bẩm:

- Tại sao lại có thể có nông nỗi này? Tại sao? Tại sao?

Cả những ngày sau đó, cũng không thấy Long trở lại. Thảo cứ như người mất tinh thần, cứ lẩm bẩm nói một mình. Cũng may là sau đó có nhiều người xa lạ tới thăm để bàn chuyện tình hình đất nước, khiến Thảo phải bận tâm vào những suy nghĩ khác. Tới với Thảo giờ đây, là cánh kháng chiến cũ của miền Nam, từng bị gạt ra bên lề chính trường ngay sau ngày chiến thắng. Giới này bao gồm hai thành phần: thành phần có uy thế văn chương, văn hoá, có bằng cấp, đã được dùng như đồ trang trí trong Phong trào hoà bình, hoà giải dân tộc và trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, nay thì họ lên tiếng phê bình “đảng” một cách ngậm ngùi cay đắng vì bị lâm vào cảnh “vắt chanh bỏ vỏ”. Còn thành phần “đảng” viên, gốc miền Nam chính cống, thuộc lực lượng vũ trang, từng trực tiếp đóng góp xương máu cho sự nghiệp thống nhất, thì nay phần nộ ra mặt, để phản kháng chính sách phân bội anh em, đồng chí miền Nam của “đảng”. Cả hai thành phần này tìm thấy ở Thảo một nhả phân tích tình hình chính trị sắc bén, với những dự báo khả tín. Những gì Thảo đã phê phán và lo ngại, thì rồi nó cứ tiếp tục xảy ra, rất rõ nét, thật bi đát, thật kinh hoàng.

Thảo giải thích và nhấn mạnh:

- Để phục hồi sản xuất, sau những đợt cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế ở miền Nam thất bại, đã đưa đất nước tới tình trạng kiệt quệ hoàn toàn, nên nay đành phải ngã theo khối tư bản, phải dựa vào vốn tư bản nước ngoài, để phát triển “theo hướng kinh tế thị trường”. Do vậy mà trước tiên là phải phá bỏ những nút thắt đã có trong kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cái đang có và đáng tự hào là một cuộc cách mạng mới về mặt chính trị và xã hội. Cái thứ nhì đáng hãnh diện là cả một đất nước thiên nhiên, còn đầy tài nguyên chưa khai thác. Nay đứng trước xu hướng đổi mới kinh tế, ngã theo khối tư bản, thì nền tảng chính sách cách mạng kiểu cũ phải dẹp bỏ hoàn toàn. Nhưng nay ta đang đứng trước nguy cơ thiên nhiên đang bị tàn phá, vì những phát triển quá trớn... quá bừa bãi!

Giới kháng chiến cũ của miền Nam hỏi Thảo:

- Anh nhận định ra sao về tương lai của những người kháng chiến cũ như chúng tôi?

- Dĩ nhiên là người ta đã và sẽ dứt khoát dẹp các anh qua bên lề, vì nay sẽ không còn là thời kỳ cách mạng nữa, mà là thời kỳ “đổi mới” với khẩu hiệu chính thức “đổi mới hay là chết”! Nay là phải thay đổi, bãi bỏ một số điều kiện để “đảng và chế độ” trụ lại được, sau khi đã cơ bản thất bại vì bế tắc cả về chính trị lẫn kinh tế trong giai đoạn kiêu binh ấu trĩ, hung hăng thừa thắng tiến lên chế độ “Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa”! Từ sau 1976 cho tới 1985, tức là nay “ta” đã phải đau đớn dứt khoát bỏ hết các nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa đã quá lỗi thời, theo một lập trường mới, phương pháp mới, là ngã hẳn theo khối kinh tế tư bản, là nơi duy nhất có dư tiềm lực giúp đất nước ta đứng dậy. Và do vậy, các anh là người của thời cũ, nên nay bị đẩy ra bên lề!

- Thế thì chính sách “đổi mới” này là tốt hay xấu?

Thảo lại phải giải thích thêm:

- “Đổi mới” trước hết là sự thú nhận một số chính sách cũ về kinh tế sản xuất và tổ chức xã hội là sai trái, nay phải dứt khoát dẹp bỏ. Như vậy là một điều tốt, vì nó hợp với thực tại đã thấy được rất rõ ở miền Nam này. Vì dù bị trói tay, dân miền Nam vẫn cố sản xuất chui để sống còn. Nay chỉ có cởi trói cho dân được bung ra tự do sản xuất thì mới thoát khỏi cuộc khủng hoảng vì quá đói khổ, thiếu thốn này. Nhưng do điều kiện kiệt quệ về vốn liếng và về chuyên môn kỹ thuật, nên đổi mới đòi phải hoàn toàn dựa vào khối tư bản đứng đầu là Mỹ. Vì khối xã hội chủ nghĩa nay đã hoàn toàn kiệt quệ, bị bế tắc cả về kinh tế; lẫn chính trị. Chỉ còn lối thoát là dựa hẳn vào khối tư bản, chắc chắn là sẽ sớm thoát ra khỏi nghèo nàn, tụt hậu về kinh tế. Vì một khi tư bản nó đổ vốn vào, thì nó sẽ ồ ạt xây dựng và phát triển cơ sở sản xuất hàng hoá, cơ sở du lịch... để phục vụ cho thế giới tư bản. Kết quả sẽ thấy ngay trước mắt: dân có công ăn việc làm, sẽ có hàng hoá để tiêu dùng và xuất khẩu, du lịch sẽ phát triển... nền kinh tế sẽ đạt lợi nhuận nhanh và cao. Du khách và vốn khối tư bản sẽ tràn vào như nước, làm cho xã hội sẽ phải lột xác để phục vụ những thế lực có dư tiền bạc của khối tư bản... Tóm lại là đổi mới như vậy, đất nước sẽ trở thành một mắt xích kinh tế của khối tư bản. Nhưng đi với tư bản, tức là đi với đồng đô-la Mỹ, mà không có tự do dân chủ, thì chỉ có đường làm đầy tớ cho nó thôi. Bởi chỉ có sức mạnh của tự do dân chủ, tức là khi dân có quyền phản đối, có quyền đảo thải, bằng lá phiếu, một chính

quyền thổi nát bị dân chán ghét, thì mới cản lại được những bước phát triển phá phách quá trớn do sức ép của đồng vốn tư bản! Còn ở ta vì không có tự do dân chủ, nên bọn tư bản sẽ cấu kết, mua chuộc chuyên chính, để lũng đoạn, thao túng kinh tế. Do vậy, trong thực tế, vì thiếu vắng dân chủ, nên Việt Nam sớm muộn thì sẽ trở thành “một thuộc địa kiểu mới” của khối tư bản. Những ai nằm trong sự vận hành của nền kinh tế tư bản này sẽ giàu lên nhanh chóng, vì chủ nghĩa tư bản có nguyên tắc “vỗ bò cho béo, rồi mới vắt sữa”. Tham nhũng sẽ là con bò được vỗ béo rất nhanh! Các anh tuy đã bị loại ra khỏi chính quyền, nhưng nay phải ý thức về một nghĩa vụ mới; Đó là cùng với nhân dân, các anh phải đứng ra ngăn cản những bước phát triển quá trớn của một chính quyền nhắm mắt chạy theo đồng đô- la Mỹ, đo thể lực tư bản man rợ giết giầy. Chính sách “đổi mới” này chỉ là một thứ xét lại về kinh tế, sau thất bại về mặt này. Đổi mới thực ra chỉ là về mặt sản xuất kinh tế, còn về mặt chính trị, thì vẫn dùng khuôn phép cũ, nhưng vận hành theo một cách chú trọng tới đồng tiền, tới lợi nhuận... Đây là thời kỳ bùng phát của tham nhũng... vì là một thứ bình mới, vỏ mới nhưng trong vẫn là thứ rượu cũ! Tức là trong chính trị thì vẫn là cai trị độc đoán theo kiểu xã hội chủ nghĩa, nhưng về mặt kinh tế thì buông thả để cho tư bản nước ngoài tung hoành, lũng đoạn. Vì tư bản nước ngoài sẽ là nguồn lực chính giúp “đăng” và chế độ sống còn...

Khi tư bản phát triển, người ta nhận ra là không còn sợ bị chia thiếu công bằng, mà chỉ sợ mọi người không có tiền dư dả để mà mua! Muốn vậy thì phải cố sức sản xuất và nhập khẩu hàng hoá đến mức dư thừa! Đây là một nguy cơ để cho tư bản man rợ đào sâu vực thẳm chia cách giàu và nghèo trong xã hội, đưa sản xuất và thị trường vào chu kỳ luẩn quẩn: sau phát triển thịnh vượng giả tạo hàng hoá tràn đầy nhưng dân không có tiền mua, tình trạng này đưa tới nạn lạm phát, tới nạn suy thoái kinh tế vì hàng hoá ế ẩm, sản xuất phải đình lại, gây ra thất nghiệp rồi sinh ra khủng hoảng xã hội... Nếu không đề ra một chính sách tự chủ, bảo vệ chủ quyền, bảo đảm một sự phát triển hài hoà và đồng bộ, bảo vệ giới lao động, thì nguy cơ lạm phát, bội chi, thất nghiệp, bất công xã hội, chênh lệch giàu nghèo sẽ ngày càng trầm trọng! Tư bản thế giới càng đổ vốn vào đầu tư, thì chúng sẽ càng làm chủ nền kinh tế nước ta, chúng càng ra sức thao túng phát triển bừa bãi, thì xã hội càng mất trật tự kỷ cương, môi trường thiên nhiên càng bị tàn phá gây mất cân bằng sinh thái... Đất nước ta sẽ trở thành cơ xưởng sản xuất, cơ sở du lịch của khối tư bản. Dân tộc ta sẽ là kẻ làm công, làm đĩ để phục vụ chúng... Chúng sẽ ra lệnh phá rừng này để xây nhà máy, phá bãi biển kia làm khu du lịch, phá ruộng này làm sân “gôn”, phá khu nhà kia để xây sông bạc, khu giải trí... Chúng sẽ bảo ta cần rất nhiều thứ phồn vinh giả tạo chạy theo nhu cầu giả tạo như điện hạt nhân, như xe lửa cao tốc, như khách sạn năm sao... nghĩa là ta phải cần tất cả những nhu cầu giả để phục vụ thành phần giàu có như thường thấy trong khối tư bản. Những nơi đã phát triển hoành tráng, lộng lẫy, thì dân nghèo sẽ bị đuổi đi, bị cấm lui tới đó. Đây sẽ là chế độ của bọn nhà giàu, chứ không còn gì là xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nông nữa!

Bọn tư bản sẽ không bao giờ biết ngưng tham lam. Mọi sự phát triển đều sẽ bị đẩy tới mức quá trớn: đã xây cát thì phải xây cát nhiều hơn nữa. Đã nhiều hàng hoá thì sẽ phải sản xuất thêm nhiều và đa dạng hơn nữa. Đã cạnh tranh thì không khoan nhượng. Và một khi vốn tư bản đổ vào, kinh tế tư bản đã bao trùm, lợi nhuận tăng vọt, thì bọn tư bản sẽ đòi phải mở cửa rộng hơn; phải sửa lại luật lệ để chiều theo yêu cầu của chúng một cách triệt để hơn, lộng hành hơn. Nền kinh tế quốc gia sẽ bị cuốn hút vào những chu kỳ khủng hoảng liên tiếp, cứ tăng rồi giảm, giảm rồi lại tăng. Lúc kinh tế tăng trưởng thì bọn nhà giàu hưởng lợi. Khi kinh tế giảm thì chúng sẽ sa thải công nhân. Chung quy là giai cấp công nông sẽ luôn luôn bị thiệt thòi, vì là giới phải trả giá cho những cuộc khủng hoảng.

Nguy cơ kinh tế thường xuyên bị lũng đoạn cũng sẽ nặng nề hơn. Một nền kinh tế dựa trên vốn nước ngoài và thị trường nước ngoài thì đương nhiên đất nước ta là con bò đang được vỗ béo, đang bị vắt sữa, nghĩa là càng phát triển như thế, dân lao động càng bị bóc lột, thiên nhiên càng bị tàn phá nhiều hơn. Chủ quyền của ta sẽ teo đi! Hưởng đấu tranh tới đây của trí thức các anh là sẽ phải ra sức chống lại một chính quyền tham nhũng với những bước phát triển vô tổ chức và quá trớn ấy. Phát triển quá trớn ấy, ngoài sự tàn phá cân bằng sinh thái của thiên nhiên, nó còn là nguy cơ phá hoại mọi truyền thống, mọi nghĩa vụ, làm mất bản sắc dân tộc, cơ bản là sẽ mất tinh thần tự chủ... Nếu không bảo vệ chủ quyền, chống sự phát triển quá trớn thì dân ta sẽ sống như kẻ làm mướn cho ngoại bang và phải sống nhờ trên chính đất nước của mình! Vì lúc đó các khu chế xuất lớn, các khu du lịch sang trọng, các hệ thống công nghệ tiên tiến, hiện đại là do vốn tư bản nước ngoài và tham nhũng làm chủ, sẽ ưu tiên phục vụ cho tham nhũng và thế giới đại tư bản! Các anh nên nêu vấn đề luật lệ bảo đảm các nghĩa vụ phục vụ dân chúng, bảo vệ dân lao động.

- Giờ đây là những vấn đề bảo vệ chủ quyền của quốc gia, đòi thêm quyền lợi cho công nhân trong các xí nghiệp do nước ngoài thao túng, đòi kiểm soát, bằng một đạo luật, để minh bạch hoá sự phân chia lợi nhuận

kinh tế cho công bằng, nghĩa là để một mức lợi nhuận quan trọng dành cho phục lợi của nhân dân lao động, cho những ai đang sống trong một xã hội tư bản do đồng tiền chi phối, ít ra là đòi cho được một nền giáo dục và y tế mang tính nghĩa vụ, tức là được miễn phí. Thật không có sự bất công xã hội nào bằng tình trạng lợi nhuận trong cả nước tăng lên vùn vọt, mà dân ốm đau không có tiền đi chữa bệnh! Con trẻ đang tuổi học hành nhưng không có tiền đóng học phí! So với thời chế độ cũ của miền Nam trước đây thì thật là một sự thua kém rất xa! Thật là vô lý và nhục nhã, khi ta nói là đã giải phóng miền Nam, mà nay đưa miền Nam tới tình trạng con người bị nô lệ vào đồng tiền hơn trước! Không tiền là ốm đau không thuốc men, không tiền là con em không được học hành! Giải phóng miền Nam là như vậy sao? Sự thật là miền Bắc đã mang cái chuyên chính, cái đói nghèo vào cho xã hội miền Nam! Và rồi nếp sống văn minh văn hoá cởi mở ấm no của miền Nam đã tràn ra giải phóng ngược lại miền Bắc, lôi miền Bắc ra khỏi lối sống hủ lậu “tự túc tự cường” cứ ngoan cố tự hào về thành tích bùng bít chính trị, về hạn chế tiêu dùng! Nay thì miền Bắc cũng được bùng ra tự do làm ăn... theo gương miền Nam. Nhưng trong cái đà bùng ra làm kinh tế ấy, tham nhũng đã phát triển tới đa, không gì ngăn chặn được!

- Thế nên nay phải đòi kiểm soát thật chặt chẽ các nguồn lợi nhuận đến từ tham nhũng. Mọi chi tiêu dùng “vốn chết”, như xây nhà cửa quá khang trang, mua xe cộ lớn, chi tiêu xa xỉ v.v... sẽ phải bị kiểm soát nguồn gốc hợp pháp, sẽ bị đánh thuế thật cao để bù đắp vào sự thiệt thòi của nhân dân lao động. Phải truy gốc hợp pháp của các món tiền tiêu xài xa xỉ đó, để cho bọn tham nhũng lộ mặt, để kiểm soát các nguồn thu nhập gian lận của chúng, để thu lại tài sản tham nhũng dùng nó làm quỹ phục vụ phúc lợi miền phí cho nhân dân. Phải tranh đấu đòi và bảo đảm phần lớn lợi nhuận là dành cho phúc lợi của toàn dân. Phải hoàn thành cả một hệ thống kiểm soát, cấm cản, truy thu có tính hồi tố tất cả tài sản có gốc tham nhũng. Đặc biệt là phải cho phép thành lập công đoàn tự do để bảo vệ công nhân, phải đòi có tự do báo chí để phanh phui bằng hết và kịp thời mọi hành vi tham nhũng đã qua, hiện tại và trong tương lai. Phải chấm dứt cảnh độc quyền cai trị và độc quyền kinh tế. Vì tư bản mà làm chủ nhà nước, thì nó sẽ làm chủ mỗi người chúng ta qua sự cai trị chuyên quyền! Tương lai của chúng ta đang lâm nguy! Vì nguy cơ trước mắt là bao nhiêu quyền dân chủ tối thiểu cần thiết ở ta sẽ bị xoá bỏ! Ưu tiên là phải đòi cho dân được tự do ứng cử và tự do bầu cử trực tiếp bằng lá phiếu của dân. Đó là hướng tranh đấu mà chúng ta phải theo đuổi để có một nền độc lập thật sự; để cho dân ta, bằng lá phiếu tự do, thật sự làm chủ nước ta! Có như vậy thì khỏi tư bản mới kính trọng ta, không thao túng được ta và không nô lệ hoá được ta.

Nghe bác Thảo trình bày và hô hào như vậy, nhiều trí thức trẻ miền Nam nay như đã thêm tự tin đã nhìn thấy còn quá nhiều công việc phải làm. Và có nhiều người vì có niềm tin mạnh mẽ, nên đã vén tay áo, đứng dậy nhận trách nhiệm... để công khai tranh đấu minh bạch như những nhà dân chủ, và dù một số người đã bị tù đày, giam giữ, nhưng họ không còn sợ nữa! 6142 Những lý luận như những lời tiên tri của Thảo đã chính phục được nhiều trí thức chảng những của miền Nam, mà của cả nước! Vì vậy, công an phường Cô Bắc đã được lệnh phải theo dõi chặt chẽ hơn, phải lập hồ sơ lý lịch những ai lui tới với Thảo. Cuối cùng Thành uỷ Sài Gòn đành phải báo cáo lên Trung ương, về một “nguy cơ chính trị đang hình thành”, do số người “phức tạp” đến gặp Thảo ngày càng đông! Có lúc họ đã ngủ lại trong nhà Thảo! Bản báo cáo này đi vòng vo rồi cũng tới tay... Sông Trường, với lời báo động của các ban tư tưởng văn hoá!

Rồi một hôm, trời tuy nắng nhưng do cuối năm nên không nóng mấy, Sông Trường tới thăm, làm Thảo ngạc nhiên!

- Đã lâu quá không gặp anh, nên hôm nay rảnh rỗi, tôi tới thăm anh. Sức khỏe của anh độ này thế nào? Sao trông anh có vẻ hơi vàng vọt, bệnh gan của anh ra sao rồi, có thuốc men đầy đủ không? Anh có cần gì không?

- Cảm ơn anh đã có lòng tới thăm tôi! Mà sao hôm nay anh lại chú ý tới sức khỏe của tôi vậy? Sự thật là chưa bao giờ tôi cảm thấy khỏe như lúc này. Nhưng anh tới là có chuyện gì vậy anh? Giữa anh và tôi, có lẽ chúng ta nên cứ thẳng thắn với nhau đi. Có phải là tại có nhiều người lạ đến thăm tôi phải không? Tôi cũng thấy bị mất thời giờ với họ. Nhưng họ là những người tâm huyết của miền Nam, thấy họ tỏ ra rất trần trụi về tình hình đất nước như tôi, nên tôi không thể xua đuổi họ.

- Họ trần trụi về điều gì? Có phải họ than thở với anh về tình trạng các cán bộ miền Bắc vào đây quá đông nên đã chiếm chỗ làm của họ không?

- Không phải vậy. Đây là điều lần đầu tiên tôi được anh cho biết có tình trạng đó. Họ tới với tôi là để bàn về hiện tượng hủ hoá tràn lan của các cấp cán bộ cách mạng của ta ở trong này. Đại khái họ nêu ra những cách thức làm giàu, vơ vét của cải quá lộ liễu của các cán bộ cấp cao cũng như cấp thấp, ở khắp mọi nơi... Họ dùng quyền lực xin nhà, cấp nhà đất cho họ hàng, gia đình, thậm chí cho cả bạn bè hay người bên ngoài “đăng” nữa, để cấu kết với nhau, kinh doanh bất hợp pháp đất đai rất trắng trợn. Xin nhà rồi thì đòi hợp thức hoá. Hợp thức hoá xong là mang bán cho tư nhân, rồi xin đổi đi tỉnh khác, lại xin cấp nhà vì lý do chưa có. Cứ

như vậy, con cháu họ bị thuyên chuyển đi nhiều tỉnh làm việc là cuối cùng họ giàu lên quá nhanh. Còn xin đất để phát triển công nghiệp, nhưng vừa được cấp xong là bị xẻ nhỏ ra để nhượng lại cho dân xây nhà ở. Có nơi vùng ven biển thì nhắm mắt cho phép ké gian lập bãi đáp cho dân đi chui di tản ra nước ngoài: chúng thu mỗi đầu người ra đi như vậy là từ năm tới mười mấy “cây” vàng! Anh thử tính coi từ bao nhiêu: năm nay, có cả mấy trăm ngàn người đã bằng lòng “mua bãi” để được đi chui an toàn, và chúng đã thu được hàng mấy tỷ đô-la Mỹ, tôi nghe họ tính toán mà kinh hãi quá. Hôm nọ cả hai anh Trần Bạch Đằng và Trần Văn Giàu tới thăm tôi, hai anh ấy than là “đảng” và chế độ ta bị tai tiếng nhiều là do cánh tư tưởng văn hoá và cánh công an: cả hai cánh ấy đều quen thói vu khống, chụp mũ, chế tạo bằng chứng giả, sử dụng côn đồ, rồi toa dập với toa án tạo ra những án oan... để đánh trí thức và làm tiền bọn nhà giàu, bịt miệng giới tranh đấu đòi các quyền dân chủ... Nhà nước mà làm ăn thám lam, đầy thủ đoạn lộ liễu như thế thì còn gì là chính nghĩa, là công lý nữa! Dân làm sao kính trọng một “đảng”, một nhà nước đầy thủ đoạn và thói nát như thế! Hai anh ấy hỏi tôi làm sao chấm dứt tình trạng này? Anh có biết gì về những tệ nạn ấy không?

- Tôi biết chứ! Đui mù cũng phải thấy chứ! Nhưng nay tệ nạn cán bộ “biến chất” tràn lan ra đều khắp, dẹp hết không nổi, mà dẹp hết thì sẽ không còn cán bộ mà sai khiến. Khó khăn, nan giải lắm, chứ không dễ thanh toán đâu.

- Thế anh có biết tại sao hiện nay cánh văn hoá tư tưởng, cánh công an cứ tự do thao túng, và tệ nạn làm giàu bất hợp pháp lại trắng trợn và tràn lan như vậy không? Theo tôi thì lỗi là do chính quyền cứ bưng bít, không dám công khai hoá những vụ việc bất lương ấy ra trước ánh sáng dư luận. Nên bọn chúng cứ hoành hành như là vẫn được bóng tối che giấu, ít ai biết đến tội lỗi của chúng. Nhưng nhân dân đã thấy hết. Nếu cho báo chí của ta tự do khai các vụ ấy ra, thì tham nhũng sẽ phải chùn tay. Trước sau gì, muốn thắng tội nó là phải có tự do báo chí! Tự do báo chí là để ánh sáng soi rọi vào những nơi có sai trái, tội lỗi!

- Không được! Không được đâu! Vì có tự do báo chí là sẽ loạn ngay; Tội thù địch sẽ nhảy vào lợi dụng. Chúng sẽ quậy nát chế độ ta ngay. Vì chỗ nào mà chẳng có tham nhũng. Chúng nó sẽ dùng tự do báo chí để đẩy mạnh diễn biến hoà bình là ta sẽ sụp đổ y như ở Liên Xô trước đây thôi. Cái gì chứ, tự do báo chí là tuyệt đối không thể được đâu.

- Tôi: thấy sự sụp đổ ở Liên Xô là không phải do có tự do báo chí. Vì lúc đó phần lớn báo chí ở khắp nơi vẫn ở trong tay “đảng” cơ mà! Sự sụp đổ ấy có nguyên nhân nội tại, nó đã tới từ nội bộ hoang mang, rối loạn trong “đảng”. Từ những sai lầm chông chát, tích lũy từ lâu...

- Thôi anh đừng bận tâm về những chuyện chính trị phức tạp ấy. Nó khó giải thích lắm! Và có lẽ là không thể giải thích được, ta nên tạm gạt nó qua một bên.

- Vậy sự thật là anh tới thăm tôi hôm nay có mục đích gì?

- Đúng như anh dự đoán, tôi tới anh với một mục đích rõ rệt, đã được suy nghĩ rất kỹ. Tôi tới là để đề nghị với anh một giải pháp có lợi cho anh về mọi mặt. Tôi yêu cầu anh không trả lời tôi ngay, mà cứ để suy nghĩ cho thật kỹ rồi hãy trả lời.

- Đề nghị gì mà ghê gớm thế?

- Tôi đề nghị anh nên trở qua Pháp nghỉ ngơi, tìm thuốc men chữa bệnh cho thật khỏe rồi sau lại về đây. Lúc đó chúng ta sẽ tính với nhau một sự cộng tác triệt để và lâu dài. Vì tới đây sẽ là thời kỳ đất nước ta phải lột xác để thành một con rồng của châu Á, ít ra cũng có thể sánh với Đại Hàn hay Đài Loan! Anh cứ suy nghĩ cho thật kỹ đi, tôi biết rồi thế nào anh cũng hiểu hết ý tôi, để chấp thuận đề nghị này. Bởi vì nếu anh ở lại Sài Gòn hay trở về lại Hà Nội, thì rồi cũng chỉ là phí phạm thời gian của anh thôi. Nếu anh ra đi thì sẽ như đại bàng bay trở lại vùng trời cao, nó sẽ có thể thấy và làm được nhiều chuyện phi thường, khác với lúc nó bị nhốt trong chuồng, cho dù cái chuồng ấy tốt đẹp đến đâu, nhưng là vẫn phải sống chung với đàn gà.

- Thật là một đề nghị quá bất ngờ đối với tôi. Như anh đã biết, trong thời gian kể từ khi trở về nước tới nay, đã có vài lần tôi đã được mời cùng phái đoàn của ta đi tham quan nước ngoài, và đã có lần chính người trong đoàn đề nghị để tôi cứ âm thầm ở lại nước ngoài để mà tiếp tục nghiên cứu y như hồi còn sinh hoạt ở Paris, nhưng tôi đã dứt khoát từ chối. Vì tôi nghĩ Thảo ngày nay y như một cây tùng đất Việt, nó chỉ có thể mọc và phát triển cho đúng là cây tùng khi nó được trồng ở đất Việt mà thôi. Ở nơi khác nó có thể mọc xanh hơn, xum xuê hơn, nhưng nó sẽ không còn được vóc dáng của một cây tùng nước Việt! Bây giờ anh tính búng nó đi để trồng ở nơi khác à?

- Không! Tôi nghĩ bây giờ cây tùng ấy đã tăng trưởng đủ để, dù trồng ở đâu, thì nó sẽ vẫn có bản chất, vóc dáng, bóng mát của cây tùng. Người như anh mà cũng sợ cây tùng trở thành cây gỗ tạp ở nơi khác sao? Anh cứ nghĩ cho thật kỹ đi rồi sẽ trả lời tôi. Anh chưa chán cảnh phượng hoàng phải sống chung với đàn gà à? Thôi tôi về và chờ câu trả lời có suy nghĩ của anh.

- Anh không cần phải chờ! Tôi trả lời thẳng với anh là tôi không cần đi đâu cả! Anh phải hiểu rằng khi trở về đất nước này là tôi đã bỗng mang một giấc mơ huy hoàng, một kỳ vọng vĩ đại là về để mang tim óc ra xây dựng một mô hình cách mạng mà loài người mong đợi! Nhưng khi trở về quê hương rồi, thì giấc mơ ấy, kỳ

vọng ấy đã bị thực tại chỗ đập cho đổ vỡ tan tành; Rồi mãi sau, qua những trải nghiệm vất vả, tôi mới đứng dậy được, nhờ đã định ra cho mình một nghĩa vụ thiết thực hơn; nhờ đã tìm ra một kỳ vọng chắc chắn sẽ thành tựu, là sẽ góp ý làm cho cuộc cách mạng này có tính nhân bản, nhân đạo hơn, cho bớt tính chuyên chính độc đoán, tính hiếu chiến gây tai hoạ, để trở thành một nhà nước hoà bình, dân chủ hợp lòng dân, thực sự là do dân và vì dân để mà sống còn với thời đại và thời gian. Cho tới nay tất cả những nghiên cứu, khám phá của tôi đều là cố sức góp ý để cách mạng sửa sai và xây dựng theo chiều hướng tốt đẹp, cho hợp với mong muốn của dân. Vì thế tôi đã thề sẽ làm nghĩa vụ đó ở đây cho tới hơi thở cuối cùng! Dù tôi vẫn bị kìm kẹp, nhưng tôi quyết tâm hoàn thành sứ mệnh ấy, vì tôi không thấy ai ở đây làm nhiệm vụ ấy! Giữa anh và tôi, có bao giờ anh thấy tôi góp một ý nào có hại cho cách mạng, cho “đảng”, cho dân bao giờ đâu. Anh không thấy, không hiểu thành tâm thiện chí và quyết tâm của tôi sao?

- Tôi rất hiểu lòng nhiệt thành của anh. Chính vì thế mà tôi muốn anh ra đi. Chúng tôi đã bố trí, đã chuẩn bị cho anh một lối thoát vừa danh dự, vừa lý tưởng. Vì anh chưa suy nghĩ thấu đáo đầy thôi. Mai tôi sẽ trở lại, xin anh đừng thoái thác vội vã. Anh cứ suy nghĩ và suy nghĩ thêm đi, mai sẽ trả lời tôi. Vì tất cả đã sẵn sàng rồi! Nhất định là anh không thể lưu lại cái đất Sài Gòn này như vậy nữa đâu. Đảng đã quyết định nhất định là anh sẽ phải ra đi thôi, không cưỡng lại được đâu, mà thật sự là không nên cưỡng lại, vì ra đi thì sẽ có lợi cho anh... Anh cứ suy nghĩ cho thấu để thấy rõ đề nghị thực tiễn của tôi!

Sau khi Sông Trường ra về, Thảo suy nghĩ đến đau đầu! Tại sao lại có đề nghị này? Đây là lại thêm một thủ đoạn để cô lập ta với những trí thức và cánh kháng chiến miền Nam? Lỗi ở ta đã không cảnh giác, cứ tưởng vào Nam là thoát cảnh bị kìm kẹp! Bây giờ họ muốn đẩy ta đi, mà ta từ chối không đi thì chuyện gì sẽ xảy ra? Họ thì thiếu gì thủ đoạn! Chính Sông Trường đã chẳng nói thẳng ra là mọi sự đã được bố trí sẵn sàng rồi là gì! Ta làm sao cưỡng lại? Mà ra đi hay ở lại, lợi cho ai, hại cho ai? Tuổi ta đã gần đất, xa trời, còn chống trả với thời gian và quyền lực này được bao lâu nữa? Mà chống trả để làm gì, khi ta vẫn bị phong toả, kìm kẹp? Ta ra đi là sẽ tới chân trời rộng mở... ở lại là vẫn bị bao vây bởi bức tường cảnh giác và nghi kỵ. Vài năm nữa ta chết đi, mang vào cõi im lặng cả một khối lượng tư duy và bao công trình trải nghiệm... thế là rảnh nợ cho họ. Thôi thì cũng đành mang thân xác này ra gửi xứ người... Biết đâu ở bên ngoài, ta lại có đủ thời gian và cơ hội để dần trải trí óc ta lên trang giấy, trong một cuốn sách, hầu lưu lại một cái gì cho hậu thế? Thôi thì này chỉ còn lại một giấc mộng nhỏ, một kỳ vọng thật mong manh trong một cuốn sách, trước khi ta trở về với cát bụi! Đêm ấy, Thảo đã ngồi ôm đầu suy nghĩ, lâu lâu lại lấy tay gạt nước mắt. Khóc thầm rồi lại suy nghĩ... Cứ như thế cho tới sáng. Thảo không khóc cho mình mà là khóc cho sự nghiệp mà mình đã nguyện hiến dâng cả cuộc đời để vun trồng nó!

Nhớ lại biết bao sáng kiến cụ thể, hợp lòng dân, để cho Cách mạng thành công huy hoàng, cho “đảng” không còn bị tai tiếng vì gian dối, vì tội ác và thủ đoạn kềm còi của những cá nhân lãnh đạo hoang tưởng, để “đảng” thoát ra khỏi nanh vuốt của bọn lưu manh bè phái, cửa quyền, để trở thành một “đảng” dân chủ trong sáng, chân thành, vĩ đại... vậy mà “đảng” không chịu lắng nghe! Nhìn thực tại giờ đây thê thảm quá! Mà ta nay đã già rồi! Mà tại sao lãnh đạo hiện tại lại cứ cố ôm mãi, cứ cố bênh vực những sai lầm, tội lỗi của quá khứ? Tại sao họ không biết cải thiện phương pháp cai quản đất nước? Tại sao cứ như cố độn nước lũ tràn tới chân. Thảo nghĩ vậy nên lại gạt nước mắt!

Biết bao tâm huyết, trí óc, xương máu đã đổ ra! Biết bao hi sinh gian khổ! Nay đành để tư bản man rợ tràn vào. Cách mạng nay đã biến chất toàn diện. Toàn là cơ hội cho tham nhũng phát triển! Đất nước, thiên nhiên, vốn nổi tiếng rừng vàng, biển bạc, nay đứng trước nguy cơ bị đồng tiền tư bản tràn vào tàn phá vô tội vạ! Người tâm huyết làm sao không buồn bực. Người dân thì không có quyền ngăn cản, phản đối! Thảo đau đầu suy nghĩ, lấy tay áo quệt nước mắt!

Ngẫm lại cái sự trở về của mình thật là bi thảm: ước mơ góp phần hoàn thành một cuộc cách mạng lý tưởng đã sụp đổ ê chề. Cao vọng góp ý xây dựng “đảng” thành một đảng dân chủ tiến bộ của thời đại cũng tan vỡ hoàn toàn. Bao nhiêu năm quá, sự nghiệp triết học như thế là bẽ tắc, kể như tiêu tan. Nay tới lúc gần đất, xa trời, thì lại bị tống đui ra đi cho rảnh mắt bè cánh bảo thủ, thói nát! Vậy là rồi đây, thân xác này sẽ bị chôn vùi ở xứ người!

Thảo tức tưởi quá, đau đầu quá, lại xụi xụi chấm nước mắt, rồi lại thờ dài và suy nghĩ. Trong lòng tràn ngập uất ức, phẫn nộ và tự vấn lương tâm, tự chất vấn mình: chẳng lẽ ta không còn con đường nào để đi tới? Bác Thảo kể tới đó, lắc đầu nói:

- Chung quanh tôi lúc đó cứ trách tôi là không biết tùy cơ ứng biến, không biết thích nghi, tạm thời thoả hiệp

với quyền lực. Nhưng tôi đã suy nghĩ kỹ. Tôi không thể từ bỏ chính tôi để trở thành như đám trí thức của “đảng”, như những bù nhìn...

Nghe tới đó tôi buột miệng hỏi:

- Thành thực muốn hỏi bác, bao nhiêu năm rồi, bác đã gợi ý, khuyên bảo những điều hay, lẽ phải, mà từ lãnh đạo này cho tới lãnh đạo khác, đã chẳng có ai lắng nghe bác. Họ chỉ coi bác như kẻ cản đường. Tại sao bác không tạm thời đồng ý với họ, theo lập trường của họ để chờ thời cơ...
- Không thể được! Nếu ai cũng thoả hiệp với dối trá và tội ác, thì dân còn hi vọng vào đâu, vào ai? Không thoả hiệp với dối trá và tội ác là nguyên tắc để giữ vững chính mình. Một hành động, thiện hay ác, dù là thật nhỏ, dù chỉ là nhất thời, cũng đều để lại dấu vết bền lâu trên sự nghiệp của mỗi con người. Dối trá, độc ác, bạo lực là độc tố âm thầm huỷ hoại con người đã sử dụng nó. Xã hội dung túng nó sẽ mất hết lương tri, mất hết trật tự kỷ cương. Nhân nhượng hay thoả hiệp với cái xấu là con đường tự diệt từ từ chính mình. Điều ấy, Thảo này không thể nào làm được.
- Như vậy thì làm sao bác có thể được quyền lực cách mạng tin dùng!
- Đành vậy chứ không thể nói khác, làm khác! Không thể đánh mất lý tưởng để được tin dùng!
- Nếu vậy thì những gì bác nói ra sẽ chẳng được lắng nghe! Như vậy thì thật là vô ích!
- Không phải là vô ích đâu. Những lời lẽ lý giải đúng, những phân tích hơn thiệt, đều là những hạt giống gieo vào thời gian để rồi sẽ có lúc, có chỗ cho nó bén rễ trong những đầu óc tỉnh táo, lương thiện để tới một ngày nó sẽ ra hoa đẹp, kết trái ngọt. Những tư tưởng đúng với lương tri, thấm nhuần thực tại đều có sức mạnh của sự thật. Có ngày nó sẽ bùng nổ ra để xoá đi gian trá và bạo lực. Trong lịch sử, luôn luôn có sự vùng dậy của chân lý và lương tri. Chính vì vậy mà chế độ gian trá và tàn ác nào rồi cũng sẽ sụp đổ. Vì với thời gian, những lời nói dối trá, những việc làm gian ác cuối cùng sẽ chỉ sinh ra toàn hoa hôi, trái đắng. Các anh cứ tin tôi đi, những gian trá và tội ác đã phạm hôm nay, thì mai mốt chúng sẽ là một di sản độc hại, bị dân chúng nguyên rửa cho tới lúc nó bị đào thải. Ngoan cố càng kéo dài thì sự đào thải, đổ vỡ càng thảm khốc. Vì thế mà tôi kiên trì cố phân tích thực tại, để can ngăn mọi hành động xấu xa, sai lệch, mọi chính sách sai trái gây nhiều hậu quả nghiêm trọng của hiện tại. Đặc biệt là phải ý thức về xu hướng tha hoá của chiến tranh. Bởi làm chiến tranh là tận dụng yếu tố gian xảo, lừa gạt, tức là đẩy đầu óc thông minh theo con đường mưu trí, tức là lia xa con đường trí tuệ. Chính sách trường kỳ chiến tranh nguy hại lâu dài vì nó để lại trong xã hội, trong chính quyền thói quen gian xảo, lưu manh, côn đồ của bạo lực. Tổ cáo sự độc hại của chiến tranh không phải là vì oán thù, không phải để trả thù, mà là để thanh toán, để giảm thiểu những thảm hoạ mà “đảng” và lãnh đạo đã gây ra với chính sách trường kỳ chiến tranh.
- Cứ làm như vậy thì đời bác sẽ còn nhiều gian khổ!
- Gian khổ cũng đành chấp nhận, không thể làm khác.
- Như vậy là chính bác đã làm khổ bác rồi.
- Thì đúng là những chọn lựa và quyết định của tôi đã đưa tôi vào một cuộc đời đầy gian nan, vất vả. Nhưng tôi không thể chọn một con đường nào khác. Vì con đường khác ấy sẽ biến tôi không còn là tôi nữa. Nếu tôi thay đổi, nếu tôi chấp nhận đi theo con đường của thảm hoạ, là tôi đã phản bội đất nước và dân tộc.

Nói rồi bác Thảo lại lắc đầu mỉm cười một cách cay đắng.

Đã nhiều lần giải thích với bác rằng chúng tôi không muốn biết tận tường về những vấn đề thuần tuý triết học của bác. Điều chúng tôi tò mò, là muốn được nghe bác kể về hoàn cảnh sống, hoàn cảnh làm việc, về mối quan hệ với các lãnh đạo, từ chủ tịch Hồ Chí Minh trở xuống, về cuộc hôn nhân tan vỡ, về bạn bè chí thân và cả về những kẻ đã muốn ám hại bác....

Càng kể, bác Thảo càng như tìm thấy hứng thú để ôn lại dĩ vãng, như để phân trần, tự bào chữa cho chính mình. Có những buổi chiều chủ nhật mùa đông lạnh buốt, trong một quán café yên tĩnh và ấm cúng, bác đã say sưa làm sống dậy những ngày tháng đau thương, cho tới khi bên ngoài trời đã tối khuya, khiến chúng tôi phải chặn lại để bác dùng chút gì nhẹ cho bữa ăn tối, trước khi đưa bác về lại căn nhà khách của sứ quán lúc quá khuya.

Khi rời xe chúng tôi để bước vào căn nhà số 2 phố Le Verrier, bác thường than:

- Mỗi lần phải bước vào lại căn nhà này thì tôi cảm thấy vô cùng khổ sở. Căn phòng gì mà chật hẹp hôi hám, đã quá lâu không ai ở, và từ lâu căn nhà này đã chẳng được bảo trì, tẩy uế, sơn phết lại, như luật lệ ở Paris đã quy định, nay mùi ẩm mốc nồng nặc. Đêm tắt đèn nằm xuống, gián bò ra như kiến có khi đang ngủ bỗng giật mình tỉnh dậy vì gián bò lên thân thể làm nhột ngứa trên cổ, trên mặt...

Khi giải bày những nỗi khổ tâm, bác Thảo như xả ra bớt được những nỗi niềm đã tích tụ quá nhiều, đã dần vật bác quá lâu... Cởi mở tâm sự với chúng tôi như vậy là một thứ thuốc an thần giảm bớt những ức chế, bức bối trong lòng... Và đấy cũng là dịp để chúng tôi thăm hỏi cho cái thân già hom hem của bác. Bác ăn ít, nhưng rất

kén: chỉ chọn những món thật tươi, không mỡ màng, dễ tiêu. Bác kể cách tự nấu ăn: phải là thật tinh khiết, thật giản dị, thật tươi, ăn bữa nào thì chỉ nấu nướng cho đúng bữa ấy, không ăn thứ ôi cũ. Vả lại cũng không dư tiền, không dư thời giờ và sức khỏe để nấu nhiều.

Tạm trú trong căn nhà khách ấy, mỗi lần muốn chuẩn bị bữa ăn, thì phải lách kích mang cái xoong, lọ dầu, gạo, muối xuống ba đoạn cầu thang mới tới căn bếp ở dưới tầng hầm. Nấu xong, lại phải lau chùi bếp cho sạch sẽ, rồi lại lách kích mang đủ thứ lên phòng ngồi ăn, nghĩa là lại leo lên ba đoạn cầu thang. Mỗi lần qua một đoạn thang lại phải ngưng nghỉ để lấy sức leo lên tiếp. Lên tới phòng ngủ thì phải nằm nghỉ một lát mới có thể ngồi ăn, vì leo lên hết ba đoạn cầu thang ấy thì là thở dốc, cơn hen suyễn muốn kéo tới!

- Thế ở trong nước thì bác có đỡ cái cảnh vất vả phải tự nấu ăn ấy không?
- Ở trong nước cũng vậy, cũng phải tự nấu, mà là nấu bằng củi khói cay đến chảy nước mắt, nước mũi, đến nghẹt thở mới có được niêu cơm!
- Ăn uống như vậy thì vất vả quá! Không muốn ai giúp bác được sao?
- Nghèo túng quá, bữa đói, bữa no, tiền đâu mà dám nghĩ tới muốn người làm! Muốn người để bị chúng quy cho tội bóc lột sức lao động à?
- Thế thì thật là khổ!
- Khổ thế mà vẫn sống như không biết khổ là gì! Ha! Ha! Ha!
- Thế lãnh đạo có biết bác phải sống vất vả như vậy không?
- Biết chứ sao không! Họ mĩa mai rằng đó là cách “cải tạo” Trần Đức Thảo! Để Trần Đức Thảo “học tập nhân dân”! Càng thấy họ đê đầu, muốn bẻ gãy ý chí phản biện của tôi, tôi càng cương lại, dù biết rồi sẽ sống khổ. Nhưng tôi không sợ khổ, tôi không sợ chết!

Nghe tâm sự như vậy, khiến chúng tôi tò mò muốn biết thêm về cách ứng xử của lãnh đạo đối với bác. Tôi bèn hỏi:

- Từ khi trở về nước, bác có một lúc nào được đãi ngộ, một thời gian nào được làm việc gần với cụ Hồ để bản tính chuyên đất nước không?

Bác nghiêm mặt, nhìn trừng trừng chúng tôi và đáp:

- Anh hỏi như thế là đã có một sự ngộ nhận lớn rằng tôi được chấp thuận cho trở về là để làm việc gần với cụ Hồ. Sự thật là việc tôi về là do sự vận động của tôi với sự trợ giúp của đảng cộng sản Pháp. Và qua đảng cộng sản Pháp thì có cả sự giúp đỡ của phía lãnh đạo Liên Xô nữa. Bởi lúc ấy, cả đảng cộng sản Pháp, cũng như phía Liên Xô, đều muốn đưa tôi về với hi vọng có thể có cơ hội góp ý với cách mạng Việt Nam. Bởi lúc ấy ai ở bên ngoài cũng đều hiểu là “cách mạng Việt Nam” đang chịu ảnh hưởng rất nặng nề của Bắc Kinh. Thế nên khi tôi vận động để được trở về quê hương, thì họ có tra hỏi tôi rất kỹ để tìm hiểu xem tôi “muốn trở về để làm gì?” Tôi đã nhiều lần trả lời thật rõ là “để những hiểu biết, những khả năng trí óc của tôi có cơ hội phục vụ cách mạng, với tinh thần gạt bỏ những lỗi lầm của quá khứ cách mạng. Tôi nhấn mạnh sẵn sàng làm bất cứ việc gì, để trở thành có ích cho quê hương và cách mạng”. Vì thế mà cuối cùng, các bạn bè phương tây đã giúp tôi trở về. Sau này, khi đã về rồi, thì tôi mới được biết là “lãnh đạo” cũng đã cân nhắc, đã nghiên cứu kỹ và bàn tính khá lâu rồi mới ngỏ ý chấp thuận đón nhận tôi trở về...

Nghe vậy, tôi lại càng thắc mắc:

- Nhưng từ khi về quê hương tới nay, bác đã được đãi ngộ như thế nào? Bác có được làm việc gần cụ Hồ không?
- Đúng là ở bên ngoài, các anh không hiểu chút nào về hoàn cảnh của tôi từ khi trở về đến quê hương. Hỏi như vậy là không biết tí gì về hoàn cảnh của tôi trong mấy chục năm qua, cũng như không biết gì về “ông cụ”. Nếu quan hệ, nghĩa là có giao thiệp mật thiết, có trao đổi ý kiến với nhau một cách thẳng thắn, thân tình... thì thực sự là tôi không có được một quan hệ nào với bất cứ lãnh đạo nào. Không hề có một mối giao hảo thân tình nào, dù chỉ là với bất cứ một đảng viên cấp cao nào đối với tôi. Bởi ngay từ khi vừa đặt chân trở lại quê hương, tôi đã bị nghi ngờ là một “kẻ có vấn đề”! Trong cảnh giác cách mạng, hoài nghi cũng đã là một khẳng định. Thế nên, gặp gỡ lãnh đạo thì chỉ là trong hoàn cảnh diễn ra giữa một người ở cấp trên cao của “đảng”, với một kẻ đã bị đẩy xa ra phía ngoài, bị coi là thuộc diện xấu, ở trong một hàng rào cảnh giác. Trong guồng máy cách mạng chuyên chính, sự phân biệt đối xử rất gắt gao. Một khi bị là đối tượng của cảnh giác thì không thể có quan hệ với ai cả. Đó là trường hợp của tôi. Tôi chỉ còn là đối tượng của guồng máy “bảo vệ” canh chừng. Do vậy mà cho tới nay, tôi phải ghi nhận rằng thực sự là ngay từ giây phút đầu tiên về tới quê hương, tôi đã không hề được đãi ngộ, và cũng chẳng hề có được một mối quan hệ với lãnh đạo nào cả.
- Ủa! Như vậy là bác không cộng tác gì với một lãnh đạo nào cả hay sao?
- Mặc dù tôi đã thường xuyên, cố gắng tìm cách bắc cầu quan hệ với các cấp lãnh đạo, bằng cách gửi trực

tiếp những báo cáo, đề nghị, viết những bức thư góp ý của tôi về nhiều vấn đề quan trọng, vào nhiều thời điểm quan trọng. Nhưng không một lần nào, không một lãnh đạo nào, từ Hồ chủ tịch trở xuống, đã thân chinh trả lời các bức thư của tôi. Toàn là được nghe nhắn lại qua cấp thừa hành, được nghe thuật lại những lời nhắn nhủ của lãnh đạo, như thể xoa dịu lòng bồn chồn nhiệt thành của tôi. Đôi lúc họ cũng cho tôi gặp mặt lãnh đạo. Đây là qua những buổi tiếp tân tập thể, cốt để tỏ uy quyền, cốt để phô trương sự thuận phục chung quanh lãnh đạo, để trấn áp tư tưởng “linh tinh” của tôi. Đã nhiều lần, tôi nhận ra là lãnh đạo không hề trực tiếp đọc những bức thư, những báo cáo của tôi, nghĩa là giữa lãnh đạo và tôi, luôn luôn có một sự gạn lọc, có một bức tường ngăn chặn, không cho phép nảy sinh một mối liên hệ thân cận nào. Nhưng riêng tôi biết thì “ông cụ” rất cảnh giác, rất tò mò, muốn tìm hiểu những suy tư của tôi, tuy “ông cụ” có thái độ nghi ngại, xung khắc đối với những suy nghĩ của tôi trước mỗi vấn đề vừa xuất hiện. Vì thế mà chưa bao giờ có sự tham khảo chân thành, hoặc trao đổi trực tiếp về bất cứ vấn đề gì, ngoại trừ chỉ có một lần. Để rồi tôi sẽ kể về lần gặp đó. Còn thì trong thực tế, tôi hoàn toàn bị đẩy ra thật xa mọi sinh hoạt chính trị. Sau này, khi sức khỏe “ông cụ” suy yếu, phải sống cô đơn, mất hết quyền lực chính trị, rồi mất, thì chính mấy cán bộ quản lý tôi cũng không còn tới gặp tôi như khi trước nữa. Họ đẩy hẳn tôi ra bên lề chính trị. Từ đó, dần dần từng bước, tôi phải chuyển hướng hẳn sang thái độ nghiên cứu trong câm lặng những vấn đề chính trị của đất nước, của cách mạng, nghĩa là của “đảng” một cách hoàn toàn độc lập. Nhất là khi tôi nhận ra tình trạng sức khỏe của “ông cụ” bắt đầu suy yếu, bắt đầu bị cô lập, với những dấu hiệu bị mất quyền lực chính trị, thì tôi lại càng bị đạp văng ra xa mọi sinh hoạt chính trị...

- Như vậy là kể từ khi về nước, bác không bao giờ được gặp mặt, được sinh hoạt trực tiếp, với cụ Hồ hay sao?

- Gặp tận mặt thì có chứ! Nhưng gặp thân mật để trao đổi ý kiến thì kể như chưa hề bao giờ. Thế nên gặp trực tiếp không có nghĩa là có quan hệ. Mà những lần gặp trực tiếp ấy đều lưu lại trong tôi những kỷ niệm cay đắng, đau đớn, bi hài, không bao giờ có thể quên được, có khi nó còn ám ảnh tôi như một tội lỗi tổ tông đã ám hại suốt cả đời.

Chương 11

Một bản án vô phương kháng cáo!

Tại sao bác cứ bị ám ảnh là đã bị ám hại như vậy?

- Vì lãnh tụ đã có định kiến đối với tôi. Coi tôi thuộc diện đào tạo ngoài luồng, mang ảnh hưởng của đế quốc thực dân, nên có sẵn một quan niệm phân động về cách mạng. Vì thế mà “ông cụ” rất nghi ngại cách nhìn phê phán của tôi đối với những việc “ông cụ” đã làm. Vậy mà “ông cụ” cũng muốn kiểm soát, không chế, đo lường tư tưởng của tôi, đã ra lệnh trực tiếp phải quản chế chặt chẽ tôi. Lãnh đạo muốn biết tôi nghĩ gì về từng bước đi của “Trung ương” có lẽ cũng vì vậy mà tôi chưa bị thanh toán. Thật sự là “ông cụ” rất muốn biết rõ suy tư, lập trường của tôi trước mỗi vấn đề... nhưng lại không ưa những suy tư thường mang tính “phản biện” của tôi.
- Không ưa mà cũng cho gặp mặt à?
- Cũng vẫn cho gặp chứ. Như tôi đã kể, những lần gặp gỡ ấy càng cho tôi thấy không thể có một quau hệ giữa lãnh đạo và tôi. Mặc dù tôi đã biết rõ chính lãnh đạo thường xuyên theo dõi tôi. Đặc biệt và trầm trọng nhất là lần gặp đầu tiên. Chỉ chừng non một tuần, sau khi tôi về đến an toàn khu (ATK). Lần gặp ấy đã mở rộng con mắt, đã soi sáng đầu óc tôi một cách thật sâu xa và đầy cay đắng...

Lần ấy, khoảng cuối năm 1952, lúc tôi đang vô cùng hoang mang thất lạc, bực bội trong lòng vì tôi biết là đảng đang triệu tập một hội nghị rộng rãi cấp cao quan trọng tại Tân Trào, ở ATK này, mà tôi lại không được mời tham dự. Nhưng rồi xảy ra một vụ việc làm tôi cực kỳ xúc động: có lệnh truyền xuống để chuẩn bị đưa Trần Đức Thảo đi chào “Bác”! Thật là hồi hộp và mừng! Tâm trí lúc ấy tràn đầy hi vọng nên quên hẳn những dấu hiệu đang bị phân biệt đối xử!

Rồi giờ phút của sự thật, giữa “ông cụ” và tôi, đã tới: một cán bộ đặc biệt được phái tới. Đây là một cán bộ giao liên đã đứng tuổi, chẳng những tỏ ra am hiểu về địa hình, địa lý của vùng ATK này, mà còn rất thông thạo về lễ tân trong “đảng”. Vì đây là cán bộ chuyên đảm trách việc đưa, đón, hướng dẫn khách quý của “Trung ương”! Cán bộ này trình trọng cho tôi biết ông ta là chuyên viên “ban lễ tân (protocole) của bộ ngoại giao”, nghĩa là cán bộ cấp cao của Trung ương, chuyên hướng dẫn, chuẩn bị thật kỹ những ai sẽ được đưa tới gặp “Hồ chủ tịch”, mà cán bộ lễ tân này nói một cách kính cẩn là sẽ được hướng dẫn về một số nghi thức phải tuân thủ khi được diện kiến “Người”!

Cán bộ lễ tân này dặn dò từng chi tiết rất tỉ mỉ, chứng tỏ một sự tôn vinh, sùng bái tuyệt đối:

- Yêu cầu của ban lễ tân là đồng chí phải thận trọng trong từng cử chỉ, từng lời nói khi gặp “Người”. Thứ nhất là cần nhớ rằng khi gặp thì phải đứng xa “Người” ít ra là ba mét! Chỉ khi “Người” ra dấu, ra lệnh, mới được lại gần hơn. Thứ nhì là không được tự ý nói leo, “Người” có hỏi câu gì thì mới được phép trả lời. Mà phải trả lời đúng vào câu hỏi đó, tuyệt đối không được tự ý nói thêm, nói ra ngoài câu hỏi. Thứ ba là không được chào trước, nói trước. Thứ tư là không được xưng “tôi”, y như là ngang hàng với “Người”.
- Nếu không được xưng tôi thì xưng bằng gì?
- Đồng chí có thể xưng bằng “con”, hay bằng “cháu”, và phải gọi Người bằng “bác” như đồng bào vẫn gọi... Những mệnh lệnh này là quan trọng, đồng chí phải ghi nhớ cho kỹ, kẻo làm hỏng cuộc diện kiến với “Người” là tai hại lắm đấy. Không phải ai ở đây cũng đã được tới gần để chào “Người” đâu. Sự chuẩn bị kỹ như vậy làm Thảo rất bồn chồn, nhất là lúc giao liên tới dẫn đi gặp “Người”.

Lúc đó là sáng sớm tinh sương, con đường mòn xuyên rừng, xuyên núi còn đẫm sương đêm, chưa nhìn rõ những hiểm trở dưới chân. Đi khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau, trời hửng sáng, thì tới một trạm giao liên khác, cũng là trạm kiểm soát. Vì khi ngồi chờ ở trạm này, thì thấy có hai giao liên khác dẫn hai đoàn người vừa ở hội nghị về. Tại đây, giao liên của mỗi đoàn phải trình giấy chứng minh thư của từng người trong đoàn, để cán bộ thường trực của trạm ghi vào sổ. Rồi hai đoàn người, ấy mới được đi qua.

Bản khoản đợi ở trạm này mãi đến gần trưa, bỗng từ xa có một hồi còi tu huýt dài tiếng, như loại tu huýt của các hướng đạo sinh, vắng tới. lát sau một sĩ quan bộ đội “tiền phương”, mặc quân phục gọn gàng, vai đeo “tép” vải, bên sườn, đeo súng ngắn K54, đi rất nhanh tới rồi chỉ về phía Thảo hỏi gay gắt như quát, rất hách:

- Ai đấy? Đã nghe thấy còi báo rồi, sao lại còn có người ngồi ở đây?

Giao liên của Thảo vội trình ra một tờ giấy, rồi nói:

- Báo cáo đồng chí, tôi được lệnh đưa đồng chí này mời ở bên Tây về, tới đây chờ để được kính chào “Bác”.
- Đồng chí đã chuẩn bị kỹ đối tượng chưa? Đã tập huấn những quy định để gặp “Bác” chưa?

- Báo cáo đồng chí, tôi đã chuẩn bị, chỉ dẫn đầy đủ rồi.

Chờ khoảng mười lăm phút sau, lại một hồi còi tu huýt như tiếng sáo thật dài nữa vắng tới, một toán bộ đội gồm bốn người, trong quân phục y như người tiền trạm, tay cầm súng trường Tiệp Khắc, đi tới và nhìn ngó chung quanh, rồi nói câu gì với người tiền trạm rồi lại đi ngay. Bây giờ thì tất cả người làm việc trong tiền trạm phải đi ra xa. Chỉ có một giao liên cùng Thảo là được ngồi đó chờ.

Lát sau nữa, lại một toán bộ đội đi tới gần khoảng năm mét, dừng lại, ghim súng trường chĩa về phía trạm giao liên, sẵn sàng can thiệp... Rồi lặng lẽ từ trong rừng sâu, xuất hiện một cụ già gày còm, khô khốc, lắt phất chùm râu cằm, bước chân nhanh nhẹn, quần áo bạc màu nâu nông dân, quần xắn lên gần đầu gối, tay cầm một khúc tre giả làm gậy, vai khoác tấm vải nhựa rộng như áo mưa màu xanh lá cây xậm, đầu đội mũ “cát” kiểu thuộc địa bọc vải, như loại công chức Tây thường đội, nhưng là màu xanh lá cây. Người ấy đi ngang qua, nhìn vào chòi lá của trạm giao liên rồi cất tiếng hỏi, giọng đặc sệt Nghệ Tĩnh:

- Đồng chí nào ở trong ấy đấy?

Giao liên của Thảo chạy ra, đứng thật, nghiêm cách khoảng ba mét, kính cẩn nói:

- Xin báo cáo Bác, con được lệnh đưa đồng chí Thảo mới ở bên Tây mới về, tới chào Bác!

Nói rồi, tay ra hiệu vẫy. Thảo vội bước ra, đi gần tới, đứng khoảng ba mét thì dừng lại, rồi cũng đứng rất nghiêm, im lặng chờ chứ không dám chào trước. Rồi “Người” tiến lại gần Thảo còn chừng một mét, nhìn chăm chăm vào Thảo, như lục soát trí nhớ, tìm kiếm điều gì, rồi nói:

- À! Chào chú Thảo! Chú về đây đã được bao lâu rồi?

Lúc đó Thảo mới dám đáp lại:

- Cháu xin kính chào Bác! Cháu về đây đã được năm hôm rồi.

Người đưa tay phải tới, hai tay Thảo vội đỡ lấy bàn tay ấy. Bàn tay “lãnh đạo” thật nóng ấm. Thảo cúi đầu, nắm chặt bàn tay ấy một hồi, rồi ngừng mặt lên nhìn kỹ “Người”, và nói với giọng run run vì xúc động:

- Cháu rất vui mừng được về quê hương và được gặp Bác ở đây.

Nội xong mới buông bàn kia tay ra, nhưng vẫn đứng nghiêm và cố nhìn thêm cho kỹ khuôn mặt xương xương, khắc khổ, con mắt tinh anh, sắc bén, cũng đang chăm chú nhìn Thảo. Cái nhìn thật soi mói. Hai bên nhìn thẳng vào mặt nhau giây lát, Thảo bỗng rùng mình, cảm thấy như bị một luồng khí lạnh truyền khắp thân thể, nên hơi run.

Rồi hơi ngầu ngừ, Người nói, với vẻ mặt thật nghiêm:

- À này chú Thảo! Bác biết ở bên Tây, chú đã đọc nhiều sách vở, nhưng bây giờ về đây thì chú phải gắng mà học tập nhân dân, nghe không! Thôi bác có hẹn nên phải đi kéo trẻ.

- Vâng, cháu xin tuân lời bác. Và cháu xin chào... Bác!

Nhưng “Người” đã quay mặt, rảo bước thật nhanh, đi ngay, không chú ý tới lời chào của Thảo. Cả đoàn tùy tùng, từ nãy đứng tạo thành vòng tròn ở xa chung quanh, cũng vội vã đi như chạy theo.

Kể từ mí tới đó rồi bác Thảo tâm sự:

- Trên đường trở về, đầu óc tôi bị xúc động mạnh, cứ bối rối. Vì cuộc gặp gỡ chớp nhoáng, quá ngắn ngủi vừa rồi, không còn để ý tới cảnh vật chung quanh. Đi bộ xuyên rừng núi trở về tới “nhà” thì đã gần tối. Giao liên phải ngủ lại đó, để sáng mai cuộc bộ trở lại trạm gốc.

Riêng Thảo thì vẫn liên miên nghĩ ngợi, phân vân, cố ôn lại xem mình đã có cảm giác như thế nào khi đã gặp “Người”! Mà tại sao “Bác” đã dặn dò mình một câu như thế?

- Đêm ấy nằm mà cứ trăn trở, cứ chợp ngủ, rồi chợt thức, chợp mắt một lúc là đầy mộng mị kéo tới. Lúc tỉnh dậy mà vẫn còn bàng hoàng, toát mồ hôi. Sáng ra, tôi cố ổn định tâm thần, lấy lại bình tĩnh để suy nghĩ tìm hiểu về cuộc gặp gỡ vừa qua. Dĩ nhiên là “người” đã biết trước, đã cho phép, đã chấp nhận cho gặp, chứ không phải là một cuộc gặp gỡ tình cờ.

Hai thắc mắc chính cứ dằn vặt trong đầu: Sự gặp mặt ngắn ngủi như vậy là có ý nghĩa gì? “Người” là thế nào? Sao mọi người bắt phải kính cẩn gọi “người” là “bác”? Sao “bác” lại nói với mình câu ấy? Nó có nghĩa gì? Thảo nhớ lại lúc “bác” im lặng chăm chăm nhìn mình, có lẽ “bác” lục lợi trí nhớ xem kẻ đứng trước mặt là người như thế nào, để suy nghĩ xem cần phải nói gì với nó. Sau chỉ ba mươi giây, mà sao như quá dài. Thảo không thể quên cái cảm giác thấy ớn lạnh, như chịu không thấu cái nhìn soi thấu tâm can, vào thân phận mình như thế. Cái nhìn ấy đã làm cho Thảo bỗng cảm thấy mình là một đối tượng “có vấn đề”! “Vấn đề” đây là đã bị nhiễm tư tưởng phương Tây, bởi đã đọc nhiều sách vở của phương Tây! Đúng là như vậy! Bởi thế mà “bác” không muốn hỏi han hay tỏ ra thận mật với một kẻ “có vấn đề đã bị nhiễm tư tưởng phương Tây”, dù là kẻ ấy mới từ bên kia địa cầu trở về! Và có lẽ vì vậy mà phải nhắc nhở bằng một câu ngụ ý răn đe có ý chê “sách vở

ở bên Tây” là vô giá trị, nên về đây là phải “học tập nhân dân”! Mà dĩ nhiên “nhân dân” đây là “đảng”, là “bác”, chứ không phải là thứ dân thường vất vả vất vả ngoài đời: Mặc dù lần gặp gỡ ngắn ngủi này đã diễn ra hoàn toàn riêng tư, âm thầm, bí mật giữa “ông cụ” và Thảo, nhưng rồi sau nó đã được phổ biến rộng rãi ở khắp nơi! Càng suy nghĩ về lần gặp gỡ, càng nghiền ngẫm lời khuyên bảo như một mệnh lệnh, càng tìm ra ý nghĩa một sự kiện chỉ dành riêng cho Thảo, vậy mà nó đã được rao giảng rộng rãi trong giới trí thức... Tất cả vụ việc đó đã khiến Thảo nhận ra mình đã bị lãnh đạo dùng làm bài học: “đọc nhiều sách vở bên tây” có nghĩa là đã bị đầu độc (!?) nên bị nghi kỵ, kỳ thị, bị ghi vào một thứ sổ đen, trong danh sách những “kẻ có vấn đề”! Từ đó nảy sinh nơi Thảo mặc cảm là một “kẻ có vấn đề”. Mặc cảm này càng về sau càng được minh chứng bởi những khó khăn đã gặp trong cuộc sống hằng ngày, nó cứ đau đáu đeo đuổi, thường xuyên hành hạ, đe dọa tâm thần Thảo tới cuối đời. Càng suy nghĩ càng thấu cái đòn nghi kỵ của “bác Hồ”. Vì câu nói ấy, tuyệt đối chỉ có “bác Hồ” và Thảo biết thôi, vậy mà sau này nó đã được phổ biến rộng rãi khắp dân gian! Điều đó chứng tỏ giây phút gặp gỡ chớp nhoáng ấy là cả một sự chuẩn bị để làm bài học răn dạy đám trí thức ý mình có học, có bằng cấp của tây!

Rồi bác Thảo thú nhận:

- Từ đó tôi đã cố công gom góp những giai thoại, những nhận định của mọi người từng có dịp quan sát vị lãnh đạo, lãnh tụ này, để có một cái nhìn biện chứng về “ông cụ”, về “bác Hồ”.
- Vậy theo bác, “ông cụ”, “bác Hồ” ấy là người thế nào? Có gì là đặc biệt khác thường không?
- Có lẽ sẽ chẳng có ai có thể đưa ra một lời giải đáp giản dị về một nhân vật vô cùng phức tạp, vô cùng ẩn hiện với quá nhiều huyền thoại đã được thêu dệt nên này. Những lời kể của mấy người có trình độ, từng có kinh nghiệm về “ông cụ” mà tôi đã gặp và tôi thấy tin được, thì đều nhấn mạnh rằng đây là một nhà chính trị “hư hư, thực thực” rất khó hiểu! Người thì định nghĩa vị lãnh đạo này là “bốn chục phần trăm sự thật và sáu chục phần trăm huyền thoại”. Người thì giải thích sơ sĩ không thể có một cái nhìn chính xác, cụ thể về “bác Hồ” là vì hành tung, hành trình của “người” thì đầy hoả mù, đầy mâu thuẫn. Chi tiết này phần bác chi tiết kia. Cuộc đời ấy là một hành trình thành đạt rất gấp ghe, đầy bí mật, khác lạ thường! Phải biết thật rõ từng bước thành đạt ấy, thì mới hiểu được những quyết định lịch sử của “ông cụ”. Đó là cả một ý chí cương quyết vươn lên đỉnh cao quyền lực bằng bất cứ giá nào, với bất cứ phương tiện nào, với quyết tâm thoát ra khỏi số phận một con người bình thường. Từ ý định rất thực tiễn của lá đơn xin vào học trường Hành chính Thuộc địa, là trường dạy ra để làm quan phục vụ phong kiến, thực dân, nhưng lá đơn ấy đã không được chấp thuận. Rồi sau là những bước lưu lạc muôn nơi, muôn nẻo, phải thay tên đổi họ cả trăm lần, từ bước sinh hoạt trong đảng xã hội Pháp để rồi tham gia vào việc thành lập đảng cộng sản Pháp, nhưng cũng đã không mang lại lợi lộc gì... Sau thì ngã hẳn sang phía Đệ Tam Quốc tế... nhưng rồi cũng tới những lúc bị bỏ rơi, bị nghi kỵ, bị tống khứ khỏi Liên Xô... Biết bao đoạn đường khó khăn, bao lần thất bại, bị ruồng bỏ, bị lên án, bị khai trừ... Tất cả những chướng ngại ấy cuối cùng đã tác thành một con người có tung tích bí ẩn, có tâm thức đa nghi, có phần xạ đa diện, nhạy bén, sẵn sàng chụp bắt kịp thời mọi cơ hội, dù là mâu thuẫn với lý tưởng, với học thuyết, đối nghịch với lương tri, nhưng điều cốt yếu là để đạt tới mục tiêu. Với những kinh nghiệm của cuộc sống muôn mặt, muôn hướng, lúc thì vịn vào bên này, lúc bám vào bên kia, cuối cùng “ông cụ” đã đạt tới vị thế tột đỉnh của quyền lực! Và những bước tiến thân khác thường ấy đã tạc ra một vóc dáng chính trị ly kỳ, muôn mặt, muôn vẻ....
- Nhưng về mặt tư tưởng thì bác thấy cụ Hồ mang nặng những ảnh hưởng nào? “Ông cụ” có đúng là một nhà vô địch về tư tưởng mác- xít không?
- Bản thân “ông cụ” lúc thiếu thời thì đã chứng tỏ ảnh hưởng rất sâu sắc của giáo lý Khổng, Mạnh như một nhà nho... Trái lại, dù đã dấn thân vào con đường cách mạng, rất ít khi nào ông cụ đi sâu vào lý luận, giảng giải về tư tưởng Má- Lê. “Ông cụ” vẫn thường có những liên tưởng hồn nhiên tới đạo đức Khổng, Mạnh khi răn dạy cán bộ, khi làm thơ, làm vè. Làm thơ không phải do ngẫu hứng vì hoàn cảnh để giết thời giờ, mà luôn luôn là do cuồng vọng và mục tiêu chính trị, để ca ngợi mình, để tuyên truyền cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, ca ngợi thế giới đại đồng và nhất là để hô hào quyết chiến... Không thấy khi nào “ông cụ” đi sâu vào học thuyết, vào tư tưởng của Má. Có lẽ “ông cụ” chỉ chú ý tới cách khai triển chủ nghĩa Má của Lênine, của Stalin, của Mao nhiều hơn. Tôi không thấy có luận chứng chỉ rõ “ông cụ” là một người mác- xít. Nếu nói về tư tưởng cách mạng thì “ông cụ” đã chịu nhiều ảnh hưởng của Lenin, của Stalin, của Mao, nhất là Mao. Phải nói thẳng ra là Mao đã như trực tiếp bẻ lái “ông cụ”. Cái mảng tối nên tìm hiểu là lúc được bố trí vào làm việc trong “Bát Lộ Quân” của đảng cộng sản Tàu, với quân hàm thiếu tá thì “ông cụ” đã tuyên thệ gia nhập đảng cộng sản Trung Quốc vào lúc nào, do ai đỡ đầu? Tuyên thệ như thế thì có phải từ bỏ quốc tịch Việt Nam hay không? Ngay sau khi vào tiếp thu Hà Nội, tôi đã được nghe kể nhiều về “sự ưu ái của Mao chủ tịch vĩ đại” đối với “bác Hồ”. Một cán bộ từng là đảng viên kỳ cựu của đảng cộng sản Trung Quốc, sau cũng về theo phục vụ “bác Hồ” đã khoe rằng Mao chủ tịch có con mắt tinh đời nên đã nhận ra tài lãnh đạo của “đồng chí Lý Thụy”,

lúc đó vừa bị Đệ Tam Quốc tế đuổi khéo về lại Viễn Đông. Chính Mao chủ tịch đã thu xếp, đề bạt để “bác” gia nhập đảng cộng sản Trung Quốc và đưa vào làm việc trong Bát Lộ Quân, rồi chỉ đạo “bác” đứng ra thành lập đảng cộng sản Việt nam để kết nghĩa anh em với đảng cộng sản Trung Quốc. Và sau này chuẩn bị về cướp chính quyền ở Việt Nam... Câu chuyện này tôi đã có dịp hỏi đồng chí Hoàng Văn Hoan, từng được coi như là “gạch nối giữa “bác Hồ với Mao chủ tịch”, thì được trả lời gián tiếp rất mơ hồ rằng “bác Hồ là đảng viên của đảng cộng sản Trung Quốc từ lúc đầu, ngày nay Mao chủ tịch và bác Hồ, tuy là hai nhà lãnh đạo hai đảng, nhưng cả hai chỉ là một, vì cùng một lý tưởng, một mục tiêu”! Bởi thế nên mới xảy ra vụ quân Tướng xét giấy và khám thấy trong người “ông cụ” mang quá nhiều đồ- la, khiến “ông cụ đi bị bắt...”. Những ràng buộc giữa “ông cụ” với đảng cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn này cho ta hiểu về sau tại sao đảng cộng sản Việt Nam đã được đảng cộng sản Trung Quốc tận tình trợ giúp đến như vậy. Và tại sao “đảng” đã chấp nhận phát động chính sách cải cách ruộng đất y hệt chính sách “thổ cải” của Mao ở Trung Quốc, mặc dù lúc đó chiến tranh bắt đầu bước vào giai đoạn quyết liệt, cần tới sự hi sinh của mọi thành phần dân tộc. Ai cũng biết “sự hi sinh là không phân biệt giai cấp”, tại sao lại phát động “phân biệt giai cấp” vào lúc ấy? Tại sao có sự tuân phục tuyệt đối đến mức ấy? Vì nhu cầu xin súng đạn? Vì lòng khâm phục tư tưởng Mao Trạch Đông? Khi được hỏi tại sao “bác” không viết sách tư tưởng, thì “bác” trả lời “...Tại vì bác Stalin, bác Mao đã viết cả rồi”! Chẳng những thế, “ông cụ” còn khoe khéo rằng ngoài tư tưởng của Stalin, của Mao, “bác” còn am hiểu cả tư tưởng của Chúa, của Phật và cả của Mahomet nữa.. Nhưng lúc khuyên răn cán bộ, đảng viên, thì “ông cụ” thường quen miệng nhắc đi nhắc lại những đức tính của đạo nho như “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư... “ông cụ” tỏ vẻ thấm nhuần đạo lý Khổng, Mạnh vì biết xã hội ta chịu ảnh hưởng ấy. Theo tôi chiêm nghiệm thì ông cụ không đọc kỹ sách vở của Marx, nhưng đã đọc cuốn “Le Prince “ (Ông Hoàng tử) của Machiavel... Vì cách “cầm quyền tùy cơ ứng biến” của ông cụ là đúng theo Machiavel, tức là tận dùng mọi cơ hội, mọi thứ quyền lực có thể có, lợi dụng mọi thứ có thể lợi dụng, để tỏ ra là kẻ có uy lực khiến người ta nể và sợ, để người ta phải sùng bái...

- Nhưng trong đời tư thì “ông cụ” là người có tính tình, tình cảm thế nào?

- Về mặt tình cảm, theo tôi nghe kể, thì “ông cụ” tỏ ra kín đáo khó hiểu. Các nhà nghiên cứu hàn lâm khi nghiên cứu vị lãnh tụ này, thường nhìn “ông cụ” qua những Văn bản tuyên truyền của “đảng”. Các văn bản trong hành chính thì chỉ mang tính giai đoạn. Mà văn bản chính thức của “đảng” thì đã tô hồng nhiều, không mấy tôn trọng sự thật. Vì thế nên không thể hiểu nổi tính tình, cách hành xử trong đời tư của “ông cụ”. Vì thế nên rất khó mà có thể hiểu rõ được con người “ông cụ” về mặt chính trị, nhất là về những chọn lựa quyết định có tính cơ hội, giai đoạn vào những lúc dầu sôi lửa bỏng...

- Về mặt đời tư thì chẳng hề thấy tư liệu nào dám đề cập tới một cách trung thực, thấu đáo. Bởi về mặt tình cảm, gia đình thì đã có nhiều điều bị che giấu!

- Thật ra thì ông cụ luôn luôn chứng tỏ một bề ngoài khô khan, sắt thép, nặng lý trí đến vô cảm. Một cán bộ từng phục vụ gần cụ Hồ kể rằng “ông cụ” rất xa cách, lạnh nhạt với gia đình họ hàng thân thích, không mấy khi nhắc tới nơi chôn rau, cắt rốn của mình, muốn giấu kỹ gốc gác, chỉ vì cái gốc của ông cụ không phải là họ Nguyễn.... Lúc đã thành danh, “ông cụ” cũng không tỏ ra thiết tha với những ràng buộc thân thiết với ông anh Nguyễn Sinh Khiêm và bà chị Nguyễn nhị Thanh... “ông cụ” chỉ miễn cưỡng vài lần chính thức về thăm lại quê cũ. Những lần gặp lại ông anh và bà chị cũng chỉ diễn ra kín đáo, rất ngắn ngủi như gặp những người dưng. Những giai thoại về “cụ Hồ” thì cũng đều chứng tỏ sự khô khan về mặt tình cảm gia đình. Về mặt đối tác, cộng tác cũng vậy, trong những việc lớn hay nhỏ, ngoài ảnh hưởng tối cao của Marx, của Mao ra, chưa một lần “ông cụ” chứng tỏ đã nghe, đã chấp nhận ý kiến của một ai. Nói chi tới tình cảm, tình thương, tình nghĩa đối với một đứa con của tổ quốc, vừa từ bên kia địa cầu trở về, như trường hợp của tôi! Vì thế mà cho tới nay, chưa có ai đã khám phá ra hết mặt thật, hết những hậu ý của những quyết định mà “ông cụ” đã thực hiện trong bước đường tiền thân, trong chiến tranh, trong cách mạng!

- - - - -

Chương 12

Giải mã lãnh tụ

Bác Thảo thú nhận là mình lúc đầu vì còn trẻ, quá ngây thơ, nên đã kỳ vọng nhiều vào tình cảm của “ông cụ”. Cứ tưởng đấy là một con người bình thường, dễ kết thân, mà không hiểu được là trong thực tại cách mạng, đã có một khoảng cách khó vượt qua để tới gần được lãnh tụ! Bởi chung quanh lãnh tụ là cả một thành lũy bề phái vây quanh, bao phủ, với những con mắt, những cái tai, những bàn tay của những thế lực nghĩ kỵ nhau, kinh chống nhau rất phức tạp. Trong chế độ tương tự, trong đường lối hành động và tổ chức cứ như vậy, ngay từ thời Lênine, cho tới Stalin, cho tới Mao và nay tới thời “bác Hồ”, đã hình thành cả một truyền thống đối xử rất nghiệt ngã giữa các “đồng chí” ở cấp lãnh đạo, ở cấp Trung ương. Họ đã từng hạ bệ nhau, từng chèn ép nhau không chút nương tay, không chút thương hại, để qua mặt nhau, để gạt bỏ nhau! Nói chi tới những kẻ bị xếp vào loại “đối thủ tiềm ẩn”, loại “có vấn đề”, loại phản động, kẻ thù...

- Vì thế càng về sau này, tôi càng khám phá ra rằng mọi cuộc gặp với “ông cụ” đều đã được chuẩn bị rất máy móc, đã qua sàng lọc kỹ lưỡng, trong quy trình làm việc của lãnh tụ. Vì bắt buộc phải giữ khoảng cách như thế, mà những lần gặp đã không tạo ra một cõi mở tự nhiên, cũng không thì có một quan hệ hay trao đổi gì về mặt tư tưởng, cũng không có một xúc động tình cảm nào, ngoài sự xa cách, sợ sệt “đến lạnh cả thân thể”! Sau này thì tôi mới hiểu rằng hi vọng đạt tới một sự thân cận, thân mật nào đó với lãnh đạo là một điều không tưởng, không thể nào có!

Rồi bác Thảo phần trần:

- Tôi về nước với mộng ước được tham gia làm cách mạng, góp ý giúp dân, giúp nước, chứ không mưu tìm một địa vị trong quyền lực. Tôi nghĩ mình phải giữ sao cho cái đầu và con tim như của mọi người, để có thể chia sẻ niềm vui, nỗi buồn của mọi người! Nhưng “ông cụ” thì khác. Bởi “ông cụ” có cuồng vọng làm lãnh tụ, muốn tận tay mình dẫn dắt dân tộc từ thân phận nhược tiểu đi lên thế giới đại đồng. Muốn vậy, thì phải nắm cho bằng được uy thế tốt đỉnh, quyền lực trong tay, để chung quanh phải kính nể, kính phục mà tuân lệnh, mà sùng bái. Làm lãnh tụ không thể là một người bình thường, càng không thể tỏ ra là tầm thường. Nay nghĩ lại lúc gặp “Người” lần đầu tiên, mà tôi thấy lúc ấy mình ngốc quá. Bạch diện thư sinh mà dám tỏ ra là tay ngang với lãnh tụ! Đấy là tôi chưa bàn tới những bàn tay của bao phe phái quỷ quái, của cả ngoại bang... đang bao vây lãnh tụ!

- Nhưng lần tỏ ra là tay ngang với lãnh tụ là thế nào?

- Tôi nhớ rất rõ hôm ấy là ngày mừng 5 tháng sáu, năm 1946. Lúc đó, trùng buổi chiều đãi “phái bộ cụ Hồ” vừa tới Paris để lo việc điều đình với Pháp, vì sự bùng nổ của tuổi trẻ, nên tôi hồn nhiên vui mừng, thân mật, vồn vã chạy tới nắm chặt tay “ông cụ” một cách nồng nhiệt và nói: “Tôi rất hân hạnh được gặp cụ chủ tịch!” Cụ Hồ cũng vui vẻ đáp: “Chào chủ Thảo!” Nghe vậy, tôi rất cảm động, nghĩ rằng Hồ chủ tịch đã thân mật coi mình như đứa em trong gia đình... Cuối bữa ăn, Hồ chủ tịch kêu gọi anh em Việt kiều về nước tham gia kháng chiến, thì tôi hăng hái, xin được trở về ngay để được phục vụ cách mạng và quê hương.

Tôi còn tỏ ra là mình hơn hẳn các anh em Việt kiều khác khi khoe rằng “tôi cũng đã bỏ công nghiên cứu về tư tưởng Karl Marx và về cuộc Cách mạng tháng Mười ở Nga... Tôi rất mong ước được về nước cùng cụ xây dựng thành công một mô hình cách mạng tốt đẹp... tại quê hương ta”!

- Nghe vậy, thì cụ Hồ đã có phản ứng như thế nào?

- Ông cụ lúc ấy chỉ mỉm cười nhạt, nhưng nét mặt thì vẫn lạnh lùng khi nhìn tôi. Tới lúc Hồ chủ tịch lần lượt bắt tay từ biệt mọi người. Khi bắt tay tôi thì “ông cụ” nói với tôi một cách nghiêm nghị:

- Còn chú Thảo này thì cách mạng chưa cần tới chú lúc này đâu. Chú cứ ở lại Paris thì có lợi cho cách mạng và cho chú hơn.

Tôi hơi bị bất ngờ trước lời khước từ đột ngột như thế. Tôi đã kể lại lần gặp gỡ này cho một người bạn mới quen ở ATK, tên là Đa, một trí thức có vẻ cởi mở hiếm thấy.

Nghe kể xong, Đa là lười, lắc đầu, khoát tay tỏ vẻ lo sợ đến lớn tiếng:

- Thế thì chết! Chết thật đấy! Tôi không doạ anh đâu. Anh khôn hồn thì tìm cách lặn cho sâu, tránh cho xa lãnh tụ đi! Không nên nán lại ở ATK này nữa. Phải xin đổi công tác đi. Nói câu ấy ra là “Người” đã khai trừ anh rồi đấy. Tô thái độ ngang hàng như thế là anh đã tự tuyên án tử hình cho chính mình rồi đấy!

- Sao mà anh sợ hãi, hốt hoảng quá vậy? Chuyện ấy xảy ra cũng đã lâu rồi, năm, sáu năm rồi. Chứ có phải mới hôm qua đâu. Mà có gì khiến anh hoảng sợ quá vậy?

Đa lại lắc đầu nói:

- Vậy là anh chẳng hiểu gì về “ông cụ” và đám người chung quanh “ông cụ” cả sống ở gần “trung ương” mà không hiểu gì về lãnh tụ là điều nguy hiểm lắm đấy! Vì trong đầu “ông cụ” đầy ấp cuồng vọng quyền lực tối cao. Anh phải biết là cho tới nay, những ai đã từng coi thường “Người”, từng tỏ ra ngang hàng với “Người”, thì sau đều đã vinh viễn bị loại trừ ra khỏi tầm mắt của “Người”. Không ít người đã mất mạng, mất cả xác vì dám có ứng xử tay ngang như thế đấy.

- Tôi không hiểu nổi tại sao lại có thể tàn nhẫn khủng khiếp đến thế?

- Vì vậy mà phải biết giải mã lãnh tụ. Phải hiểu rằng “ông cụ” có tâm thức mình là bên trên tất cả, là một bậc kỳ lão gia trưởng, luôn luôn toả sùng bái một thứ hào quang thần thoại đúng với truyền thuyết lịch sử “con rồng, cháu tiên”... Và đám quần thần chung quanh “ông cụ” không tha thứ cho một ai dám tỏ mình là ngang hàng với “Người”. Từ những tay trí thức nổi tiếng tâm huyết như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm... cho tới kẻ được đào tạo chính quy như Trần Văn Giàu, và biết bao nhiêu trí thức có uy tín khác nữa... đều là những nạn nhân của thái độ ngang hàng như thế. Tất cả đều đã bị loại bỏ một cách tàn nhẫn và vĩnh viễn. Người ta ưa kể cho nhau nghe rằng Tạ Thu Thâu đã chết mất xác vì cầu nói: “Ngoài bắc có cụ, trong nam có tôi”!

Rồi bác Thảo giải thích thêm:

- “Ông cụ” có quyết tâm không gì lay chuyển là được tận tay dẫn dắt dân tộc đi tới thế giới đại đồng. Phải hiểu ý chí ấy, cuồng vọng ấy của “ông cụ;” Dù khó khăn mấy, hao tổn mấy thì cũng phải hoàn thành cho bằng được. Vì thế nên “ông cụ” quyết tâm nắm bắt mọi cơ hội để đạt tới đỉnh cao, để củng cố quyền lực bằng mọi giá, bất chấp những chuẩn mực của lương tri của đạo lý... cứ như theo sách vở của Machiavel mà tôi nghĩ ông cụ đã đọc, và đã thuộc lòng! Vì thế “ông cụ” thấy con đường chuyên chính vô sản của xã hội chủ nghĩa là đúng nhất, tốt nhất. Các nhà nghiên cứu nước ngoài đã không chú ý nhiều tới “cuồng vọng lãnh tụ” ấy khi họ tìm hiểu “ông cụ”! Họ thấy phong cách lãnh đạo của “ông cụ” như thế là do bản năng tự nhiên. Bởi các nhà nghiên cứu ấy đã mang sẵn trong đầu những định kiến chính trị cổ điển, qua cái nhìn bị chói loà bởi những huyền thoại của bộ máy tuyên truyền. Các nhà nghiên cứu ấy đã vô tình sử dụng quả nhiều tư liệu là sản phẩm chính thống của “đảng”. Họ đã không hiểu những hành động cực đoan của cuồng vọng. Như vậy thì làm sao họ hiểu hết được mặt trái, mặt phải “ông cụ”.

Phải biết rằng huyền thoại và vóc dáng lãnh tụ của “bác Hồ” là tác phẩm của cả một công trình nghệ thuật hoá trang cao độ, một công trình điểm tô, dàn dựng, để công kênh “ông cụ” lên thành một nhà lãnh đạo uy nghi, kiệt xuất, như là bậc thần, bậc thành, để dân chúng một lòng tin tưởng mà sùng bái. Tất cả phải bày tỏ lòng kính trọng; bằng tâm thức hãnh diện tự nguyện làm vật sở hữu của lãnh tụ như một vinh dự, một mẫu mực giá trị... “Ông cụ” được tôn vinh làm bác, làm cha dân tộc. Họ dạy cho dân tiêu chuẩn lý tưởng: cái gì có giá trị thì cũng phải là của “bác Hồ”, của “cụ Hồ!” Nào là “cháu ngoan bác Hồ”, cây vú sữa “bác Hồ”, “nhà sàn bác Hồ” cho tới anh “bộ đội cụ Hồ”! Từ đó đã biến thể ra thành cái nếp suy nghĩ rằng cái gì hay, cái gì tốt, cái gì có giá trị... thì cái đó phải là của “bác”, của “đảng”. Trong tuyên truyền có cả một “huyền thoại về quả cam” của bác Hồ: có cán bộ thợ, cán bộ chính trị, quan lại triều Nguyễn đã kể về thành tích được “bác Hồ” tặng một quả cam! Quả cam ấy đã được trân trọng đón nhận như một “ơn thánh thiêng liêng”, được mang ra chia sẻ cho cả gia đình... Giai thoại “quả cam” được coi như biểu tượng cuồng tín của một “thứ phong kiến cộng sản”! Trong tuyên truyền, người dân được dạy bảo phải một lòng kính cẩn những gì liên quan tới đời sống “bác Hồ”, nhưng thực tế thành công thì trong hành động, người dân lại hiểu rõ kinh nghiệm linh động muôn mặt, muôn hướng, muôn phương cũng như hành tung bí mật, phức tạp của “bác Hồ”!

Đau đớn cho một nhà văn, khi vừa hoàn thành một tác phẩm, một bài báo ưng ý, hí hứng tới đưa cho chủ nhiệm đọc thì bị chê: “Bài này thiếu tính bác, tính đảng, chỉ vì trong tác phẩm, trong bài báo thiếu vắng cái phần không thể thiếu là phần công thức ca ngợi công ơn của “bác Hồ”. Tại sao một đảng cách mạng, lấy việc giải phóng con người làm mục đích tối hậu, mà lại muốn biến tất cả thành sở hữu của lãnh tụ, của đảng cầm quyền? Đây không phải là tâm thức của con người đã được giải phóng, mà đây là tâm thức của con người đã bị dụng cụ hoá, nghĩa là đã mất tự do. Bởi phải tỏ ý nguyện làm nô bộc cho một vị chúa tể, cho nhóm quyền lực “lãnh đạo”! Đây là do tình trạng đã của kẻ đã quá sùng bái, đã quá tin. Đây là căn bệnh của chủ nghĩa “ngu tín”, chủ nghĩa “cuồng tín”. Phải giải mã cho cạn kẻ những cuồng vọng bí ẩn, những sức ép giáo điều của ý thức hệ thì mới mong thoát ra khỏi tình trạng ngu tín và cuồng tín ấy.

Khi muốn nghiên cứu kỹ về “cụ Hồ”, cũng phải tìm hiểu tất cả những công việc bố trí của “guồng máy” bao trùm, liên quan tới một sinh hoạt đời sống công và tư, tùy thuộc tính tình, tùy cách xử sự trong gia đình... tới cả các biện pháp tổ chức phục vụ, bảo vệ “bác Hồ”. Phải thấy cách dàn dựng lên những giai thoại, tạo ra những khung cảnh huyền bí chung quanh “bác Hồ”. Phải hít thở không khí tôn sùng, thờ kính, phục tùng lãnh

tự như thế, thì mới có thể tương đối hiểu phần nào cung cách hoạt động, ý hướng chính sách, giá trị của những chọn lựa của lãnh tụ. Tất cả phải là tạo cho quần chúng một niềm tin tuyệt đối vào lãnh tụ. Từ những quyết định lớn tới những việc nhỏ nhất, tất cả đều mang dấu ấn những phương pháp tâm lý tinh vi tôn sùng lãnh tụ. Chính vì sự sùng bái tuyệt đối này mà đã đưa tới những đánh giá không ăn khớp với thực tại đầy tiêu cực và tích cực của lịch sử. Vì khi khen quá, hay chê quá, thì phải chối bỏ cái phần tiêu cực, hoặc tích cực. Sự chối bỏ như thế thì không còn gì là sự thật lịch sử nữa, mà chỉ còn là... huyền thoại đã được thêu dệt theo hướng sùng bái. Dĩ nhiên khi đã thêu dệt huyền thoại thì không còn giá trị khoa học của nghiên cứu nữa. Lịch sử luôn luôn chứa đựng cả cái tốt lẫn cái xấu. Nói chỉ có tốt thôi, hoặc chỉ có xấu thôi thì không được. Mà khi muốn cân nhắc tỉ lệ tốt xấu, tức là phải xét vấn đề công, tội. Việc làm này dễ gây căng thẳng bị thăm. Vì dễ sa vào thái độ cực đoan! Cực đoan và sự thật không bao giờ đi đôi được với nhau.

- Cứ theo thực tại mà xét, thì “ông cụ” là một con người cực kỳ vị kỷ, mang mặc cảm tự tôn tuyệt đối. Từ cách mang đôi dép râu bình dân, từ cách để hở ra cái áo lót nâu đơn sơ, thùng vải lỗ bên trong, từ cách không cài hết khuy áo sơ- mi, tới cách khoác hở cái tấm nhựa bên ngoài, đó là những cách thức phô diễn đã được chọn lựa, cân nhắc rất kỹ. Những chi tiết ấy tạo ra một thứ vương bào siêu vật chất, đầy hào quang của cách mạng vô sản! Vương miện của “Người” chính là chiếc mũ “cát” vải có vẻ tầm thường, nghèo nàn. Nhưng nó biểu hiện tính khinh蔑, bất chấp thời trang quyền quý, quan cách, như thách thức cái lối ăn mặc sang trọng, hiện đại theo kiểu Tây phương. Phong cách ăn mặc như thế là sự phỉ báng những thứ áo gấm, áo thụng kiểu phong kiến. Lối ăn mặc cố ý tạo vẻ “bình dân” trong đám người chính trị, hoặc giữa dân chúng như vậy là một cách tự tôn rất cao siêu! Từ cách cầm điếu thuốc cháy dở, cách mỉm cười lạnh lùng, khinh bạc, cách nhìn thẳng vào mặt đối tượng như một thách thức, cách hỏi han đám đông kiểu bề trên chăm sóc bề dưới,... Tất cả những dáng điệu, cử chỉ trong mỗi tấm hình, trong từng bối cảnh, trong từng trường hợp... đều có cùng một mục đích: luôn luôn chứng tỏ vị thế thượng đỉnh của một vị lãnh tụ tối cao sáng ngời, phi thường!

Tất cả chi tiết ngoại cảnh đều là những nét chấm phá đã được gạn lọc, đã được nghiên cứu, dàn dựng tỉ mỉ từ trước, để hình ảnh “Người” không bị chìm lẩn trong đám nhân loại tầm thường chung quanh! Đây là vóc dáng của một thần tượng vượt trội, đứng trên một bệ đá uy quyền tột đỉnh trong lịch sử! “Người” không để hé lộ một một kẽ hở nào, để có thể bị coi thường một cách nhảm nhí, không để một mưu toan tìm tòi khám phá nào có thể thâm thấu vào những suy tư, vào những hậu ý, vào tư tưởng của “Người”!

- Đây là bác nghiên cứu về mặt tư tưởng, của lãnh tụ, thế còn về đời tư trong vòng bạn bè tri âm, tri kỷ thì sao? Tại sao chẳng thấy có tư liệu nào, chẳng thấy ai nói rõ về khía cạnh ấy?

- Thực ra thì “ông cụ” chọn lựa rất kỹ những “bạn hữu” như là đối tác của mình. Những người được chọn, được giới thiệu ấy đều là những nhân vật có ảnh hưởng, có chút uy thế chính trị. Họ sẽ là những người được sử dụng như những bậc thang, để “Người” dẫm lên đó mà đi tới đỉnh vinh quang. Thật sự là, khi đã đạt tới đỉnh quyền lực, thì ông cụ đã phải sống trên đỉnh tháp ngà, không có bạn hữu thân tình, tri âm, tri kỷ nào cả. Không người thân thương để tâm sự, không người chân thành để đối thoại vui vẻ trong tóc nhàn rỗi, bông đùa khi trà dư, tửu hậu. Không bạn thơ, không bạn rượu; không cả bạn đời tâm tình thâm kín riêng tư. Tất cả chỉ là những dụng cụ, cuộc đời khô khan của lãnh tụ lịch sử, không có chỗ cho bạn tâm giao, tâm tình... mà cũng chẳng hề có đồng môn, đồng chí! Chỉ có những kẻ tỏ ra sự trung thành của đám bầy tôi, khúm núm chờ lệnh dưới ngai vàng của quyền lực, chỉ có những đối tác officiel (chính thức) trong chốn cung đình, chính trường... Đa số những người được chọn đều là mấy nhà văn, nhà thơ, mấy nhân vật chính trị, mấy nhà văn hoá nước ngoài đã được guồng máy tuyên, truyền ca ngợi... Điển hình cho sự đề cao, đề bạt; một cách phi thường là trường hợp của nhà thơ Tố Hữu, một cán bộ không có thành tích chính trị hay cách mạng gì xuất sắc nào ngoài, mấy bài thơ ca ngợi lãnh đạo cách mạng. Đặc biệt là một bài thơ đã được đưa vào chương trình giáo dục vì nó hết lòng ca ngợi, tôn thờ “bác Hồ”! Và vì vậy mà “đụng tới Tố Hữu” là đáng tội phản động cách mạng.

- Nhưng khi đã ông cụ lên tới đỉnh vinh quang như thế thì tại sao không thấy lưu lại một tác phẩm nào về mặt tư tưởng hay lý luận nào của “ông cụ”?

- “Ông cụ” đã giải thích rằng “vì bác Stalin, bác Mao... đã viết cả rồi!”. Sự khiêm tốn của lời tuyên bố ấy đã làm cho máy tay trí thức có xu hướng sùng bái hiểu lầm. Với lời tuyên bố ấy, thật ra là ông cụ muốn nói rằng tư tưởng của “Người” là bao hàm, là gom thâu tất cả tư duy của các nhà tư tưởng lớn của cách mạng. Chẳng những thế mà còn là của cả nhân loại, qua tất cả mọi thời đại của sử sách. Đã hơn một lần “Người” khoe khoang tư tưởng của Người là cả một kho tàng tư tưởng của các bậc tổ tiên, của các nền văn hoá xuất phát từ Khổng Tử, Trang Tử của Trung Quốc, cho tới Phật Thích Ca của Ấn Độ, cho tới Chúa Ki- tô của nền văn minh phương Tây! Rồi còn là tư tưởng của nền văn minh Ả Rập với đấng Tiên tri Mahomet, đấng đã hứa mang vào thiên đàng, những ai dám hi sinh ôm bom lao vào kẻ thù... Bởi các đặc công của “Người” cũng thường hi sinh,

ôm bom lao vào... kẻ thù trong chiến tranh cũng như trong hoà bình, ở nông thôn cũng như ở thành thị như thế! Tự tôn là một căn bệnh tâm lý thường thấy nơi các lãnh tụ độc tài trong lịch sử. Lãnh tụ luôn luôn chứng tỏ mình là đỉnh cao chói vót trong thiên thu lịch sử của tất cả các nhà tư tưởng cổ kim! Sự khiêm tốn, sự bình dân của lãnh tụ chỉ là sự dàn dựng của một thứ mặc cảm tự tôn siêu đẳng! Nên nhớ là có khá nhiều tác phẩm đã hết lời ca tụng “ông cụ”, mà tác giả cũng chính là “ông cụ”! Chính ông cụ đã tự xưng tụng mình là “Ái Quốc” là “Vương”, là “Chí Minh” cơ mà!

Sau khi dài dòng nêu ra những đặc tính của lãnh tụ như thế, bác Thảo nhấn mạnh:

- Thực tế mà nói thì “ông cụ” biết rằng về trình độ tư tưởng, lý luận cách mạng, thì mình làm sao so được với những Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ là những người đã được đào tạo chính quy, ngay cả với Trường Chinh cũng vậy... Thế nên phải tìm cách chế ngự các đối thủ ấy. Phải cố nêu gương, nêu phong cách sống cao thượng, thanh đạm của một chân nhân để tỏ ra mình là nhà cách mạng chân chính. Vì một lẽ giản dị là đời sống và hành tung đa dạng, đa phương, muôn mặt, muôn vẻ rất ly kỳ, đầy bí mật của “cụ Hồ”, lúc “xuất quỷ”, lúc “nhập thần” như thế nên không ai có thể sánh được. Giường máy tuyên truyền cách mạng dạy dân “Phải sống và làm việc theo gương bác Hồ”. Nhưng làm sao một người bình thường có thể sống với tung tích không rõ rệt, gốc gác đầy bí ẩn, với nhiều tên, họ lung tung, với đường lối hành động muôn mặt như “bác Hồ” được! Phải có cái đầu cực kỳ mưu trí mới có khả năng dựng nên những huyền thoại của một cuộc đời phiêu bạt, nay đây, mai đó, với cả trăm cái tên giả khác nhau, làm nhiều nghề sang, hèn khác nhau... Hành trình gập ghềnh, khúc khuỷu của “bác Hồ” thì khó ai có thể đi theo. Từ một chú bé học chữ nho ở trong làng, từ một cậu học trò nghèo sống vất vả ở Huế, từ một ông thầy giáo quen ở Phan Thiết, từ một anh bồi hầu hạ quan tây trên tàu thủy, từ một anh thợ chụp ảnh dạo ở Paris, từ một kẻ mượn danh một nhóm ái quốc “An-nam” viết báo, viết kiến nghị gửi hội nghị quốc tế, từ một đảng viên đảng xã hội Pháp, nay bỗng xuất hiện ở Nga, mai lại là một cán bộ ở bên Tàu, nay bị Đệ Tam Quốc tế loại trừ vì có đầu óc “quốc gia chủ nghĩa hẹp hòi”, mai lại thấy chạy về ẩn náu ở Trung Quốc, ở Xiêm... rồi sau lại thấy xuất hiện trở lại ở Liên Xô, nhưng chỉ được châu rìa bên lề đại hội thứ V của Đệ Tam Quốc tế, chứ không được làm thành viên của đoàn đại biểu chính thức của phong trào cộng sản Đông Dương... Rồi sau lại thấy “bác” xuất hiện với bộ áo cà sa ở Xiêm, rồi là trong quân phục giải phóng quân Trung Quốc khi được nhận vào làm việc trong “Bát Lộ Quân” của đảng cộng sản Trung Quốc, có lúc thì sống y như một dân Hán tộc ở Liễu Châu, ở Quế Lâm, Thượng Hải, Trùng Khánh, Côn Minh... Sau biết bao truân chuyên, thì rồi bỗng “bác” nổi bật như một nhà chính trị của mọi cơ hội, một lãnh tụ của cách mạng! Một con người đa năng, muôn mặt, muôn ý, muôn hướng phức tạp như thế, ai mà làm theo, noi theo tấm gương ấy được!

Kể tới đó, bác Thảo thú nhận:

- Nhiều lúc cứ nhớ lại lúc ở Paris, với đầu óc non nớt bạch diện thư sinh, mà dám ăn nói lỗ mãng như đã thân quen với “ông cụ” ngay lần đầu gặp gỡ! Nay nghĩ lại mà thấm thía ý nghĩa câu ngạn ngữ của Pháp: “có những lời nói đã tuyên án tử hình ngay kẻ vừa phát ngôn ra nó!” Sao mà đã dám hỗn xược, láo lếu, phạm thượng coi trời bằng vung đến thế! Vì cái tội phạm thượng ấy, mà hồi đó tôi đã bị bỏ lại Paris! Rồi sau này, khi về tới quê hương, thì đã bị xếp ngay vào diện “có vấn đề”, nên cuộc sống đã gặp đầy khó khăn, vất vả như thế... Tất cả là do cái tội “đã đọc nhiều sách vở ở bên tây”! Rồi là kèm theo một lời dạy bảo như một mệnh lệnh “Phải... gắng mà học tập nhân dân!” Thật không có một đòn “chỉnh huấn” nào, không có một sự hạ tầng công tác hào nặng nề hơn cái lời nghiêm khắc ấy. “Gắng mà học tập nhân dân!”. Phải mở mắt, mở tai ra mà “học tập nhân dân!”. Đấy không phải là một lời khuyên, đây là một lời xỉ vả kẻ ngu xuẩn cứ tưởng mình đã đọc nhiều sách vở bên Tây là hay, là giỏi!

- Lời dạy bảo ấy đã như một tia sét cực mạnh đã đánh cháy tâm can, đến độ đã để lại vết hằn hối hận sâu hoắm trong ký ức của tôi... Rồi từ đó tôi mang nặng mặc cảm như đã phạm một thứ tội tổ tông không báo giờ gột rửa được nữa:

- Nghe bác tâm sự như vậy, tôi vẫn có cảm tưởng rằng bác oán hận “ông cụ” nhiều lắm, phải không?

- Anh vẫn lại hiểu lầm tôi rồi. Tôi không phải là kẻ ưa nói xấu, đổ ác cho ai. Với đầu óc một kẻ có học, có ý thức trách nhiệm, thì mọi sự kiện xấu xảy ra cho mình, trước mắt mình đều có lý do khách quan, chủ quan của nó, đều có lô-gích của nó... Trong chính trị cũng như trong chiến tranh, tác ứng dĩ nhiên gây phản ứng. Đây một kẻ, một phe vào thế thù địch, thì dĩ nhiên sẽ gặp phản ứng của kẻ thù ấy. Dùng thế du kích đại trà, chuyển quân như kiến, như muỗi vào rừng núi Trường Sơn thì sẽ gặp chiến tranh “hoá học trừ kiến, trừ muỗi” đó là hoá chất “da cam”!... Chiến tranh của hoá học, của điện tử, của “bom tinh quái”, của mìn “ngủi hơi người”... Đấy là tương tác của chiến tranh của ta, của địch. Dùng du kích đại trà của ta thì sẽ gặp phản ứng chống chiến tranh du kích đại trà của Mỹ! Biết quy luật, lô-gích của chiến tranh là như thế thì chẳng thể đổ riêng tội, riêng lỗi cho riêng một bên. Bên này tác ứng như thế thì, dĩ nhiên sẽ gặp phản ứng như thế của bên kia, có gì

là lạ đâu. Việc của tôi làm là lý giải, là chỉ ra cốt lõi, nhân quả của vấn đề. Nay già rồi mới thấy, mới hiểu thấu hết những sự kiện, những di sản của nó, nên tôi muốn nói ra với mọi người, về những trải nghiệm đã giải độc, đã giải thoát chính tôi khỏi tình trạng bế tắc của oán thù. Bởi những sự kiện, nhất là những sự kiện xấu, thì luôn luôn ám ảnh con người là tự nhiên. Riêng với dân ta, với cái đầu đã nhiễm thói quen cúi đầu, thụ động tiếp thu ý chí thù hận, với phản xạ hung bạo quyết tâm “giết thù”, như một giáo điều cuồng tín... Tất cả ảnh hưởng của những sự kiện ấy đều kích thích tội ác, đều là do mê muội, do ngu tín... Vì thế mà có kẻ không dám nghe tôi phân tích sự thật về cuộc đời ly kì, về những hành động khủng khiếp của “ông cụ”, vì sợ bị liên lụy. Sự thật là tôi chỉ muốn lý giải cái gốc của tội ác trong hoàn cảnh của con người. Phải tạo ra ý thức tỉnh ngộ, giác ngộ để giải phóng con người khỏi căn bệnh cuồng tín, ngu tín như thế, Phải nêu ra cái gốc của thâm kịch, cái căn nguyên nhân quả của bao nỗi vui, buồn, đau của dân tộc, và dĩ nhiên cũng là của chính tôi. Tôi nghĩ phải làm sao cho dân mình hiểu rằng “ông cụ” đã từ một cán bộ cấp thấp cho tới khi trở thành lãnh tụ, thì cũng có lúc đã có phản ứng của tội ác, đã vấp ngã. Ông thánh cũng có lúc phạm tội, nhưng hơn người ở chỗ sớm biết sám hối, biết hành động để chuộc tội... Chứ cứ quen thói hung bạo, quen thói cúi đầu sùng bái, rồi quy cho hoàn cảnh, cho số phận, đổ lỗi, đổ tội cho khách quan... thì không được. Cứ suy tư, đổ tội như thế thì xã hội rồi sẽ suy đồi, đất nước sẽ không trong sáng lên được. Thời cách mạng là thời có quá nhiều vấp vấp, tội lỗi, quá nhiều “máng” u tối, đã gây ra cái xấu, cái ác nên nó về lâu, về dài, đã gây tai họa cho cả dân tộc... Đã sống trong thời đó, thì nay mỗi người phải tự giải độc cái đầu mình trước khi giải phóng thân xác, thân phận mình. Làm con người tự do là khó lắm: vì con người luôn luôn phải gánh chịu những lời chỉ dấy đam mê, bị dẫn dắt tới ngu tín, cuồng tín, làm cho nó mất tự do!

- Vậy là bác muốn trút tất cả trách nhiệm và tội lỗi lên những đam mê, cuồng vọng của “ông cụ” sao?
- Về vấn đề này thì tôi phải nói rõ, phải giải thích cái cách nhìn của tôi. Thật sự là tôi muốn giải mã hoàn cảnh của “ông cụ” để tháo gỡ, để làm nhẹ một phần trách nhiệm, làm giảm một phần cả công lẫn tội của “ông cụ”, cũng như của chính tôi! Người ta thường cho rằng mỗi người đều có một định mệnh, một thân phận đã có định. Quay mấy cũng không thoát ra khỏi định mệnh, khỏi số phận mà ông trời đã dành cho. Tôi phủ nhận cách nhìn u mê thụ động của “số phận” như vậy. Tồi nghiệp ra, và môn tâm lý xã hội cũng nhìn nhận như vậy, là mỗi con người sinh ra và lớn lên, thì đương nhiên phải tiếp cận và tiếp nhận nhiều ảnh hưởng nặng nề của môi trường ấy... Ta có thể tạm gọi cái môi trường bao quanh, đè nặng lên, thâm thấu vào mỗi con người như thế là một hoàn cảnh. Cái hoàn cảnh mà chung quanh đã tạo ra và đã tác động, đã tác thành nó. Đây chính là cách nhìn của tôi. Nhìn như thế để thấy rõ hoàn cảnh của mỗi con người, để thấy bên trên, bên ngoài, mỗi con người, nhất là mỗi lãnh tụ chính trị, đều có một bóng ma uy quyền lớn trùm kín lên nó, đè lên nó. Đây là cách suy nghĩ của tôi. Khi gặp một trở ngại, gặp một điều không vừa ý, thì phải dừng lại, để phân tích tìm hiểu, để nhận ra cái vòng cương toả mãnh liệt đang bao quanh hoàn cảnh... phải tìm cho ra cái bóng ma quái đang chi phối mỗi thân phận, như vậy mới có thể biết cách giải quyết, tìm ra lối vượt qua trở ngại, để thoát ra khỏi bế tắc... Nếu không thì là tự mình cam chịu bị cầm tù trong bế tắc, để rồi còn chỉ biết oán hận, oán thù... Không biết các anh có hiểu hết ý tôi không? Phải giải độc, giải tà quá khứ của mình, để giải phóng chính mình, rồi từ đó giải phóng hiện tại, giải phóng tương lai...
- Bác nói như vậy là những việc làm, những ảnh hưởng xấu đều có một bóng ma quái đã đè lên thân phận của “ông cụ”, của bác, của cả dân tộc trong thời gian qua... phải không?
- Tầm nhìn như thế là để thấy toàn thể hoàn cảnh, vượt lên trên mỗi thân phận. Vì nhìn gần thì tất cả đều như là từ “ông cụ” mà ra, mà có. Nhưng như đã nói, đó chỉ là một tầm nhìn hạn hẹp, nên chỉ thấy uy quyền trước mắt. Phải đưa tầm nhìn vượt lên trên, vượt ra rộng hơn, xa hơn, để tìm hiểu tại sao con người, tại sao từ dân tới lãnh tụ cứ u mê cam chịu ngụp lặn trong bế tắc, tại sao cứ phải sống để gieo oán, gieo thù? Tại sao phải chấp nhận để oán thù làm động lực của hành động cách mạng? Ai, học thuyết, lý thuyết nào đã gợi ý, ai đã dạy ta phải biến oán thù thành động lực như thế? Xét như thế, thì thấy tất cả đều phát xuất từ một học thuyết, từ một ý thức “đấu tranh giai cấp” mà ra... Và chính học thuyết ấy, giáo điều ấy đã tạo ra cái bóng ma quyền uy của Lenin của Stalin, của Mao và cả của Pol Pot nữa... Nhưng trên tất cả các lãnh tụ ấy, lại là tư tưởng Marx! Thủ phạm gốc chính là Marx! Vì thế mà tôi phải phân tách những khía cạnh thực tế của con người “ông cụ”, để tìm hiểu cội nguồn, của những ảnh hưởng, những lập trường, những quyết định trầm trọng có tính lịch sử của “ông cụ”. Đối với những gì mà ta nhìn thấy, thì những quyết định ấy, bắt nguồn từ tham vọng quyền lực, từ ý chí muốn học ra làm quan nhưng không được... Tới lúc vui mừng gặp được tia sáng của học thuyết “giai cấp đấu tranh”! Rồi chấp nhận học thuyết ấy làm kim chỉ nam để đi tới... Tất cả những bước đi theo hướng ấy đều tạo cơ hội để thành danh, thành lãnh tụ. Để nắm bắt cơ hội ấy, thì phải suy tư vô cảm, coi những đau khổ của con người là những hi sinh cần thiết. Những bước “cơ hội” vô cảm ấy chớ phép tung hoành muôn mặt, muôn hướng, không biết thế nào mà lường. Chính “ông cụ” cũng biết, có những điều ông cụ làm, là điều không hay, nên “ông cụ” vẫn thường bảo những “đồng chí” chung quanh, những kẻ thân cận rằng “Bác làm gì kệ bác”

- Như vậy thì tại sao bây giờ lại có phong trào kêu gọi noi theo gương “bác Hồ”?

- Xét rộng ra mới thấy tầng lớp lãnh đạo sau này chỉ là cái đuôi... của tuyên truyền giáo điều máy móc, thiếu biện chứng, phản biện chứng! Vấn đề là không thể bắt buộc noi gương “bác Hồ”. Bởi cách sống muôn mặt, muôn phương, đa nguyên của “bác” đâu có phải là gương sáng! Bởi những điều “bác” đã làm nó rất khác, rất trái ngược với những lời “bác” dạy. Bởi đảng, nhà nước đã hành động muôn mặt như “bác” nên xã hội đã loạn! Trong thực tế đâu có ai sống theo lời dạy của “bác”! Tôi còn được biết rõ mỗi lần sắp xếp những ai được tháp tùng bác đi gặp các nhân vật nước ngoài, thì bác thân chinh dặn dò thật là chi tiết, từ cách ăn mặc, cách nói năng, cách ứng xử phải như thế này, thế nọ. Và lời dặn dò luôn luôn được kết thúc bằng câu: “Các chú phải ăn mặc, nói năng, ứng xử thật đúng cách, còn bác ăn mặc ra sao, “bác làm gì kệ bác”. Thật sự là “ông cụ” biết việc mình làm, thái độ giai đoạn, các quyết định cơ hội của mình thường là không trong sáng, nên không muốn bắt cứ ai được phép hành xử như... mình, được phép bắt chước mình! Khi gặp khách nước ngoài, đặc biệt là khi gặp người Pháp, thì “ông cụ” ra lệnh đoàn tùy tùng phải ráng ăn mặc văn minh, sạch sẽ, hợp thời... Còn “ông cụ” thì mặc theo kiểu lãnh tụ cách mạng Trung Quốc. Thư ký riêng Vũ Đình Huỳnh trước khi được tháp tùng đi Pháp, thì “ông cụ” đã bảo ông cứ mặc “complet”, thắt “cravate” cho thật đảng hoàng! Còn “ông cụ” thì vẫn cứ mặc theo kiểu cách mạng! Khi qua Trung Quốc thăm Mao chủ tịch, thì “ông cụ” lại mặc một cách hơi khác đi một chút, với cái áo khoác pardessus bên ngoài cho có vẻ Tây phương, khác hẳn lối mặc của “bác Mao”. Khi sang Pháp để gặp các nhà lãnh đạo Pháp, “ông cụ” còn phong ông Vũ Đình Huỳnh làm đại tá “vì ở bên tây, lãnh đạo luôn luôn có aide de camp (sĩ quan tùy tùng) đi hầu cận!” Và từ đó ông Huỳnh cũng phải chịu khó tập chào cho đúng kiểu “bộ đội cụ Hồ”!

Về cách “bác” nể nang và bênh vực ông Vũ Đình Huỳnh, có giai thoại do chính đương sự đã khoe ra rằng khi bị mấy uỷ viên trong bộ chính trị mách rằng “ông Huỳnh vẫn giữ thói ngông tiểu tư sản, lúc nào cũng quần áo ỉn là thật thẳng, lúc nào cũng xức nước hoa “Rêve d’Or”, thì ông cụ bênh ngay: “Ông ấy thích vậy thì kệ ông ấy”. Việc Vũ Đình Huỳnh được gọi bằng “ông” tức là đã có sự phân cách để cho thấy Vũ Đình Huỳnh không phải là một “đồng chí”, nghĩa là không phải người của cách mạng, nên sẽ có ngày bị hất xuống vực thẳm một cách không thương tiếc. Và sau này thì sự việc đã xảy ra đúng như vậy. Phải chi được “ông cụ” coi như con cháu, như gia nhân trong nhà thì tương li, hậu vận mới khá được.

Những người thân cận còn kể rằng “ông cụ” rất chú ý cả tới cách nói năng, ăn mặc của cánh phục vụ. Mỗi trường hợp tháp tùng, đi ra bên ngoài, là cả một sự dặn dò, chỉ bảo thật kỹ từng chi tiết, vấn đề là cả một dàn cảnh làm nổi trội hình ảnh một lãnh tụ giữa đám quần chúng bình dân bao quanh! Nghĩa là phải làm sao cho thật là nổi bật vóc dáng một lãnh tụ, thật uy nghi, nhưng lại thật là hoà đồng, mà không bị hoà lẫn trong cảnh quan! Đây là một minh họa cho ngôn ngữ “chiếc áo đã làm nên thầy tu”! Chính phong cách nói năng, ăn mặc của “ông cụ”, đã tạo ra một phong cách “lãnh tụ cách mạng”, chứ không phải trình độ lý thuyết, phương pháp lý luận! Không diễn thuyết, không viết sách để “đăng” và dân học tập, nhưng rất chú ý tới kỹ thuật dàn dựng bề ngoài: mỗi bức hình, mỗi ký sự phải là một “kiểu ảnh” để hậu thế chiêm ngưỡng! Phải chọn cận cảnh, viễn cảnh nổi nhất, phải cân nhắc đưa đẩy máy ảnh, máy quay tới lui nhiều lần để sao cho có một “thế đứng, thế ngồi” được “bác” chấp nhận, để lưu lại cho hậu thế!

Vì “ông cụ” là một nhà dàn cảnh chiến lược có tài, rất tỉ mỉ và khó tính. Bởi đối tượng trong hình, ở mọi tình huống, chính là “bác”, một lãnh tụ luôn luôn muốn mình nắm độc quyền quyền lực. Những ai đã trải qua, đã sống sót sau cuộc cách mạng, rồi thì cũng đều có cái kinh nghiệm của “cụ Hồ” là phải biết vượt qua mọi trở ngại, trong mọi hoàn cảnh khó khăn, để nắm bắt mọi cơ hội để vươn lên, để thành đạt, dù có phải đụng tới lương tri, đạo lý!

- Khi đã biết lãnh tụ là như vậy, ai ai cũng phải chấp nhận là như vậy, thì tôi đã có phản ứng đối phó. Một là cố gắng đổi dạng, học cách sống theo cách mạng, nghĩa là cũng áo quần nâu sồng, cũng ăn uống đạm bạc, cố tạo ra cái vỏ ngoài sống lam lũ như một nông dân bần cố. Cứ sống trong những điều kiện “vô sản”, để cố xoá đi những phô trương lỗ mãng thời trẻ. Phải bằng cách này, cách khác, biết “cải thiện” mình trước cái nhìn của đối tác, đối phương cực kỳ sắt thép, đối phương tức là “ông cụ”. Nhưng thật ra tất cả đều là vô ích. Bởi “ông cụ” đã có cái nhìn phân biệt, cái nhìn định kiến đối với tôi ngay từ lúc đầu như thế mất rồi. “Ông cụ” đã sắp hạng con người tôi như thế, tức là đã mặc nhiên tuyên một bản án bất thành văn, vô phương kháng cáo. Cách nhìn như thế không phải là của trí tuệ. Thật là đáng tiếc đối với một lãnh tụ. Vì nó quá hẹp hòi. Bởi cách mạng đã quen nếp hành động “chẳng thà bắt làm chín đũa, để không cho một đũa chạy thoát”. Khổ thế đây! Pascal, một nhà tư tưởng Pháp có viết: “Con người vừa là thiên thần, vừa là thú vật. Kẻ muốn làm thiên thần, thì lại là làm thú vật”. Cách mạng muốn làm ông thành giải phóng con người, thì lại là làm con quỷ bạo lực của hận thù để nô dịch con người. Lối hành động ấy là phản thần thánh, vì là phạm tội ác!

Không giấu được phần nộ khi kể ra những kỷ niệm cay đắng về hai lần gặp gỡ đầy ấn tượng¹ bé tắc với “cụ Hồ” hồi ấy, bác Thảo nhái giọng Sài Gòn, nói với chúng tôi y như tự chế nhạo mình:

- Hồi năm 1946, ở Paris, với vị thế từng được bầu làm “Đại diện cho kiều dân Đông Dương”, tưởng thế là mình “ngon lành” lắm, sau lại còn dám to ra ngang hàng với lãnh tụ, rồi có lúc còn ngoan cố toan tính đấu lý với đám cố vấn Tàu... Bây giờ nghĩ lại mới thấy “nói zậy” mà chưa mất mạng là may lắm!

- Theo bác thì tại sao bác không bị thanh toán như những kẻ đã dám tỏ ra mình ngang hàng, là đối trọng với “bác Hồ”?

- Cái đó là do tôi đã sớm đề phòng; Vì thế mà tôi mới sống sót cho tới ngày nay. Thứ nhất là tôi giữ ý, cố tỏ ra là tuyệt đối không mưu tìm một vai về chính trị nào, tuyệt đối không mưu tìm gặp gỡ, kết thân với những trí thức, để tránh bị coi là có ý gây phe phái ở chung quanh. Bởi chung quanh ông cụ đã có quá nhiều phe phái rình rập nhau. Lúc nào tôi cũng cố tỏ ra kính phục “ông cụ”. Vì tôi biết quanh tôi toàn là những con mắt rất cuồng tín, rất nghi kỵ, rất cảnh giác... của các cục “bảo vệ A này, A nọ”. Sống trong một xã hội ngu tín, của thời cuồng tín như thế không phải là dễ, sơ hở một chút là dễ... chết như chơi!

- Lúc có dịp nêu những ý kiến mới mẻ, có nội dung phản biện, thì tôi luôn luôn phải nhấn mạnh phủ đầu rằng nói như thế là tôi muốn “xây dựng đảng”. Đã nhiều lần tôi nói công khai với mọi người chung quanh rằng tôi chỉ ước ao được học tập, theo gương “bác Hồ”. Đây là để công khai chứng tỏ một sự đầu hàng “lãnh tụ” với điều kiện để tôi có thể sống sót... Nhưng cũng phải nhắc tới và biết ơn tới một thế lực đã bảo vệ tôi, đó là sự quan tâm, chăm sóc của mấy nhà trí thức Pháp, đứng đầu là Sartre. Họ đã tận tình tỏ ra chăm sóc, theo dõi hoàn cảnh và sức khỏe của tôi khi họ biết tôi đang bị kìm kẹp. Họ thường xuyên viết thư thăm hỏi và đôi khi gửi cả thuốc men cho tôi. Có lúc họ còn đòi qua tận Việt Nam để thăm tôi... Sartre và tôi tuy có vài mâu thuẫn trong tư duy triết học, nhưng ông và đám bạn bè của ông rất quý trọng tôi, muốn bảo vệ tôi. Vì thế, tuy bị cánh tuyên huấn ghét bỏ, nhưng tôi nghĩ nhờ sự quan tâm, kính nể của trí thức của thế giới bên ngoài, mà “ông cụ” đã có sự e nể đối với tôi. Lúc tôi lâm nguy tới tính mạng trước thái độ quá khích của đám cán bộ cải cách, khi tôi dám đối đầu với đám cố vấn Trung Quốc, nhóm cán bộ cực đoan đã chụp lên đầu tôi cái tội đáng tiêu diệt là “có đầu óc phản cách mạng của bọn đệ tử”! Nhưng vì “bên trên” chưa ra lệnh, nên cấp dưới chưa dám ra tay đó thôi. Họ vẫn phải để cho tôi sống. Tuy là sống vất vưởng như một con thú dữ cần phải canh chừng, “để xem nó còn ra những trò gì”. Cứ như con mèo vờn con chuột, chưa muốn cắn cổ cho nó chết hẳn. Hơn nữa, những nhận xét phê bình của tôi, chính “ông cụ” và mấy tay lý thuyết của đảng cũng không bắt bẻ được, nhưng vì địa vị thượng đỉnh của “ông cụ”, vì cố giữ “chuyên chính vô sản”, nên họ không thể chấp nhận ý kiến phản biện có tính dân chủ của tôi. Ngay trong lúc có cải cách ruộng đất, dân kêu than, khóc lóc quá thì “ông cụ” cũng biết đấy. Vì thế mà “ông cụ” đã khôn khéo ra chỉ thị “không được dùng nhục hình”, nhưng chỉ thị ấy đã bị cất xó, để sau này làm sử liệu, chứ nó không hề được phổ biến, rộng rãi. Bởi còn ý kiến có tính mệnh lệnh của Ban cố vấn, là phải thẳng tay “phát động đấu tố để tạo khí thế cách mạng”...

- Khổ thế đấy! Và vì vậy mà tôi muốn nhấn mạnh tới hoàn cảnh phải chịu sức ép cũng không mấy vinh quang của “cụ Hồ” trong suốt thời gian phát động chiến tranh! Muốn qua sông phải lụy đò! Muốn có vũ khí làm chiến tranh thì phải nghe người ta, phải kiêng nể cố vấn, nên cũng đành phải hi sinh một phần uy quyền, chủ quyền. Chứ mình có tự chủ hoàn toàn như mình muốn đâu. Lúc đó lãnh đạo đang bận tâm vì chiến tranh, không ai nghĩ tới chuyện phát động cải cách ruộng đất dã man như thế. Nhưng, như tôi đã nói, trên mỗi thân phận đều có một bóng quyền lực ma quái hơn nó bao trùm, nó ép, nó đè... Trên thân phận. Trần Đức Thảo là cái bóng ma quyền lực Hồ Chí Minh, nhưng trên thân phận Hồ Chí Minh lại là cái bóng ma đế quốc bành trướng vô cùng độc đoán, lấn át của Mao! Nhưng xét cho cùng, thì trên tất cả những thân phận lãnh tụ cộng sản, đều có cái bóng ma vô cùng vĩ đại, vô cùng áp đảo của Marx! Nhưng mà riêng đối với tôi, thì trên tất cả và tận cùng, qua bao tiếp cận thực tại tàn nhẫn của cách mạng trong một thời gian dài, thì nay tôi mới nhận ra là còn có một quyền lực lớn lao vô cùng, vô tận của sự thật, của lương tri... nó đè nặng lên đầu óc Trần Đức Thảo, nó phát xuất từ sự đau khổ của dân tộc Việt trong cuộc cách mạng này. Đó cũng là những đau khổ vô cùng của con người trong các cuộc cách mạng bằng bạo lực của hận thù ở Nga, ở Trung Quốc, ở ta, ở Campuchia... Chính vì đã đẩy tầm nhìn lên thượng tầng của tư tưởng, đưa lý luận, lý giải tới tận cùng của lương tri như vậy, thì phải nhìn thấy rõ cái gốc của mọi sai lầm và tội ác của cách mạng và của chính mình! Muốn phân tích rõ mọi sự thì phải là một cuốn sách vĩ đại... Bây giờ thì chỉ có thể bàn trong giới hạn của một vài chi tiết, một vài khía cạnh mà thôi.

- Như mọi người đã thấy đấy, chỉ vì ảnh hưởng của ý thức hệ mà chưa bao giờ ở đất nước này lại thấy có một chính quyền, một đảng chính trị lại vâng lời, lại phục tùng, lại sùng bái con đường hùng bạo của đảng cộng sản Trung Quốc đến mức đó. Cứ như mình là con đẻ của đảng cộng sản Trung Quốc. Mà sự thực là như thế! Dĩ vãng ngàn năm Bắc thuộc đâu dễ gì xoá đi được. Rồi với hàng vạn cán bộ của “đảng ta” do Trung Quốc đào tạo về mặt ý thức hệ nữa... Vì hiểu rõ tình trạng ấy, nên tôi cố gắng tìm luận chứng phản biện thật sáng tỏ, để thuyết phục lãnh đạo, để tránh những bước mù quáng quá trốn tai hại trong giai đoạn bị thôi thúc

phải chuẩn bị mở lại chiến tranh. Vì làm chiến tranh thì phải nhờ vả, quy lụy bên ngoài, tức là phải sùng bái anh cả đỏ Trung Quốc, chứ tay không thì đánh ai được. “Ông cụ” cứ tưởng có thể làm chủ tình hình trên đất nước của mình, cứ tưởng có thể tung hoành áp đảo dư luận quốc tế... nhưng kỳ thực là trên bàn cờ quốc tế, ở thời nào cũng vậy, một lãnh tụ nước nhỏ luôn luôn hứng chịu sự khuyh đảo tàn nhẫn của các thế lực nước lớn. Đang lúc chiến tranh sôi động trên đất nước, mà phải chấp nhận khuyến cáo của Trung Quốc phát động cải cách ruộng đất theo y như lối “thổ cải” đã man của Mao ở Trung Quốc như thế, thì đó là một nỗi nhục, nỗi đau của “ông cụ”. Khi phải mang bà Nguyễn Thị Năm, một ân nhân của cách mạng ra mà bắn như thế, mà chính “ông cụ” đã nhìn nhận là mình không muốn như vậy, thì đây là một thú nhận nỗi bất lực, một mối nhục lớn của “ông cụ”! Chung quy chính “ông cụ” cũng bị chi phối bởi những thế lực luôn luôn có cái nhìn quyền lợi, cái nhìn chiến lược toàn cảnh, toàn cầu, cái nhìn “ảnh hưởng”, “thế lực” của họ. Trung Quốc nó muốn nhuộm đỏ Việt Nam theo đúng màu đỏ đậm của Trung Quốc. Tôi đã hơn một lần nhấn nhủ, cảnh giác cấp lãnh đạo cách mạng rằng trong lịch sử thế giới, chưa hề thấy có trường hợp một nước lớn nào có chính sách chịu hi sinh, để mà giúp đỡ vô tư, để chi viện vô vụ lợi cho một nước nhỏ bao giờ đâu. Các nước lớn không bao giờ quên quyền và lợi của họ... Trong lịch sử nước ta từ trước tới nay, và cả về sau này, Trung Quốc đã, đang và vẫn sẽ là cái bóng ma quái vĩ đại, mãi mãi đè nặng lên đất nước, lên lãnh đạo, lên lãnh thổ của chính chúng ta!

Bác Thảo lắc đầu im lặng một hồi rồi nói tiếp:

- Bởi có cái nhìn như thế nên tôi bị ganh ghét, tuy chưa bị tiêu diệt, nhưng cứ bị trừng phạt bằng cách để cho sống dở, chết dở, lúc nào cũng như có thanh kiếm treo lơ lửng trên đầu. Dù bị canh chừng, bị đe dọa, nhưng tôi vẫn kiên trì lập trường, để tiếp tục là tôi, thế nên phải sống khổ. Cứ như mình muốn khổ chứ không muốn sung sướng, không muốn được ưu đãi! Bi hài là như thế!

Bác Thảo kể tới đó rồi bỗng cười rũ đến chảy nước mắt làm chúng tôi ngạc nhiên. Bác kể ra những gian nan khổ cực của bác với một niềm kiêu hãnh, tự đắc. Cứ như là những nỗi đau khổ ấy là những thành tích của một tình lãng mạn giữa bác với cách mạng, giữa triết học với chân lý. Lúc tâm sự, bác thường mỉm cười tề tái, trong khi mắt ngấn lệ. Chúng tôi tuy cũng có lúc phải mỉm cười theo, nhưng rồi cũng chảy nước mắt. Vì thấy nhà triết học của chúng tôi lấy tay áo chấm nước mắt mà vẫn cứ cười như đứa trẻ! Thật là thâm hiểm!

Rồi bác Thảo ôn lại tâm trạng mình ở Paris hồi ấy. Lúc thấy phái đoàn Hồ Chí Minh về nước... cùng bốn trí thức Việt kiều, mà mình thì bị bỏ lại! Thật là mất mặt cho kẻ cứ tưởng mình là một tay mác-xít có hạng, tràn trề hi vọng, tưởng mình sẽ rất là tâm đầu ý hợp với nhà lãnh đạo kháng chiến và cách mạng ấy!1

Bác Thảo cho biết bốn Việt kiều cùng về với Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay chuyến ấy là ba kỹ sư: Phạm Quang Lễ, Võ Quý Huân, Võ Đình Quỳnh, và bác sĩ Trần Hữu Tước. Phạm Quang Lễ là kỹ sư cơ khí hàng không, nhưng có nhiều kiến thức về vũ khí nên đã được tin dùng đặc biệt. Và đã được “cụ Hồ” đặt cho một tên mới là Trần Đại Nghĩa, rồi sau được phong quân hàm thiếu tướng, trông nom quân xưởng đầu tiên của chiến khu, rồi sau được ca ngợi như là người đã sáng chế ra loại súng chống tăng, mang tên SKZ (Súng Không Zật). Nhưng bác Thảo cũng chế giễu khéo:

- Thứ súng ấy sau chỉ thấy trong ảnh, chứ không thường thấy trên các trận địa. Vinh quang là như thế. Sự thật là như thế.

Kể tới đó, bác Thảo lại mỉm cười tề tái! Trên mặt khô héo của nhà triết học luôn toát ra nỗi buồn, nhưng vẫn cứ giấu nó sau nụ cười mỉm. Đây không phải là thứ cười vui, mà chỉ là một thứ cười đã phai bạc, đầy gian truân, đắng cay... muốn khóc! Đây là thứ cười cố hữu của con người khổ ải, thường để che giấu thân phận tủi nhục, u buồn của mình. Nụ cười héo hắt ấy rất thường gặp trên môi mỗi con người cùng khổ. Đến nỗi dân ta đã nổi tiếng là “cái gì cũng cười”, lúc đau khổ cũng vẫn cứ... cười!

Rồi bác Thảo còn thành thật thú nhận:

- Hồi ấy, không được cùng về với phái đoàn “cụ Hồ”, tôi cảm thấy bị coi thường, nên tự ái bị va chạm nặng. Vì vậy lại càng có quyết tâm mưu tính cho bằng được sự trở về sau này! Nay nghĩ lại mới hiểu rõ vì sao lúc đó tôi đã bị bỏ lại, và rồi không được tin dùng sau này: chỉ vì đã lỡ mắng phạm thượng, nhưng có lẽ công và tội nặng nhất của tôi là đã có những suy nghĩ, nhận định nghiêm trọng trước mấy vấn đề lớn. Vì thế mà đã vô tình đụng tới những tính toán của lãnh đạo, của “đảng”! Đó là việc tối kỵ không ai dám làm. Nhưng vì tính nghiêm trọng ấy mà tôi thấy phải nói ra. Chung quanh ông cụ người ta chỉ quen khen nịnh thôi. Tôi muốn thay đổi cách làm việc như vậy. Bởi đảng sau những vụ việc được đề cao là những hậu quả nặng nề và lâu dài có những chọn lựa tưởng là tốt đẹp, nhưng với thời gian, nó sẽ mang lại những tai hại lớn lao. Dù là chọn lựa hay quyết định của lãnh đạo thì cũng có lúc sai. Tôi không thể giữ im lặng trước những cái sai ấy. Vì thế người ta không muốn cho tôi tiếp cận lãnh đạo một cách thân cận. Luôn luôn có một bức tường ngăn cách.

- Thế thì bác chỉ được gặp “cụ Hồ” có hai lần ấy thôi à?

- Còn nhiều lần gặp mặt sau này nữa chứ, nhưng những lần gặp ấy thì là sự tham dự ở vòng ngoài, nghĩa là do sự sắp đặt, để trang trí theo ý muốn của quyền lực, của cơ quan, cơ chế, chứ không phải là được mời để có tiếp xúc riêng, để tạo quan hệ thân mật với lãnh tụ. Trong những lần gặp theo chương trình đã sắp xếp của “tổ chức”, nên giữa “bác” và tôi, chúng tôi không hề trao đổi với nhau một câu nào có tính thân tình, tâm sự về một sự cố hay vấn đề nào đó... Như tôi đã được tập huấn ngay từ đầu, trước mặt “bác” tôi không được tự ý nói câu nào “ngoài chương trình”, ngoài lễ tân!

- Như vậy là những lần gặp gỡ ấy, thật ra cũng là vô ích!

Cũng không hẳn là vô ích đâu. Bởi mỗi dịp nêu ra được một điều của lẽ phải, của sự thật, để rồi nó lọt đến tai lãnh đạo hay ai đó thì cũng như mình gieo trồng được một mầm tốt. Nhưng nếu cái hạt mà mình gieo đó bị coi là hạt xấu thì mình sẽ phải trả giá. Tôi còn nhớ một lần gặp gỡ rất bí mật, không thể nào quên. Lúc đó là cuối năm 1964, tức là hoà bình sau hiệp định Genève đã gần mười năm, nhưng cả miền Bắc thì đang sôi sục ngầm chuẩn bị mở chiến tranh nổi dậy một cách quy mô ở miền Nam. Bỗng một cán bộ Trung ương tên là Sông Trường, tới bảo “bác” ngờ ý muốn nghe tôi phát biểu về đề tài “chiến tranh và hoà bình”, tại phủ chủ tịch. Và tôi được biết rõ là buổi thuyết trình này chỉ dành riêng cho một số người rất hạn chế, rất thân cận của “bác”. Lệnh đó đã làm tôi suy nghĩ rất kỹ. Bởi lúc đó trong dân chúng, nhất là tại nông thôn, nơi không có tai mắt của quốc tế, đang dấy lên phong trào hồ hào thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự. Các địa phương đang thi đua thành tích “giao quân”. Khắp nơi tràn đầy bích chương, pa-nô kêu gọi “vì yêu nước, yêu xã hội chủ nghĩa, phải hăng hái lên đường làm nghĩa vụ quân sự”!

Thật tế là lúc ấy, trong mỗi gia đình dân chúng, đang rạo rục mỗi lo “đảng” chuẩn bị mở lại chiến tranh quy mô xuống miền Nam. Bởi trong dân chúng những tin tức Trung Quốc đang ùn ùn chở vũ khí nặng vượt qua biên giới vào cho ta, rồi lệnh gấp rút thu gom thanh niên đi làm “nghĩa vụ”... Do đó tôi cố tìm hiểu tại sao “bác”, là người chẳng ưa gì tôi, mà nay lại muốn nghe tôi thuyết trình về một đề tài đang làm cho dân chúng lo âu, đang được bàn tán, tuy âm thầm nhưng rất là sôi nổi, trong thời sự.

Cán bộ phủ chủ tịch cho biết “bên trên” ra lệnh cho tôi phải chuẩn bị kỹ bài nói chuyện, và yêu cầu tôi đưa trình bài đã soạn để “trên” duyệt trước. Thế nhưng tôi cố ý chỉ đưa trước một dàn bài tóm lược đại cương với hai phần chính. “Một là cách đánh giá nhu cầu và di sản của chiến tranh. Hai là cách đánh giá nhu cầu và di sản của hoà bình. Và phần kết luận: cách đánh giá thắng và bại qua những di sản của chiến tranh và của hoà bình”. Tôi không đi sâu vào chi tiết trong dàn bài đưa trình, là có ý để không gặp cấm cản những điều mà tôi muốn nói, mà có lẽ “bác” và những người chung quanh cũng không muốn tôi nêu ra. Trong bài thuyết trình, tôi đã cố phân tích thật sâu sự kiện “chiến tranh” và sự kiện “hoà bình”, qua quá trình lịch sử đương đại, với cách nhìn triết học phê phán đối với lịch sử. Tôi ôn lại những bài học của lịch sử, để nhấn mạnh tới sự độc hại không thể nào kể xiết của chiến tranh. Bởi nhu cầu chiến tranh đòi hỏi thật nhiều mưu trí, thủ đoạn. Còn hoà bình bền vững đòi hỏi phải có trí tuệ thật là trong sáng, minh bạch. So sánh con người của chiến tranh với con người của hoà bình về mặt lương tri đạo đức thì sẽ thấy rõ đâu là giá trị đích thực của chiến tranh, của hoà bình. Hơn nữa, hai cuộc đại chiến tranh thế giới đã kết thúc với thắng lợi của phe các nước dân chủ tư bản ở châu Âu, đã để lại những bài học đắt giá.

Bởi sự thật là sau mỗi lần chiến thắng, châu Âu đã thụt lùi một bước về mặt uy thế đối với thế giới, vì suy yếu, vì đã kiệt sức đến phải nhờ vả, phải vịn vào Mỹ để đứng dậy! Từ đó, nhất là từ sau đệ nhị thế chiến, Mỹ đã trở thành cường quốc số một, một cách không thể chối cãi, còn châu Âu thì đã vĩnh viễn mất hẳn vị trí đứng đầu thế giới. Các nhà sử học và xã hội học còn ghi nhận, về mặt văn hoá, nhân văn, về mặt trật tự, kỷ cương và đạo lý, thì còn người thời hậu chiến đã bị suy thoái về tất cả các mặt ấy. Hai nước chiến bại là Đức và Nhật đã vươn lên thành hai cường quốc kinh tế nhờ họ là nước thua trận, không có quyền thành lập quân đội. Do đó dân của họ không bị gánh vác nặng nề những chi phí quốc phòng trong một thời gian dài. Nghiên cứu về hiện tượng ấy cho phép đánh giá cái hại lâu dài của chiến tranh, dù là đã đại thắng. Bởi cái giá phải trả sau khi chiến thắng thì rất là đắt. Những chiến công hiển hách, có thể mang ra ca ngợi trong hàng ngàn trang sách.. Nhưng nỗi đau, nỗi khổ mà các dân tộc phải chịu do hậu quả chiến tranh thì lâu dài, không có giấy bút nào có thể kể ra cho hết. Cụ thể cho thấy cái lợi về cách sử dụng hoà bình một cách tuyệt đối, nghĩa là không phải dồn nỗ lực vào guồng máy chiến tranh đã cho phép các dân tộc quanh ta tránh được bao đau khổ, không bị trong tình trạng thua kém, tụt hậu như nước ta, dân ta. Và lại nhờ chính sách tận dụng hoà bình mà Đức và Nhật đã qua mặt những nước chiến thắng như Anh, như Pháp. Kinh nghiệm ấy là một bài học quý cho nước ta.

Thực tế là tình trạng miền Bắc ta, cho tới lúc này (1964), cũng chưa xoá bỏ được nghèo khổ, dù là việc ký kết

hiệp định hoà bình ở Genève đã mười năm. Đời sống nhân dân ta còn vô cùng tối tăm về mọi mặt. Thế mà nay ta lại phải lo mở lại chiến tranh trong những ngày sắp tới đây. Mà nước ta vẫn chưa làm ra được súng đạn, thì dĩ nhiên phải nhờ vả trầm trọng vào nước ngoài, về mặt vũ khí, về lương thực... Sự nhờ vả ấy sẽ là món nợ vô cùng nặng nề. Nó sẽ là một di sản lâu dài của chiến tranh. Bởi chiến tranh, đối với loài người, là một độc dược với muôn vàn "hậu quả độc hại từ bên trong", về lâu về dài. Chiến thắng chỉ mang lại phần thưởng vinh quang cho một thời gian nhất định. Nhưng di sản tai hại trầm trọng của nó, ngoài những thiệt hại về nhân mạng, về đổ vỡ trên lãnh thổ, còn là sự đổ vỡ thắm sâu trong tinh thần, trong nếp sống, trong nếp suy nghĩ, trong đầu óc con người. Bởi chiến tranh lâu dài sẽ tồn đọng trong đầu óc, thành một thứ văn hoá chiến tranh. Nó làm cho con người trở thành hung bạo hơn, gian xảo hơn, tàn nhẫn hơn trong suy nghĩ, trong hành động, trong nếp sống hằng ngày. Bởi con người chiến thắng sẽ khoe khoang, sẽ thành kiêu binh, sẽ tin tưởng vào những xảo trá, quỷ quyệt đã dùng để đánh gục quân thù! Nhưng rồi nó tồn đọng như những món nợ vật chất và tinh thần, trong thể xác và đầu óc con người và xã hội. Đó là những món nợ văn hoá trong lối sống... lối suy nghĩ, mà các thế hệ mai sau không thể nào thanh toán cho hết được. Vì thế mà người xưa, sau chiến thắng, thì đã phải vội ra chính sách "an dân", để cố tẩy xoá ngay lối sống, lối suy nghĩ của chiến tranh, để cho người dân an tâm mà làm ăn... Ta thì sau khi thắng xong, là lại lo áp đảo tinh thần đề huy động dân chúng, để phát triển "xã hội chủ nghĩa", rồi tiếp tục cổ vũ hận thù triệt để, để chuẩn bị mở lại chiến tranh!

(Cũng nhân đây, phải lưu ý rằng ở châu Âu, có hai nước đã coi nhau như kẻ thù truyền kiếp, quyết không đội trời chung là Đức và Pháp. Nhưng những lãnh đạo có trí tuệ, biết nhìn xa, đã hoá giải được mối thù truyền kiếp ấy bằng hoà giải, để rồi Pháp và Đức ngày nay đã trở thành cột trụ của nền hoà bình và thịnh vượng của châu Âu, do châu Âu chứ không còn là do Mỹ cho châu Âu! Đây là một kinh nghiệm, là một bài học hoà bình và thịnh vượng, mà chìa khoá là sự công nhận giá trị của nhau, kính trọng nhau để cộng tác với nhau mà đi tới).

- Vì thế, khi đã có hoà bình mà không cấp bách và tích cực xoá bỏ cho nhanh, cho hết nếp suy tư, nếp ứng xử quá khích, xảo trá thời chiến trong xã hội, xoá sạch hậu quả của những thói quen quá trớn của chiến tranh, để cho dân thay đổi cách nghĩ, cách sống, để cho cuộc sống trở lại lương thiện bình thường, thì rồi sẽ khó tránh được, những hậu quả xã hội suy tàn là di sản lâu dài của chiến tranh. Sau chiến tranh mà vẫn duy trì nếp sinh hoạt của thời chiến, vẫn phát triển các chính sách của bạo lực, vẫn quen dùng thủ đoạn tuyên truyền dối gạt của chiến tranh, thì xã hội sẽ mãi mãi sống trong căng thẳng, trong những phản xạ tàn bạo... như vậy là độc tố chiến tranh đã nhiễm sâu vào con người, vào xã hội. Như vậy là di sản chiến tranh vẫn tác hại trong thời bình, giữa chúng ta với nhau. Vậy là những chiến thắng cuối cùng đã đưa tới toàn là tai hoạ. Chiến thắng như thế cuối cùng là một thất bại. Vì không phải là thắng, và cũng chẳng phải là lợi. Chúng ta cũng nên chú ý rằng nhờ bao tổn thất và hi sinh của ta trong chiến thắng Điện Biên, mà Trung Quốc đã có cơ hội lên mặt kẻ cả của một đại cường quốc ở hội nghị Genève khi bàn về ngưng bắn ở Việt Nam. Bởi Trung Quốc đã từng bị mất mặt khi phải ký kết chấp nhận đình chiến ở Triều Tiên... Thế nên Trung Quốc đã có ý đồ phục thù trong chính sách giúp ta đánh đuổi Pháp, để gỡ danh dự. Cứ xem như việc Mao chủ tịch, vừa mới thắng Tưởng Giới Thạch, vừa mới nắm được chính quyền tại Bắc Kinh năm 1949, thì đã vội xua quân qua chiếm Tây Tạng năm 1950! Rồi sau đó đã thúc Bắc Triều Tiên mở chiến tranh để xoá ảnh hưởng Mỹ ở Nam Triều Tiên. Nhưng rồi Trung Quốc đã thất bại sau khi phải xua quân qua cứu Bắc Triều Tiên, và rồi đã phải ký một cách khiêm tốn hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm, phải chấp nhận để Mỹ đóng quân lâu dài ở Nam Triều. Tiên... Mà Nam Triều Tiên đứng vững không chỉ do Mỹ, mà còn là do dân ở đó không ưa "cộng sản". Đó là những điều ta phải suy nghĩ cho kỹ để rút kinh nghiệm cho tương lai của ta. Ta phải cân nhắc kỹ lại về việc ký kết và thi hành hiệp định Genève mà ta đã ký năm 1954. Tôi muốn gợi ý ở phần kết luận bài thuyết trình với kinh nghiệm của vùng Đông Nam Á này: chiến tranh không phải là một giải pháp tốt. Mà những hậu quả tai hại của chiến tranh thì không thể lường hết được, mà cũng không thể nào thanh toán hết được.

Vì đã ý thức nỗi lo sợ của dân chúng trước viễn ảnh và nguy cơ mở lại chiến tranh, nên tôi buộc lòng phải nhấn mạnh tới hậu quả tai hại, với hi vọng mong manh là nếu không thể ngăn chặn, thì ít ra cũng trì hoãn được thêm một thời gian nữa dự tính mở lại chiến tranh xuống miền Nam. Vì đứng trên quan điểm của con người trong lịch sử mà xét, những tiếng gào khóc của hàng triệu sinh linh trong chiến tranh và sau chiến tranh, dù cho có bao nhiêu bia tượng, đền đài miếu mạo ghi công, tưởng nhớ đến muôn đời sau, thì cũng không thể nào an ủi được những nỗi đau, không thể nào đền bù được những mất mát và tàn phá do chiến tranh gây ra, mà dân chúng đã phải gánh chịu mãi mãi cho tới sau này.

Để chấm dứt bài thuyết trình, tôi đã chậm rãi nói dần từng chữ:

- Có một sự thật có thể gây tranh cãi, nhưng không thể nào chối cãi được, là chiến tranh luôn mang theo

những hậu quả vô cùng tai hại. Vì nó làm băng hoại xã hội, vì nó phá hoại hạnh phúc con người... Chỉ có hoà bình mới tạo cơ hội xây dựng được no ấm và hạnh phúc, tạo ra được một xã hội có căn bản luân thường đạo đức, trật tự kỷ cương.

Nghe tới câu ấy, “bác” thay đổi thái độ: đang ngồi nghe một cách vô cảm, với dấu hiệu mệt mỏi, bồng cau mặt, đứng phắt dậy, mím môi, chau mày, có vẻ không vui ra mặt, rồi vỗ tay sơ sài, lệt đệt, làm như thế “bác” chỉ chờ cho tôi chấm dứt. Gần chục người chung quanh, hình như đa số là của “bộ chính trị”, cũng phải vội vã đứng dậy vỗ tay hời hợt theo cho phải phép. Rồi “bác” vừa đi ra, vừa ngoảnh mặt nói vọng lại với tôi:

- Chú Thảo nói hay lắm. Cám ơn chú! Bây giờ bác phải về làm việc.

Tôi đã cố quan sát thật kỹ thái độ, dáng điệu lúc bác ngồi nghe. “Bác” đã giữ vẻ mặt trầm tĩnh cho tới lúc đứng dậy, đổi ra mặt cau có, rồi vút lại một lời cảm ơn, như miễn cưỡng, để vội vã đi ra, bước thật nhanh, không vui chút nào khi rời phòng hội. Những người chung quanh cũng phải vội vã chạy theo. Chỉ có một người bước lại gần, tươi cười nói khẽ và vội một câu, như để an ủi tôi, đó là tướng Giáp:

- Được “bác” khen như thế là tốt lắm. Thế là thành công đấy!

Nhưng tôi thì đứng lại đó, bơ vơ, lo âu, suy nghĩ về câu khen “nói hay lắm” mà “bác” vút lại khi bước ra khỏi nơi họp. Tối cứ băn khoăn ngẫm nghĩ về thái độ của lãnh tụ với câu “khen” ngắn ngủi ấy. Chờ mãi hồi lâu, cho tới khi một cán bộ của phủ chủ tịch bước tới để dẫn tôi ra về bằng cổng sau...

Đấy là thêm một lần, tôi đã cố dịp tìm hiểu cách ứng xử của “ông cụ” đối với tôi. Thật sự là cuộc gặp gỡ, buổi thuyết trình ấy đã không làm “ông cụ” vui. Vì nội dung bài thuyết trình đã nhấn mạnh tới những hậu quả vô cùng tai hại của lá bài chiến tranh! Và rồi tôi cũng không vui với lời khen mỉa mai “nói hay lắm!” (nhưng ý không hay?) ấy. Bởi tôi biết việc ký và thi hành hiệp định Genève như thế, là để chuẩn bị mở lại chiến tranh, tức là vĩnh viễn xé bỏ hiệp định! Bởi trong hiệp định, có các khoản cam kết của các nước chủ trì hội nghị dùng để bảo vệ cách thi hành, nhưng chẳng thấy ta dùng tới những cam kết ấy. Ngoài ra, tôi còn nhắc khéo tới ý đồ bành trướng của Trung Quốc trong vụ vội vã “giải phóng” Tây Tạng... Nhất là trong lúc toàn miền Bắc ta còn nghèo khổ mà đã lăm le mở lại, mở rộng chiến tranh xuống miền Nam! “Ông cụ”, với nét mặt nghiêm trang, lạnh lùng, có vẻ đã mệt, nên đã không giấu được thái độ bức bối, như là vừa làm một thử nghiệm không vừa ý, với một kẻ “có vấn đề”, nên nét mặt đã chuyển ngay sang cau có, khó chịu vào phút chót ấy. Và câu “Chú Thảo nói hay lắm!” đã như một gáo nước lạnh hắt vào mặt tôi. Bởi nếu thật sự đồng ý với tôi, dù là chỉ một phần nhỏ thôi, thì ít ra cũng lại gần tôi mà trao đổi vài câu, và bắt tay để nói lời khen ấy. Nhưng đây lại là một câu nói miễn cưỡng vút lại phía sau, trong khi vội vã bước ra khỏi phòng hội. Chung quanh tưởng đấy là một lời khen, nhưng kỳ thực chỉ có tôi hiểu đấy là một lời phê phán nặng nề: “Nói thì hay lắm, nhưng ý tứ thì không hay chút nào!” Chỉ có tôi là người trong cuộc, đang sống trong vòng cương toả của “Người”, mới cảm nhận, mới hiểu rõ ý nghĩa thâm thúy của từng câu, từng chữ của “Người”! Rồi tôi lại nghĩ cho dù “ông cụ” có muốn kéo dài thêm thời gian hoà bình để kiến thiết xứ sở, nhưng còn có uy lực của Mao nó ép phải mở lại chiến tranh thì sao? Vấn đề nó thâm sâu, tàn nhẫn và phức tạp vô cùng!

- Thế sau lần gặp đặc biệt ấy, bác còn được gặp lại cụ Hồ nữa không?

- Cũng còn, nhưng những lần gặp sau này thì thật ra là chỉ thấy “ông cụ” thôi chứ không được tới gần. Bởi những lúc đó, tôi chỉ là kẻ tháp tùng ở vòng ngoài, như một cán bộ tới góp mặt trong một buổi tiếp tân, chứ không phải là tới để có thể trao đổi vài câu với “ông cụ”. Vả lại, vì tôi không biết a dua, tâng bốc, nịnh nọt như mọi người, nên không khi nào được bố trí để “ông cụ” tỏ vẻ thân thiện, nói chuyện với tôi. Nhưng tôi cũng đã biết, trong nhiều buổi tiếp tân, lễ hội, lúc “ông cụ” xuất hiện, tươi cười đảo mắt nhìn nhanh mọi người, nhưng cái nhìn ấy bỗng trở thành nghiêm nghị, ngập ngừng, dừng lại đôi chút, rồi quay quá chỗ khác khi thấy tôi: Có lẽ lúc đó “ông cụ” nhận ngay ra “kẻ có vấn đề” là tôi cũng có mặt ở đây. Cảm nhận do kinh nghiệm đã trải qua, tôi biết đối với ban lãnh đạo sau này, do nhận định tôi vẫn là “kẻ có vấn đề”, nên các lãnh đạo khác cũng dị ứng, luôn luôn giữ khoảng cách, tránh không tới gần tôi để trò chuyện, dù chỉ là xã giao, khi họ nhận ra tôi ngay trong đám đông. Sở dĩ tôi thường được mời tới dự các buổi họp mặt có tính tuyên truyền và ngoại giao, như vài trí thức khác, vì Trung ương có ý dùng sự có mặt của chúng tôi như một yếu tố trang trí, ra điều có đông đủ các thành phần trí thức. Trong những dịp đó, chỉ có vài vị khách nước ngoài là muốn lại nói chuyện với tôi, vì họ đã biết tôi từ trước...

Đã hơn một lần, tôi được nghe mấy trí thức khoa bảng than rằng “ông cụ” rất cảnh giác với những kẻ có bằng cấp. Chỉ những kẻ khiêm tốn, tạng khúm núm vâng lệnh, ngoan ngoãn đi theo phục vụ “bác” từ thừa hàn vi, thì sau này mới được tin dùng, và được đề bạt cất nhắc lên. “Ông cụ” là một mẫu lãnh đạo còn mang nặng tâm thức thời phong kiến phương Đông cổ xưa, cũng y như Mao Trạch Đông, rất tự tin vào tài đa mưu, túc trí của mình, nên coi đám học thức “không bằng một cục phân”. Hơn nữa, “ông cụ” rất ghét cánh Tây học. Trong

vòng thân cận “ông cụ”, không hề có một chuyên viên tri thức nào có bằng cấp tốt nghiệp Đại học cả. Chỉ toàn là những hầu cận, cận vệ ít học được “ông cụ” đào tạo, để phục tùng, thì sau đều được “ông cụ” đề bạt lên thành tướng, thành giám đốc, thành bí thư v.v... Còn giới học thức chỉ được làm việc ở vòng xa bên ngoài. Bởi “tổ chức” muốn bố trí để “ông cụ” nổi bật trong đám người ít học, y như một đại bàng chúa tể, bầy lượn trên đỉnh Thái Sơn của quyền, lực, ngó xuống chón sơn lâm chính trị thấp kém bên dưới với con mắt nghi kỵ, khinh mạn, với cái nhìn vô cùng sắc bén, thấu hiểu đầu óc từng người... để dễ phân biệt kẻ cận thân, với những đối thủ tiềm ẩn. “Ông cụ” có tâm thức cảnh giác của một lãnh tụ cách mạng như Stalin, như Mao... Khốn nạn cho kẻ nào bị “tổ chức” đánh giá như là một địch thủ tiềm năng đối với “ông cụ”! Tôi nhận thấy các nhà sử học khi nghiên cứu về “bác Hồ”, đã chỉ căn cứ trên những tư liệu của đảng cộng sản, nên không thể nào nhìn rõ sự thật; không thể nào hiểu rõ cái biện chứng duy tâm, duy ý chí của lãnh tụ, nên họ không thể hiểu nổi “ông cụ”. Bởi họ chỉ nhìn thấy “lãnh tụ” qua lăng kính đẹp đẽ, sáng chói của bộ máy tuyên truyền. Không biết nên đánh giá như thế nào đối với những bộ óc thông thái, uyên bác “kinh điển” mà cứ trích tư liệu tuyên truyền của đảng cộng sản như là trích ra từ một thử thánh kinh! Họ chỉ là những ông thầy bói mù được sờ vào, không phải là một con voi, mà là một con khủng long ba đầu, chín đuôi!

Có một điều rất đáng tiếc là các nhà sử học khi tìm hiểu về “cụ Hồ” đã bỏ qua một thứ tư liệu rất chính gốc, rất bộc lộ, rất chân thực do chính đương sự là tác giả... Đó là ý nghĩa của những biệt hiệu hay những tên giả mà chính “cụ Hồ” đã tự đặt cho mình qua từng giai đoạn mưu tìm con đường hoạt động, lúc thiếu thời, khao khát tìm cách tiến thân, tìm đường hoạt động chính trị. Có những cái tên theo tiếng nước ngoài khá ngộ nghĩnh! Nhưng đáng chú ý là từ khi tự đổi tên là Tất Thành (1911) (với khát vọng khiêm tốn là sẽ là kẻ hành đạt...), rồi cho tới, sau này thì bỏ hẳn họ Nguyễn, để thay đổi, lấy lại họ gốc là họ Hồ, và chọn cái tên cực kỳ kiêu sa, coi mình là bậc Chí Minh! (1945). Nói chung là với cả trăm tên giả thường là rất tiêu biểu tâm thức như thế đã phản ánh một cách chân thực, những bước chuyển biến trong đầu óc của “ông cụ”. Mỗi lần thay tên, đổi họ là một bước, có ý nghĩa trong hành trình vươn lên, đi tới để trở thành lãnh tụ. Đây là quá trình diễn biến của sự hình thành một cuồng vọng. Phải phân tích cận kề từng cái biệt danh ấy như là một dấu hiệu tâm lý chính trị, từ lúc chỉ mong có cơ hội thành đạt, cho tới lúc quyết tâm, bằng mọi giá, mọi cách, để đạt tới tột đỉnh của quyền lực như là một ông vua (Vương), là một người yêu nước chân chính (“Ái Quốc”), là một lãnh tụ thông minh bậc nhất trong thiên hạ (Chí Minh)! Thật ra thì trong xã hội phong kiến, những danh hiệu ấy chỉ có thể là do người đời phong tặng cho những nhân vật lịch sử mà được người đời sau công nhận là xuất sắc, là xứng đáng mang những danh hiệu ấy. Nhưng đây lại là do chính “đương sự” ngay trong hiện tại đầy vấp vấp, mà đã tự mình “tặng” cho chính mình! Một nhà túc nho, một người trí thức có đầu óc tinh táo, có liêm sỉ, một bộ não minh triết thì không bao giờ dám tự ý xưng mình là “Vương”, là “Ái Quốc”, là “Chí Minh”... như thế. Thật khó mà giải thích một kẻ tự coi mình là “ông vua”, là bậc “quân tử” siêu phàm, mà lại có hoài bão làm một nhà cách mạng, một chiến sỹ vô sản, cộng sản! Sự công khai tự tôn vinh mình lên một cách quá trớn như thế cũng không phải là thái độ của một bậc chí nhân, chí thánh...! Đây chỉ là những biểu hiện của một thứ sở cuồng lộ liễu, lỗ mãng, một thứ bệnh tâm thần đăm mê đến mất thăng bằng về mặt lí trí, liêm sỉ, đạo lý... Khi tự xưng tụng mình một cách thượng đỉnh, tối cao như thế thì chỉ có thể là vì đã quá khao khát danh vọng. Đây rõ ràng là một khát khao hành động của một cuồng vọng. Ngoài ra còn có thể tìm hiểu nội tâm, chỉ hướng của nhân vật lịch sử này qua một công trình phân tích mang tính phân tâm học của từng chữ, từng câu mang nặng một khát vọng trong hai tập sách tuyên truyền “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch” và “Vừa đi đường vừa kể chuyện” để thấy rõ từng bước chuyển biến tâm lý, từ lúc chỉ mong được nhận vào học Trường Thuộc Địa của “mẫu quốc Pháp” với hi vọng được ra làm quan, cho tới lúc quyết tâm trở thành một lãnh tụ cách mạng. Nhờ những phát tiết lỗ mãng của cuồng vọng như thế, mà “ông cụ” đã tạo ra một thời chính trị vô cùng phức tạp, điên đảo, một thời mà mọi người đều thấy rằng phải đạp lên lương tri, đạo lý để “cướp quyền”, để thành công, để chiến thắng! Đây chỉ là bí quyết hành động, trong một đại bi hài kịch của lịch sử! Thành ra qua những cái tên mang mặc cảm tự sùng bái mình như thế, chúng ta có thể hiểu “lãnh tụ” là người có đầu óc, có tâm trí, có đạo lý như thế nào! Napoléon, Hitler cũng đều đã là những lãnh tụ có tâm thức tự cao tự đại, nhưng không gian trá đến mức quá tinh quái như thế! Bởi họ còn thua “bác Hồ” ở chỗ họ không biết tự ngồi viết sách để tự đề cao chính mình! Thật tình, một người hết lòng vì nước vì dân, một chính danh quân tử, một trí thức lương thiện, thì không thể tự khoe mình, tự viết sách để ca tụng mình một cách ngông cuồng lộ liễu như vậy. Không ít người bênh vực nói “nhờ vậy mà “ông cụ” đã làm nên lịch sử”. Xét tới tận cùng lý luận trên những cơ sở như thế, cho phép ta giải thích những điều đã định hướng cho những hành động, những chọn lựa “khó hiểu, khó chấp nhận” của “bác Hồ”! Lịch sử đã mang dấu ấn của một tham vọng, một mưu trí tột đỉnh tự tôn như thế. Hậu thế, phải đặt trên cơ sở phân tích thực tại đó, để mà có thể hiểu rõ vấn đề công tội, đạo đức của “ông cụ”...

- Cứu xét như thế, thì bác thấy những chọn lựa nào, những phán quyết định nào của “ông cụ” là thuộc về

công, phần nào là thuộc về tội?

- Không thể dễ dàng đưa ngay ra một lời đáp thoả đáng cho câu hỏi rất quan trọng này. Có lẽ; phải nhiều thế hệ sau, có khi phải hàng trăm năm sau, qua những công trình nghiên cứu tập thể nghiêm túc, khách quan thì may ra mới có thể đưa ra một kết luận có giá trị. Nhưng tôi nêu ra vấn đề là muốn mỗi người chúng ta, tự xét xem dân tộc đất nước đã thụ hưởng những gì, đã chịu đựng như thế nào những di sản, những hậu quả mà sự chọn lựa lịch sử của “cụ Hồ” đã mang lại... rồi từ đó mà tự đưa ra lời giải đáp chân thực cho riêng mình. Khi cân nhắc những chọn lựa, những quyết định có tính lịch sử của “cụ Hồ” thì, về lâu, về dài, sẽ thấy phần lợi, phần hại là như thế nào. Tôi tin chắc rằng mỗi người dân, từng trải nghiệm đầy đủ những hậu quả của những chọn lựa hay quyết định ấy, sẽ có thể rút ra một kết luận công bằng để mà luận công tội cho “ông cụ” mà sẽ không cần phải tranh cãi với ai... Cái đó là tùy mỗi trải nghiệm của mỗi người, tùy theo những vui sướng, những đau khổ hôm qua và hôm nay, của mỗi người.

- Nhưng bác có thể nêu ra chọn lựa nào, quyết định nào đã mang tính lịch sử trọng đại của cụ Hồ được không?

- Thú thật là tôi đã từng có nhận xét phê phán về những chọn lựa và quyết định tốt và xấu có tính lịch sử của “ông cụ” trước vài cán bộ cao cấp trong “đảng”, khi nêu ra những thắc mắc lớn như dựa vào ý thức hệ cộng sản để giành độc lập thì là tốt hay xấu, nhất là khi so sánh với những nước đã giành được độc lập quanh ta mà họ đã không dùng tới ý thức hệ ấy... Nhưng chung quanh đã can tôi, đã khuyên tôi không nên đụng tới những điều nguy hiểm nhạy cảm, có thể bị mất mạng đó. Có người đã bỏ chạy không dám ngồi nghe tôi phân tích vì sợ liên lụy... Kể lại chuyện này để cho các anh thấy việc đánh giá công tội ông cụ là việc làm vô cùng nguy hiểm, vô cùng khó khăn. Trong hoàn cảnh hiện nay ở trong nước, đó là điều không thể nào làm được...

- Nhưng ít ra thì bác cũng có thể nêu ra vài thí dụ chứ?

- Như tôi đã nói, đánh giá sự chọn lựa này là tùy theo người, tùy theo hoàn cảnh. Những cán bộ đảng viên nhờ “đảng” mà đã có cuộc sống giàu sang, có và địa vị thì dĩ nhiên họ sẽ nói tốt cho “bác Hồ”. Những người phải gánh chịu phần thiệt thòi và đau khổ vì những chính sách của “bác và đảng” thì họ sẽ nói là xấu. Riêng trường hợp của tôi thì lúc đầu tôi cho đó là một chọn lựa tốt, là đúng, nhưng rồi càng về sau, tôi càng nhận ra rằng chọn lựa ấy đã đưa tới tình trạng không thể sửa đổi, không thể thích nghi với xã hội ta, với văn hoá của tổ tiên ta, vì cứ dập khuôn theo đúng mô hình nước ngoài, nhất là của Mao, thì đó thật sự là một chọn lựa xấu, rất xấu, vì nó hoàn toàn sai, sai từ cái gốc học thuyết, sai từ lý luận... Tôi chỉ mới hé mở, nêu ra sơ sơ như thế mà đã bị vịnh viễn đẩy ra bên lề chính trị. Nhưng vì thế mà “ông cụ” vẫn muốn theo dõi đầu óc tư tưởng, lý luận của tôi... Nếu cứ bảo lưu cái ý thức hệ “duy nhất đúng” này thì dĩ nhiên sẽ có ngày nó bị đào thải bằng sự đổ vỡ thảm khốc! Và cho tới nay, ở vài nơi, ta đã thay nhiều lần xảy ra những đổ vỡ như vậy.

- Thế còn các lãnh đạo khác, sau “bác Hồ”, thì họ có chú ý tới tư tưởng của Trần Đức Thảo không?

- Vẫn có chứ! Vì họ lúc nào cũng e ngại, nghi ngờ tôi. Vì tôi lúc nào cũng cố bắc cầu, bán tiếng, tìm cách truyền đạt những điều hay, lẽ phải của sự thật, Thế nên lúc nào họ cũng muốn theo dõi xem ý kiến của tôi là như thế nào, tuy họ rất e ngại và không ưa những ý kiến ấy. Vì những góp ý của tôi luôn luôn hướng về chân thiện mỹ, nên đôi khi họ cũng đồng ý cho tôi gặp một cách miễn cưỡng.. Tôi còn nhớ lần gặp gay go với tổng bí thư Trường Chinh, sau cái vụ tôi vùng lên muốn đấu lý với cố vấn Trung Quốc. Sau này cánh Lê Đức Thọ, Lê Duẩn thì rất ghét tôi, vì biết tôi muốn ngăn cản mở lại chiến tranh. Còn một lần gặp riêng ông Lê Duẩn thì rồi ông ấy cũng không ưa tôi, vì lúc ấy, trong cương vị Tổng bí thư, ông ta muốn tôi chấp bút viết hồi ký cho ông ấy. Nhưng sau khi ngồi cả tiếng đồng hồ để nghe ông ta giảng giải tư tưởng của ông, tôi đành trả lời thẳng là tôi nghe ông nói mà không hiểu gì cả! Vì thế sau này ông ấy cũng cay ghét tôi, đến nỗi không muốn sự có mặt của tôi ở những nơi ông đi qua... Lúc tôi vào Sài Gòn thì được nghe những câu chuyện ly kỳ của phe chủ chiến đến cùng, mà đứng đầu là cánh Lê Duẩn và Lê Đức Thọ... Phe này đã gây bè phái, rồi nắm được đa số trong bộ chính trị, đến mức đã chèn ép, cô lập được chính cả “cụ Hồ” trong giờ phút nghiêm trọng. Bởi lúc ấy “ông cụ” hình như muốn xây dựng một miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho thật là ấm no trước đã. Võ Nguyên Giáp là người “nhất trí” với “ông cụ”. Vì thế mà cánh Lê Duẩn đã phê phán, phao ra lập luận là “Giáp sợ Mỹ”. Chính cánh này còn tìm cách triệt hạ uy tín của Giáp bằng cách tung tư liệu chứng minh Giáp là con nuôi tên trùm mật thám Marty, Giáp thắng trận Điện Biên là nhờ mấy tướng Trung Quốc “bày binh bố trận”. Trong giới đảng viên cao cấp có cả một giai thoại ly kỳ về “âm mưu cắt cái mũ phớt”, vì Giáp là đảng viên duy nhất vẫn ưa đội mũ phớt kiểu công tử Hà Nội khi đi tìm cách mạng! Giai thoại này chứng tỏ chung quanh “ông cụ” có nhiều phe cánh linh chống nhau, ngầm hạ uy tín của nhau rất là tàn nhẫn: Và điều đó cho thấy “ông cụ” lúc lên tới đỉnh cao quyền lực thì đã lâm vào hoàn cảnh của một phù thủy không còn điều khiển được đám âm binh hung bạo, tùy tiện, hỗn xược đo chính mình đã tạo